



FIGURES & EVENTS REVIEW
OF THE GSO (MPI)

TẠP CHÍ **Con số SỰ KIỆN**

ISSN 2734-9136

TẠP CHÍ CỦA TỔNG CỤC THỐNG KÊ | BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ | NĂM THỨ 61 - SỐ 620 / Kỳ II - 4/2022



**TẬP TRUNG THÁO GỠ ĐIỂM NGHẼN
ĐỂ DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC PHÁT HUY
VAI TRÒ THEN CHỐT TRONG NỀN KINH TẾ**



**GIẢM THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG
LIỀU THUỐC KÍCH CẦU
HỖ TRỢ KINH TẾ PHỤC HỒI**



**NGÀNH DU LỊCH ĐÔNG NAM Á
NỖ LỰC PHỤC HỒI SAU BÃO ĐẠI DỊCH**



**HẢI PHÒNG - THU HÚT ĐẦU TƯ
VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI**



BỆNH VIỆN HỮU NGHỊ VIỆT TIỆP - HẢI PHÒNG

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG - PHÁT TRIỂN KỸ THUẬT - ĐỔI MỚI QUẢN LÝ - TỰ CHỦ BỀN VỮNG

Địa chỉ: số 1 Đường Nhà Thương, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân, TP. Hải Phòng
Điện thoại: 0225.3700436, 0969.261.515 * Tổng đài chăm sóc khách hàng: 1900 232361
Giám đốc bệnh viện: PGS.TS. LÊ MINH QUANG

TẤT CẢ VÌ SỰ HÀI LÒNG CỦA NGƯỜI BỆNH



Chủ tịch UBND TP Hải Phòng Nguyễn Văn Tùng cùng các ngành đi kiểm tra tại Cơ sở 2 Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp. Ảnh: Tư liệu



Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp khai trương máy MRI 3.0 và máy CT 768 lát



Đoàn bác sĩ, điều dưỡng, tình nguyện chi viện cho Đà Nẵng. Đây là đội ngũ nhân viên y tế trẻ, có chuyên môn cao tình nguyện tham gia công tác phòng chống dịch bệnh COVID-19 tại thành phố Đà Nẵng



Bệnh viện Hữu Nghị Việt Tiệp là một trong những bệnh viện tuyến đầu của thành phố Hải Phòng (Ảnh: Nam Phong)



Lễ Bế giảng trực tuyến khóa đào tạo, chuyển giao gói kỹ thuật "Ghép thận" của Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức Hà Nội cho Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp Hải Phòng



Các y bác sĩ can thiệp mạch vành, tái thông mạch máu thành công cho người bệnh F0 nhồi máu cơ tim cấp



Khai trương, cắt băng khánh thành máy xạ trị tại Trung tâm Ung bướu, Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp. Ảnh: Tư liệu



HỌP BÁO TÌNH HÌNH LAO ĐỘNG VIỆC LÀM CẢ NƯỚC QUÝ I NĂM 2022

Sáng ngày 12/4/2022, tại Hà Nội, Tổng cục Thống kê (TCTK) đã tổ chức Hội báo tình hình lao động việc làm quý I năm 2022. Phó Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Trung Tiến chủ trì hội báo.

Tham dự hội báo có đại diện lãnh đạo, chuyên viên các đơn vị có liên quan thuộc cơ quan TCTK cùng đại diện một số Bộ, ngành; các cơ quan báo chí truyền thông Trung ương tại Hà Nội. Hội báo được kết nối trực tuyến với các điểm cầu 63 Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Phát biểu khai mạc hội báo, Phó Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Trung Tiến cho biết, trong quý II và VI năm 2021 do phải thực hiện giãn cách xã hội để phòng chống dịch Covid-19, Việt Nam đã chứng kiến làn sóng người lao động rời các trung tâm kinh tế lớn phía Nam trở về địa phương, dẫn đến tình trạng thiếu lao động cục bộ ở một số địa phương của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Đầu quý I năm 2022, với quyết tâm phục hồi và phát triển kinh tế để không lỡ nhịp với đà phục hồi của kinh tế thế giới, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 về chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và triển khai Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ chương trình của Nghị quyết 11 của Chính phủ. Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội của Chính phủ đã phát huy tác động,



hiệu quả, tạo động lực khôi phục và phát triển kinh tế nhanh và bền vững. Kinh tế - xã hội 3 tháng đầu năm 2022 của nước ta đã đạt được nhiều kết quả tích cực, hầu hết các ngành, lĩnh vực có xu hướng phục hồi và tăng trưởng trở lại, trong đó có thị trường lao động.

Tại buổi hội báo, đại diện lãnh đạo Vụ Thống kê Dân số và Lao động trình bày Báo cáo về Tổng quan tình hình lao động việc làm quý I năm 2022. Trong đó nêu rõ, nỗ lực triển khai chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội của Chính phủ, các cấp, các ngành, các địa phương cùng các chính sách nới lỏng giãn cách xã hội và hoàn thành tiêm vắc xin trong những tháng cuối năm 2021 và đầu năm 2022 đã tạo điều kiện cho thị trường lao động dần phục hồi và đạt mức tăng trưởng khá. Lực lượng lao động, số người có việc làm quý I năm 2022 tăng so với quý trước và so với cùng kỳ năm trước, đặc biệt lao động trong ngành dịch vụ tăng đáng kể

so với quý trước; Thu nhập bình quân tháng của người lao động tăng so với quý trước và so với cùng kỳ năm trước; tỷ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm trong độ tuổi lao động đều giảm so với quý trước...

Cụ thể, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên trong quý I năm 2022 là 51,2 triệu người, tăng hơn 0,4 triệu người so với quý trước và tăng khoảng 0,2 triệu người so với cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động quý I năm 2022 là 68,1%, tăng 0,4 điểm phần trăm so với quý trước và giảm 0,6 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước.

Số người từ 15 tuổi trở lên có việc làm là 50,0 triệu người, tăng 962,6 nghìn người so với quý trước và tăng 132,2 nghìn người so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, tăng chủ yếu ở khu vực thành thị và ở nam giới (tương ứng là tăng 850,2 nghìn người và 203,6 nghìn người so với cùng kỳ năm trước).

Số người có việc làm phi chính thức chung (bao gồm cả lao động

làm việc trong hộ nông nghiệp) trong quý I năm 2022 là 33,4 triệu người, tăng 97,5 nghìn người so với quý trước và giảm 992,1 nghìn người so với cùng kỳ năm trước.

Thị trường lao động quý I đang dần sôi động trở lại ở nhiều ngành kinh tế, đời sống của người lao động được cải thiện hơn, thu nhập bình quân của người lao động có sự phục hồi mạnh mẽ. Thu nhập bình quân tháng của người lao động quý I là 6,4 triệu đồng, tăng 1 triệu đồng so với quý trước và tăng 110 nghìn đồng so với cùng kỳ năm trước.

Số người thất nghiệp trong độ tuổi lao động quý I năm 2022 là khoảng 1,1 triệu người, giảm 489,5 nghìn người so với quý trước và tăng 16,7 nghìn người so với cùng kỳ năm trước.

Về tác động của dịch Covid-19 đến tình hình lao động việc làm quý I năm 2022, Tổng cục Thống kê cho biết, nhờ nỗ lực triển khai nhiều giải pháp nên các hoạt động sản xuất, kinh doanh, đời sống xã hội dần được phục hồi và phát triển, đã có hiệu quả tác động rõ rệt đối với thị trường lao động Việt Nam. Số lao động bị ảnh hưởng tiêu cực bởi đại dịch Covid-19 đã giảm mạnh. Trong quý I năm 2022, mặc dù cả nước vẫn còn hơn 16,9 triệu người từ 15 tuổi trở lên chịu tác động tiêu cực của đại dịch Covid-19 nhưng con số này đã giảm mạnh so với quý trước (giảm 7,8 triệu người). Đây là mức giảm mạnh nhất được ghi nhận kể từ khi đất nước chứng kiến sự bùng phát của đại dịch Covid-19.

Tại buổi Họp báo, đại diện TCTK đã dành thời gian giải đáp thỏa đáng các câu hỏi của phóng viên về những vấn đề liên quan đến lao động việc làm quý I năm 2022./

M.T

TỔNG CỤC THỐNG KÊ LÀM VIỆC VỚI QUỸ TIỀN TỆ QUỐC TẾ (IMF)

Sáng ngày 8/4/2022, tại Hà Nội, Tổng cục Thống kê (TCTK) đã có buổi làm việc với Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) về một số nội dung liên quan tới dự báo kịch bản tăng trưởng kinh tế vĩ mô của Việt Nam trong giai đoạn tới. Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Thị Hương tham dự và chủ trì buổi làm việc.



Tham dự buổi làm việc, về phía TCTK có lãnh đạo và chuyên viên một số đơn vị nghiệp vụ liên quan. Về phía IMF có bà Era Dabla Norris, Trợ lý Vụ trưởng Vụ châu Á - Thái Bình Dương cùng các chuyên gia kinh tế cao cấp thuộc IMF và văn phòng đại diện tại Việt Nam.

Buổi làm việc được kết nối trực tuyến với các chuyên gia IMF tại điểm cầu Washington DC (Mỹ).

Tại buổi làm việc, TCTK đã có những báo cáo về một số kết quả về tình hình kinh tế vĩ mô, những tác động của dịch Covid-19 đến tăng trưởng kinh tế, việc làm, lạm phát, cán cân thương mại năm 2021 và quý I năm 2022 của Việt Nam. Các báo cáo cho biết, thời gian qua nền kinh tế Việt Nam đã có những khởi sắc nhất định và được kỳ vọng tiếp tục có được sự phục hồi tích cực trong thời gian tới.

Buổi làm việc đã dành nhiều thời gian để các đại biểu thảo luận các vấn đề về tình hình kinh tế vĩ mô, dự báo về tăng trưởng, lạm phát, thất nghiệp, cán cân đối ngoại trong ngắn và trung hạn; Tác động của dịch Covid-19 đối với nền kinh tế; Những rủi ro làm suy giảm tăng trưởng; Tác động tiềm tàng của những rủi ro này đối với tăng trưởng, lạm phát, việc làm, cán cân đối ngoại; Tính hiệu quả của các gói hỗ trợ trong năm 2021 để giảm thiểu tác động của dịch Covid-19 đến doanh nghiệp và các hộ gia đình; Tình hình thị trường lao động năm 2021, triển vọng năm 2022 và những năm sau; Tác động của dịch Covid-19 và các gói hỗ trợ đến thị trường lao động (lực lượng lao động, việc làm, thất nghiệp, lao động phi chính thức...); Tình hình chính sách tiền lương hiện nay theo khu vực, giới tính, lao động phi chính thức, theo vùng, kỹ năng và trình độ; Chương trình phục hồi kinh tế trong giai đoạn tới...

Phát biểu tại buổi làm việc, Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Thị Hương cảm ơn những đóng góp, tài trợ của IMF trong thời gian qua, đồng thời đánh giá cao những tham vấn, hỗ trợ của IMF đối với TCTK, qua đó đã giúp TCTK hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao. Thời gian tới, TCTK hy vọng sẽ tiếp tục nhận được sự hỗ trợ về mặt kỹ thuật, cũng như những tham vấn về chuyên môn nghiệp vụ của IMF để TCTK tiếp tục nâng cao năng lực thống kê đáp ứng nhu cầu quốc tế và nâng cao hiệu quả các chính sách tài chính trong khu vực./

Thu Hòa



HỘI THẢO VỀ VIỆC SỬA ĐỔI CHƯƠNG TRÌNH ĐIỀU TRA THỐNG KÊ QUỐC GIA



Chiều ngày 7/4/2022, tại Hà Nội, Tổng cục Thống kê (TCTK) tổ chức Hội thảo về việc sửa đổi Chương trình điều tra thống kê quốc gia. Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Thị Hương chủ trì Hội thảo.

Tham dự trực tiếp tại Hội thảo có Phó Tổng cục trưởng Nguyễn Trung Tiến; đại diện lãnh đạo và chuyên viên các đơn vị thuộc TCTK; thành viên Tổ Biên tập. Đại diện lãnh đạo Cục và lãnh đạo Phòng tại 63 Cục Thống kê tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương tham dự trực tuyến.

Phát biểu khai mạc Hội thảo, Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương cho biết, sửa đổi Chương trình điều tra thống kê quốc gia là một trong những thể chế rất quan trọng, giúp TCTK có thể hoàn thành được các nhiệm vụ quy định trong Luật Thống kê sửa đổi. Theo TCT Nguyễn Thị Hương, Hội thảo cần nhấn mạnh đến các nội dung thảo luận nhằm đưa ra cái nhìn đầy đủ, toàn diện, cũng như huy động các nguồn lực để triển khai điều tra, tập trung các nguồn lực về các khoảng trống điều tra, xây dựng chương trình

điều tra vừa là công cụ, vừa có thể triển khai thực hiện trong thực tiễn...

Tại Hội thảo, đại diện Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê đã có bài trình bày xin ý kiến về các nội dung liên quan đến dự thảo Chương trình điều tra thống kê quốc gia sửa đổi: Thời điểm điều tra Tổng điều tra dân số và nhà ở; thực hiện khảo sát mức sống dân cư; thời điểm thu thập thông tin đối với các cơ sở SXKD cá thể và doanh nghiệp trong Tổng điều tra kinh tế; điều tra năng suất cây công nghiệp, điều tra năng suất sản lượng cây hàng năm và cây lâu năm; thời điểm điều tra quý đối với doanh nghiệp trong điều tra tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp hàng tháng; điều tra thông tin khách du lịch nội địa và các cuộc điều tra thống kê về lĩnh vực du lịch; điều tra các chỉ tiêu bảo vệ môi trường...

Cũng tại Hội thảo, các đại biểu đã thảo luận và đưa ra nhiều ý kiến, góp ý thiết thực cho dự thảo Chương trình điều tra thống kê quốc gia sửa đổi.

Phó Tổng cục trưởng Nguyễn Trung Tiến ghi nhận và đánh giá cao các ý kiến đóng góp của các đại biểu tham dự tại Hội thảo. Về cơ bản, các góp ý là thống nhất với những nội dung trong dự thảo Chương trình điều tra thống kê quốc gia sửa đổi, tuy nhiên, vẫn còn một số ý kiến chưa thống nhất và cần tiếp tục nghiên cứu nhằm hoàn thiện dự thảo Chương trình điều tra thống kê quốc gia sửa đổi.

Kết luận Hội thảo, Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương cho rằng, về nguyên tắc, xây dựng chương trình điều tra thống kê quốc gia phải căn cứ vào hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia; Phải có cái nhìn đầy đủ, căn cứ vào thực tiễn đang triển khai các cuộc điều tra thống kê, tiếp cận một cách toàn diện, hài hòa giữa lợi ích của các bên tham gia.

Tổng cục trưởng đề nghị các đơn vị tiếp tục phối hợp chặt chẽ và làm việc với các bộ, ngành liên quan nhằm rà soát và thống nhất các nội dung đã xin ý kiến trong dự thảo Chương trình điều tra thống kê quốc gia sửa đổi, đảm bảo hoàn thành đúng kế hoạch./

Thu Hường

HỘI THẢO DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH NỘI DUNG CHỈ TIÊU THỐNG KÊ QUỐC GIA VÀ QUY TRÌNH BIÊN SOẠN GDP VÀ GRDP



Chiều ngày 8/4/2022, tại Hà Nội, Tổng cục Thống kê (TCTK) tổ chức Hội thảo trực tuyến Dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu Tổng sản phẩm trong nước (GDP) và chỉ tiêu Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (GRDP). Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Thị Hương chủ trì hội thảo.

Tham dự hội thảo trực tiếp có Phó Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Trung Tiến cùng đại diện lãnh đạo chuyên viên các đơn vị thuộc cơ quan TCTK; Cục Thống kê TP. Hà Nội; đại diện các Bộ, ban, ngành như: Bộ Giao thông Vận tải, Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính, Bộ Thông tin và Truyền thông, Ngân hàng Nhà nước, Bộ Quốc phòng, Bộ Công Thương, Viện Kiểm sát, Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ... Tại các điểm cầu trực tuyến có đại diện Bộ Tư pháp, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch...

Phát biểu khai mạc hội thảo, Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương cảm ơn các Bộ, ngành đã đồng hành cùng TCTK trong quá trình xây dựng Luật Thống kê. Đến nay, việc xây dựng Nghị định được đảm bảo tiến độ, để trình và thông qua theo đúng lộ trình đã đề ra. Tại hội thảo, Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương đề nghị các đại biểu tập trung trao đổi, cho ý kiến vào những nội dung của dự thảo Nghị định để có sự thống nhất cao đảm bảo theo quy định của Luật; đồng thời đáp ứng tối đa nhu cầu trong nước và quốc tế cũng như của mọi đối tượng dùng tin. Đồng thời, đưa ra kế hoạch triển khai tiếp theo để các Bộ, ngành chủ động tham gia, phối hợp trong công tác triển khai.

Tại hội thảo, đại diện lãnh đạo Vụ Phương pháp chế độ và Quản lý chất lượng (PPCĐ) đã trình bày 4 nhóm nội dung trong triển khai xây dựng dự thảo Nghị định gồm: Tiến độ xây dựng dự thảo

Nghị định; Giới thiệu dự thảo Nghị định; Một số nội dung cần xin ý kiến và kế hoạch tiếp theo.

Theo Vụ PPCĐ, trong trưng cầu ý kiến các Bộ, ngành, địa phương, tính đến ngày 7/4, TCTK đã nhận được ý kiến đóng góp của 27 Bộ, ngành và 59/63 địa phương. Tổ chức 9 hội thảo với 19 Bộ, ngành.

Về xây dựng dự thảo, Nghị định gồm 2 phụ lục kèm theo: Phụ lục I quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia; Phụ lục II quy định quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Dự thảo Nghị định quy định nội dung của 230 chỉ tiêu thống kê quốc gia quy định tại Luật Thống kê số 01/2021/QH15. Quy trình biên soạn chỉ tiêu GDP và GRDP.

Cho ý kiến vào một số nội dung cần xin ý kiến và những vấn đề còn vướng mắc, các đại biểu tại hội thảo cho rằng, về cơ bản,



các Bộ, ngành nhất trí với nội dung dự thảo Nghị định và đánh giá cao công tác tiếp thu, chỉnh sửa, bổ sung và giải trình trong trung cầu ý kiến các Bộ, ngành vào xây dựng dự thảo Nghị định. Đại diện các Bộ, ngành tích cực chia sẻ, trao đổi ý kiến đóng góp thống nhất về một số nội dung cần xin ý kiến và những vấn đề còn vướng mắc Bộ, ngành được giao thực hiện và phối hợp với các đơn vị khác.

Kết thúc hội thảo, Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương đánh giá cao ý kiến đóng góp của các đại biểu tại hội thảo. Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương đề nghị trong thời gian tới tiếp tục tổ chức các phiên kỹ thuật của các vụ chuyên ngành với đơn vị đầu mối và các Bộ, ngành có liên quan. Giao Vụ PPCĐ làm đầu mối giao cho các đơn vị xây dựng chương trình làm việc chi tiết giữa các phiên, các nhóm và đại diện của Vụ PPCĐ là đầu mối cùng các đơn vị tham gia làm việc để làm rõ từ khái niệm, định nghĩa, từ ngữ hoặc những cách thức để sau này thuận lợi trong triển khai thực hiện. Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương cho biết, theo đúng tiến độ để đảm bảo quy trình xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật, TCTK sẽ trình hồ sơ gửi Bộ Tư pháp thẩm định dự thảo Nghị định vào giữa tháng 4/2022./.

M.T



THỦ TƯỚNG BAN HÀNH KHUNG ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

Ngày 28/2/2022, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 288/QĐ-TTg về việc ban hành Khung đánh giá tình hình thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, nhằm phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

Quyết định 288/QĐ-TTg quy định việc tổ chức thực hiện Khung đánh giá, theo đó, đối với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ: Báo cáo kết quả thực hiện các chỉ tiêu quy định trong Khung đánh giá ban hành theo Quyết định này, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 20 tháng 12 hằng năm và cập nhật, bổ sung, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư vào ngày 20 tháng 3 năm tiếp theo. Rà soát, đề xuất điều chỉnh các chỉ tiêu kinh tế - xã hội theo ngành, lĩnh vực được phân công trong trường hợp cần thiết, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Đối với Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: Phân công các Sở, ban ngành trên địa bàn thực hiện các chỉ tiêu trong Khung đánh giá ban hành theo Quyết định này; định kỳ hằng năm, 5 năm đánh giá tình hình phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn. Xây dựng Khung đánh giá tình hình thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội hằng năm và 5 năm cấp huyện trên cơ sở Khung đánh giá và hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện. Rà soát, đề xuất điều chỉnh các chỉ tiêu kinh tế - xã hội trên địa bàn trong trường hợp cần thiết, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Đối với Bộ Kế hoạch và Đầu tư: (i) Chủ trì tổng hợp số liệu chỉ tiêu của Khung đánh giá trong quá trình đánh giá kết quả thực hiện phát triển kinh tế - xã hội hằng năm; trên cơ sở đó, kịp thời đề xuất, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong việc chỉ đạo xây dựng, tổ chức thực hiện, đánh giá bổ sung kết quả thực hiện các Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội theo quy định. (ii) Chủ trì, phối hợp với Bộ, ngành, địa phương tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong tiếp nhận, tổng hợp số liệu trong Khung đánh giá, bảo đảm sự kết nối, liên thông, kịp thời phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. (iii) Tổng hợp, đề xuất Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ việc điều chỉnh, bổ sung Khung đánh giá, kịp thời đáp ứng yêu cầu thực tiễn trong quản lý, chỉ đạo, điều hành. (iv) Chủ trì, hướng dẫn, kiểm tra, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Quyết định này./.

P.V

Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - Vương quốc Anh và Bắc Ailen (UKVFTA)

ĐÒN BẨY TRONG THÚC ĐẨY TRAO ĐỔI THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ SONG PHƯƠNG

Minh Thư

Sau 1 năm Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – Vương quốc Anh và Bắc Ailen (UKVFTA) đi vào thực thi, nhiều kết quả tích cực và những điểm sáng trong hợp tác phát triển kinh tế, thương mại giữa Việt Nam và Vương quốc Anh đã được ghi nhận.

UKVFTA - đòn bẩy trong thúc đẩy trao đổi thương mại và đầu tư song phương

Hiệp định thương mại UKVFTA được ký chính thức tại London, vương quốc Anh ngày 29/12/2020, áp dụng tạm thời từ ngày 01/01/2021 và chính thức có hiệu lực từ ngày 01/5/2021.

Theo cam kết Hiệp định thương mại UKVFTA, 65% thuế quan đã được xóa bỏ đối với thương mại Việt Nam - Anh. Trong 6 năm đầu tiên sau khi UKVFTA có hiệu lực, Vương quốc Anh sẽ xóa bỏ thuế quan đối với 99,2% số dòng thuế liên quan đến hàng hóa nhập khẩu của Việt Nam.

Việt Nam cam kết xóa bỏ 48,5% thuế quan, phù hợp với các nước EU khác trong khuôn khổ Hiệp định thương mại Việt Nam - Liên minh châu Âu (EVFTA). Thuế suất đối với thương mại hàng hóa song phương giữa Vương quốc Anh và Việt Nam tiếp tục được áp dụng như được lập lại từ EVFTA. Cụ thể, trong ngành thủy sản, ngay khi Hiệp định có hiệu lực, thuế nhập khẩu

hầu hết các loại tôm nguyên liệu vào Anh sẽ giảm từ 10 - 20% xuống 0%; nhiều mặt hàng gỗ sẽ có thuế suất 0% trong vòng 5 năm tới; đối với trái cây, 94% trong tổng số 547 dòng thuế được xóa bỏ; Việt Nam đã cam kết loại bỏ Kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT) áp dụng cho các cơ sở bán lẻ thứ cấp và các cơ sở bán lẻ tiếp theo, trong vòng 5 năm sau khi có hiệu lực...

Thời điểm Hiệp định chính thức có hiệu lực cũng là lúc cả Việt Nam và Vương quốc Anh phải đối mặt với diễn biến phức tạp của đại dịch Covid-19 gây gián đoạn không nhỏ đến chuỗi cung ứng xuất nhập khẩu cũng như các hoạt động kinh tế và thương mại khác. Mặc dù khởi đầu trong bối cảnh khó khăn nhưng trao đổi thương mại hàng hóa hai chiều giữa Việt Nam và Vương quốc Anh vẫn đạt 6,61 tỉ USD, tăng trưởng hơn 17% so với năm 2020. Mức tăng trưởng hai chữ số này giúp kim ngạch thương mại song phương giữa Việt Nam và Vương quốc Anh quay trở lại mức của năm 2019,

trước khi xảy ra đại dịch vào năm 2020. Hiệp định thương mại UKVFTA thực sự là một "con đường cao tốc" hai chiều, giúp thúc đẩy trao đổi thương mại song phương theo hướng ngày càng cân bằng hơn. Mặc dù mới trải qua thời gian ngắn nhưng những số liệu ban đầu cho thấy quá trình thực thi Hiệp định có những điểm sáng. Xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang Vương quốc Anh đã tăng trên 16%, là mức tăng khá so với các thị trường khác. Nhiều mặt hàng có thế mạnh của Việt Nam như: Đồ gỗ nội thất, dệt may, điện thoại các loại và linh kiện... đều gia tăng sự hiện diện tại thị trường Anh. Trong đó có nhiều nhóm mặt hàng tăng trưởng cao như: Nông sản, chế biến chế tạo (phương tiện vận tải phụ tùng tăng 34%, máy móc thiết bị tăng 16%). Đặc biệt, việc xóa bỏ hoàn toàn thuế nhập khẩu cho mặt hàng rau quả từ ngày 1/1/2021 sau khi UKVFTA có hiệu lực, xuất khẩu rau quả Việt Nam sang Anh trong năm 2021 tăng 67% so với năm 2020 lên hơn



19,35 triệu USD, trong khi các mặt hàng nông sản các loại tăng 16% lên hơn 230,4 triệu USD.

Ở chiều ngược lại, Vương quốc Anh xuất khẩu sang Việt Nam tăng 24%. Các mặt hàng của Vương quốc Anh tăng mạnh xuất khẩu sang Việt Nam cũng là những sản phẩm thế mạnh của nước này, gồm: Dược phẩm tăng 35%; ô tô tăng 29%; máy tính, sản phẩm điện tử, linh kiện tăng 25%; nguyên liệu dệt may, da giày tăng 25%... Nhờ sự ưu đãi của UKVFTA, doanh nghiệp Anh có nhiều cơ hội lớn đầu tư trên nhiều lĩnh vực khác nhau như: Giáo dục, năng lượng tái tạo.

Với tác động tích cực của Hiệp định UKVFTA, tình hình đầu tư trực tiếp từ Vương quốc Anh vào Việt Nam cũng ghi nhận tăng trưởng khá. Năm 2021, đã có 48 dự án đầu tư trực tiếp của Vương quốc Anh vào Việt Nam được cấp mới với số vốn đăng ký cấp mới đạt hơn 53 triệu USD, tăng trưởng 157% so với cùng kỳ năm 2020, duy trì đầu tư trực tiếp của Vương quốc Anh tại Việt Nam đạt mức 4 tỷ USD. Hiện nay, Vương quốc Anh nằm trong số 15 quốc gia hàng đầu đầu tư nước ngoài vào Việt Nam. Tăng trưởng trong đầu tư của Vương quốc Anh cho thấy các doanh nghiệp của Vương quốc Anh đang rất quan tâm đến thị trường Việt Nam.

Việc thực thi Hiệp định giúp hai bên vượt qua khó khăn do dịch Covid-19 gây ra và là một trong các yếu tố giúp giảm bớt gánh nặng cho cả hai nền kinh tế khi chuỗi cung ứng bị đứt gãy. Đồng thời, hai bên cũng đã thiết lập những cơ chế trao đổi thường xuyên để giải quyết những vấn đề cụ thể phát sinh trong quá trình thực thi.

Dư địa khai thác tiềm năng của Hiệp định UKVFTA vẫn còn rất lớn

Hiện, Việt Nam và Anh quốc được xem là hai thị trường có tính bổ sung cho nhau khi gần như không có sản phẩm cạnh tranh trực tiếp hay đối đầu. Đơn cử, Việt Nam rất cần phát triển ngành dược thì Vương quốc Anh hỗ trợ rất tốt ngành này. Ngược lại, Việt Nam là quốc gia xuất khẩu dệt may, Vương quốc Anh lại là nước nhập khẩu.

Dư địa hợp tác giữa Việt Nam và Vương quốc Anh còn rất lớn bởi hàng hóa Việt Nam xuất khẩu sang Vương quốc Anh mới chỉ chiếm 0,88% trong tổng nhập khẩu vào Anh. Ở chiều ngược lại, hàng hóa xuất khẩu của Anh cũng chiếm phần nhỏ trong lượng nhập khẩu của Việt Nam. Trong thời gian tới, nhiều ngành hàng xuất khẩu còn dư địa phát triển lớn như: Thủy sản, gạo...

Hiện nay, Vương quốc Anh đang tích cực đẩy mạnh quá trình

đàm phán và ký kết các thỏa thuận thương mại sau khi hoàn thành Brexit; Việt Nam đã và đang tham gia hàng loạt các hiệp định thương mại tự do, trong đó có các Hiệp định thương mại tự do lớn như Hiệp định CPTPP, Hiệp định RCEP, Hiệp định thương mại tự do với Liên minh châu Âu và đặc biệt việc cả hai nước đang cùng thúc đẩy Hiệp định thương mại tự do song phương này sẽ tạo ra những cơ hội hấp dẫn để cộng đồng doanh nghiệp hai nước tăng cường hợp tác và tận dụng các thế mạnh của nhau, từ đó thúc đẩy hơn nữa giá trị gia tăng từ hoạt động trao đổi kinh tế, thương mại.

Tuy nhiên để biến các tiềm năng trở thành lợi ích thực sự, các cơ quan quản lý và cộng đồng doanh nghiệp của Việt Nam và Vương quốc Anh cần tiếp tục đánh giá, xác định những khó khăn, vấn đề còn tồn tại và tìm ra các giải pháp khắc phục một cách hiệu quả nhất.

Bộ Công Thương tiếp tục phối hợp với các cơ quan liên quan của Việt Nam và Vương quốc Anh tổ chức các hoạt động đa dạng khác để góp phần tích cực vào việc xây dựng các chính sách thiết thực và hiệu quả nhằm giúp cộng đồng doanh nghiệp tận dụng tối đa cơ hội từ Hiệp định UKVFTA.

Các doanh nghiệp cần chủ động hơn nữa trong việc tìm hiểu, nắm vững nội dung, cam kết của Hiệp định; Cần chú trọng tìm hiểu thông tin thị trường Vương quốc Anh, nhu cầu tiêu dùng, các quy định của thị trường Vương quốc Anh để tuân thủ; Đồng thời, các doanh nghiệp cần quan tâm, chú trọng việc cải tiến và nâng cao chất lượng sản phẩm, đáp ứng yêu cầu thị trường xuất khẩu cũng như tăng tính cạnh tranh với hàng hóa của các nước xuất khẩu khác.../.

Trong những tháng đầu năm, mặc dù nền kinh tế cả nước vẫn chịu tác động từ dịch bệnh Covid-19, song tiếp nối đà tăng những tháng cuối năm 2021, hoạt động xuất khẩu vẫn có những tín hiệu tích cực.



HOẠT ĐỘNG XUẤT KHẨU những sự khởi đầu thuận lợi

TS Nguyễn Thị Thu Hương - ThS. Lê Thị Thùy Chinh
Đại học Lao động Xã hội

Hoạt động xuất khẩu những tháng đầu năm 2022 – nhiều điểm thuận lợi

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, trong quý I năm 2022, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa cả nước ước đạt 88,58 tỷ USD, tăng 12,9% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 23,27 tỷ USD, tăng 22%, chiếm 26,3% tổng kim ngạch xuất khẩu; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 65,31 tỷ USD, tăng 10%, chiếm 73,7%.

Trong quý I năm 2022 có 15 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD, chiếm 80% tổng kim ngạch xuất khẩu; 5 mặt hàng xuất khẩu trên 5 tỷ USD, chiếm 58%.

Biểu 1. Trị giá một số mặt hàng xuất khẩu quý I năm 2022

	Ước tính quý I năm 2022 (Triệu USD)	Tốc độ tăng/giảm quý I năm 2022 so với cùng kỳ năm trước (%)
Các mặt hàng đạt giá trị trên 5 tỷ USD		
Điện thoại và linh kiện	14.239	-0,9
Điện tử, máy tính và linh kiện	13.055	9,2
Máy móc thiết bị, dụng cụ PT khác	9.919	8,8
Dệt, may	8.837	22,5
Giày dép	5.288	10,1

Nguồn: Tổng cục Thống kê

Trong 5 mặt hàng xuất khẩu trên 5 tỷ USD, mặt hàng điện thoại và linh kiện dù có giá trị xuất khẩu giảm 0,9% so cùng kỳ năm trước, song vẫn là các sản phẩm công nghiệp chủ lực và cũng là nhóm hàng xuất khẩu chính của nền kinh tế với giá trị xuất khẩu đạt 14,2 tỷ USD. Tiếp đến là mặt hàng điện tử, máy tính và linh kiện có giá trị xuất khẩu đạt gần 13,1 USD, tăng 9,2%; Máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác 9,9 tỷ USD, tăng 8,8%.

Sau chuỗi ngày dài chịu tác động của dịch Covid-19 trong 2 năm 2020 và 2021, những tháng đầu tiên của năm 2022, xuất khẩu dệt may, da giày của Việt Nam đã có sự khởi đầu khá thuận lợi khi có đơn hàng dồi dào đến từ các thị trường lớn như Mỹ, EU..., giúp các doanh nghiệp đẩy nhanh sản xuất, lấy lại tăng trưởng xuất khẩu. Nhiều doanh nghiệp trong ngành dệt may, da giày cho biết đã có đơn hàng xuất khẩu ít nhất đến hết quý II/2022, thậm chí là quý III/2022. Nhờ đó, giá trị xuất khẩu

dệt may có mức tăng ấn tượng là 22,5%, đạt 8,8 tỷ USD; giày dép tăng 10,1%, đạt 5,3 tỷ USD.

Xét về nhóm hàng xuất khẩu, trong quý I năm 2022, kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng công nghiệp chế biến tiếp tục đóng góp quan trọng vào tốc độ tăng trưởng chung của hoạt động xuất khẩu với kim ngạch đạt 78,82 tỷ USD, tăng 11,8% so cùng kỳ năm trước và chiếm 89% trong tổng kim ngạch xuất khẩu chung. Kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng nhiên liệu khoáng sản dù chỉ đạt 1,23 tỷ USD và chiếm 1,4% tổng kim ngạch xuất khẩu cả nước song lại là nhóm hàng có mức tăng cao nhất so cùng kỳ năm ngoái, với 68%. Bên cạnh đó, kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng nông, lâm sản đạt 6,12 tỷ USD, tăng 11,1% so cùng kỳ năm trước và chiếm 6,9%; nhóm hàng thủy sản đạt 2,41 tỷ USD, tăng 38,7% so cùng kỳ và chiếm 2,7%.

Trong thời gian qua, tác động của dịch Covid-19 đã khiến xuất khẩu mặt hàng nông sản gặp khó khăn, đặc biệt trong khâu lưu thông. Tuy nhiên, sau khi Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11/10/2021 quy định tạm thời “Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19” và Chỉ thị 26/CT-TTg ngày 21/9/2021 nhằm hỗ trợ, tháo gỡ kịp thời các khó khăn, vướng mắc, điểm nghẽn cản trở sản xuất, kinh doanh; thúc đẩy sản xuất, lưu thông, tiêu thụ và xuất khẩu nông sản, tránh đứt gãy chuỗi sản xuất gắn với đảm bảo an toàn phòng, chống dịch bệnh Covid-19 được ban hành, hoạt động sản xuất, chế biến nông nghiệp, nông sản dần phục hồi và gia tăng. Bên cạnh đó, nhu cầu nhóm hàng nông sản trên thế giới có xu hướng tăng lên sau khi dịch Covid-19 gây đứt gãy nhiều chuỗi sản xuất, đặc biệt

là những nhóm hàng như cá tra, tôm, cà phê, hạt tiêu... Bên cạnh đó, trước tình hình xuất khẩu nông sản sang Trung Quốc qua đường bộ gặp khó khăn do quốc gia này thực hiện chiến lược “Zero covid”, mạnh tay áp dụng các biện pháp phong tỏa, các bộ, ngành đã nhanh chóng phối hợp với các tỉnh biên giới tích cực tháo gỡ, cũng như có biện pháp đàm phán với phía Trung Quốc để có thể giảm thiểu được những tác động từ biện pháp chống dịch đối với hoạt động thương mại nông sản.

Một điểm nhấn trong hoạt động xuất khẩu hàng hóa quý I/2022 là giá trị xuất khẩu hàng hóa sang các thị trường chủ lực đều tăng trưởng mạnh, khẳng định vị trí quan trọng của mắt xích Việt Nam trong chuỗi cung ứng toàn cầu. Mỹ vẫn luôn là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam, với kim ngạch ước đạt 25,2 tỷ USD, chiếm 28,4% tổng kim ngạch xuất khẩu. Dù hoạt động xuất khẩu những tháng đầu năm sang Trung Quốc gặp nhiều khó khăn, nhưng giá trị xuất khẩu sang thị trường nước bạn láng giềng vẫn đạt 13,3 tỷ USD, chiếm 15% tổng kim ngạch xuất khẩu. Tiếp đến là EU 11,1 tỷ USD (chiếm 12,5%), ASEAN 8,0 tỷ USD (chiếm 9%), Hàn Quốc 5,9 tỷ USD (chiếm 6,7%) và Nhật Bản 5,3 tỷ USD (chiếm 6%).

Theo phân tích, nhìn chung, tín hiệu tăng trưởng tích cực của hoạt động xuất khẩu trong những tháng đầu năm đến từ những yếu tố thuận lợi như: Việt Nam đã có đà tăng trưởng xuất khẩu tốt duy trì qua nhiều năm và vượt qua được tác động của dịch bệnh. Nền kinh tế thế giới đang dần phục hồi sau cơn bão Covid-19. Bên cạnh đó, các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới có quy mô lớn với mức độ cam kết sâu như: Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), FTA Việt Nam - EU (EVFTA), FTA Việt Nam - Vương quốc Anh (UKVFTA) và gần đây nhất là Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP)... cũng đang phát huy tính hiệu quả.

Kỳ vọng xuất khẩu tiếp tục bứt phá những tháng tiếp theo của năm

Hoạt động xuất khẩu những tháng tiếp theo của năm 2022 được nhận định là vẫn sẽ gặp không ít khó khăn. Thách thức lớn nhất trước mắt vẫn là diễn biến phức tạp, kéo dài của đại dịch Covid-19 với sự xuất hiện những biến chủng mới tại Việt Nam cũng như trên thế giới. Mặc dù Việt Nam đã có sự thích ứng an toàn để khôi phục sản xuất, tuy nhiên tác động của dịch bệnh ở các thị trường xuất khẩu cũng tiềm ẩn những nguy cơ ảnh hưởng đến hoạt động



xuất khẩu nước ta. Đặc biệt tại thị trường Trung Quốc, với tình hình dịch bệnh đang gia tăng, quốc gia này vẫn thực hiện chủ trương áp dụng các chính sách chống dịch nghiêm ngặt. Điều này rõ ràng sẽ tác động đến nguồn cung nguyên liệu của Việt Nam và hoạt động xuất khẩu sang thị trường này.

Một khó khăn khác đối với hoạt động xuất khẩu là về vấn đề vận chuyển, logistics. Trong 2 năm vừa qua, sự xuất hiện và bùng phát của dịch bệnh đã đẩy giá cước vận tải biển lên cao, đến nay chưa có dấu hiệu “hạ nhiệt”, dẫn đến nguy cơ các nhà nhập khẩu có thể dịch chuyển đơn hàng sản xuất về gần thị trường tiêu thụ nhằm giảm chi phí.

Những bất ổn xung đột Nga-Ukraine cũng là điều đáng chú ý.

Tuy giá trị xuất khẩu sang Nga cũng như Ukraine không lớn, song đây là 2 quốc gia cung cấp nguồn nguyên liệu cơ bản như than, phân bón, hóa chất, các sản phẩm kim loại... Do đó, cuộc xung đột Nga - Ukraine đã và đang tác động đến giá cả trên thị trường thế giới, dẫn đến sự tăng giá đầu vào của các nguyên liệu nói chung. Hơn nữa, do Nga là quốc gia cung cấp dầu thô, khí đốt hàng đầu thế giới, nên căng thẳng Nga - Ukraine cũng đang đẩy giá dầu thô lên rất cao, tác động không nhỏ đối với chuỗi cung ứng toàn cầu, đặc biệt là các quốc gia có nhập khẩu nhiên liệu, nhập khẩu dầu thô từ Nga, khiến cho giá thành ở các thị trường này đẩy lên cao, tạo áp lực lên thị trường thế giới nói chung và cho hoạt động sản xuất của Việt Nam.

Ngoài ra, tăng trưởng kinh tế toàn cầu còn khá mong manh và tiềm ẩn nhiều rủi ro, khó dự đoán, hay nguy cơ lạm phát, rủi ro tài chính, tiền tệ gia tăng... Nhiều quốc gia

trên thế giới như Trung Quốc, Bangladesh, Ấn Độ và các nước cùng trong khu vực Đông Nam Á... cũng đang nỗ lực tăng tốc nổi lại xuất khẩu để bù đắp những thiếu hụt về kim ngạch trong năm 2021. Thêm vào đó, chủ nghĩa bảo hộ thương mại phi thuế quan vẫn đang có xu hướng gia tăng tại nhiều khu vực, thị trường lớn,

Dù những khó khăn, thách thức trên đang hiện hữu, song trong những tháng tiếp theo, hoạt động xuất khẩu vẫn được đánh giá là sẽ tiếp tục tăng trưởng bởi Việt Nam đã thay đổi cách thức tiếp cận trong phòng, chống dịch, dần thích ứng dịch bệnh, nhịp độ sản xuất của các doanh nghiệp trong nước đang đi vào ổn định.

Bên cạnh đó, nhu cầu tiêu dùng hàng hóa trên thị trường thế giới vẫn đang trên đà hồi phục nhờ các gói kích cầu mà các nền kinh tế đang áp dụng để hỗ trợ trực tiếp cho người dân. Các hiệp định thương mại tự do với một cơ chế và cam kết sâu cũng đang tiếp tục tạo thuận lợi để các doanh nghiệp trong nước đẩy mạnh xuất khẩu sang các thị trường trong khối.

Với những cơ hội trên, hoạt động xuất khẩu được dự báo sẽ đạt được những kết quả khả quan. Hiệp hội Da giày - Túi xách Việt Nam dự kiến cả năm 2022, xuất khẩu toàn ngành sẽ đạt khoảng 23 - 25 tỷ USD, tăng khoảng 10 - 15% so với năm 2021. Trong khi đó, ngành dệt may Việt Nam được dự báo sẽ về đích với kỷ lục mới là kim ngạch xuất khẩu đạt 42,5-43 tỷ USD, tăng 3,5-4 tỷ USD so với năm trước. Lĩnh vực thủy sản được kỳ vọng xuất khẩu trên 9 tỷ USD trong năm 2022.

Bộ Công Thương cũng đặt mục tiêu kim ngạch xuất khẩu năm 2022 tăng 6 - 8% so với năm 2021, đạt khoảng 363 tỷ USD; duy trì

cán cân thương mại ở mức xuất siêu. Để đạt mục tiêu đề ra, Bộ Công Thương đã và đang triển khai đồng bộ nhiều giải pháp. Nhằm cung cấp thông tin cho doanh nghiệp, Bộ Công Thương đã xây dựng một số website đưa thông tin đến với các doanh nghiệp, trong đó có website của Cục Xúc tiến thương mại, Trung tâm Thông tin công nghiệp và thương mại, một số website chuyên đề các cơ quan thương vụ Việt Nam tại nước ngoài. Bên cạnh đó, chú trọng triển khai hiệu quả các Hiệp định thương mại tự do (FTA) đã có hiệu lực, các cam kết trong WTO và Cộng đồng Kinh tế ASEAN, hướng dẫn doanh nghiệp các cơ hội của các FTA quan trọng như: EVFTA, CPTPP, RCEP...

Đối với hoạt động xuất khẩu qua cửa khẩu, bên cạnh các giải pháp của các cơ quan chức năng về việc tạo thuận lợi để thông quan hàng hóa, Bộ Công Thương khuyến cáo các thương lái, doanh nghiệp thực hiện mục tiêu “an toàn để xuất khẩu, xuất khẩu phải an toàn” nhằm giữ bằng được cửa khẩu đã được mở cửa trở lại. Cùng với đó, để duy trì bền vững việc mở lại các cửa khẩu, các địa phương vùng trồng, doanh nghiệp, các thương lái cần tăng cường áp dụng các biện pháp nhằm bảo đảm quy trình sản xuất, bao gói, vận chuyển hàng hóa an toàn, theo đúng yêu cầu của công tác phòng chống dịch. Đối với mặt hàng nông sản, cần lưu ý tăng cường chế biến sau thu hoạch để tăng giá trị cho sản phẩm có giá trị cao hơn, không phụ thuộc vào yếu tố thời vụ cũng như giảm bớt sức ép lên khu vực cửa khẩu.

Hy vọng rằng, giữa những cơ hội và thách thức đan xen của năm 2022, hoạt động xuất khẩu tiếp tục bứt phá và chinh phục kỷ lục mới./



TẬP TRUNG THẢO GỖ ĐIỂM NGHẼN ĐỂ DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC PHÁT HUY VAI TRÒ THEN CHỐT TRONG NỀN KINH TẾ

TS. Nguyễn Thị Phương Thảo
Học viện Ngân hàng

Trong những năm qua, khối doanh nghiệp Nhà nước được đánh giá đã có nhiều nỗ lực vươn lên, góp phần quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế cả nước. Tuy nhiên, vẫn còn những điểm nghẽn trong cơ chế, chính sách cần tháo gỡ, nhằm huy động nguồn lực của khối doanh nghiệp này trong thời gian tới.

Đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp Nhà nước (DNNN) luôn là vấn đề được Đảng, Nhà nước quan tâm và được xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của các cấp, các ngành trong việc triển khai các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ và các địa phương.

DNNN không ngừng vươn lên phát triển song chưa xứng với tiềm năng nguồn lực

Trong 5 năm qua, Quốc hội, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ đã ban hành khá đầy đủ, đồng bộ các cơ chế, chính sách nhằm tạo khung khổ pháp lý và điều chỉnh hoạt động của các DNNN.

Nhờ đó, cộng đồng DNNN đã không ngừng vươn lên, thể hiện vai trò quan trọng, then chốt trong nền kinh tế đất nước.

Đánh giá sự phát triển của DNNN trong thời gian qua, tại Hội nghị trực tuyến toàn quốc với doanh nghiệp nhà nước về "Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động nhằm huy động nguồn lực của doanh nghiệp nhà nước trong phát triển kinh tế - xã hội" được tổ chức vào tháng 3/2022, cho thấy đến đầu năm 2021, Việt Nam còn khoảng gần 500 doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và gần 200 doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối. Nếu loại trừ

các doanh nghiệp quốc phòng, an ninh và nông, lâm nghiệp thì hiện chỉ còn 94 DNNN quy mô lớn gồm: 09 tập đoàn kinh tế; 67 tổng công ty nhà nước, 18 công ty hoạt động theo mô hình nhóm công ty mẹ - công ty con. Chỉ riêng các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước đang nắm giữ, mặc dù chỉ chiếm một tỷ lệ nhỏ trong nền kinh tế (khoảng 0,08% số doanh nghiệp hoạt động tại thời điểm 1/12/2020) nhưng lại nắm giữ nguồn lực lớn của nền kinh tế (khoảng 7% tổng tài sản và 10% vốn chủ sở hữu của toàn bộ doanh nghiệp trên thị trường, chiếm khoảng 25,78% tổng vốn sản xuất, kinh doanh và 23,4% giá trị tài sản cố định và đầu tư

tài chính dài hạn của các doanh nghiệp đang hoạt động có kết quả sản xuất, kinh doanh). Quy mô tài sản bình quân của một DNNN là 6.095 tỷ đồng, cao gấp 18 lần doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và gấp 139 lần doanh nghiệp dân doanh. Nhiều DNNN đã xây dựng được các thương hiệu sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ có uy tín, có ảnh hưởng lớn trong khu vực và quốc tế về nhiều lĩnh vực như dịch vụ viễn thông, dịch vụ vận tải, cảng biển và logistic...

Bên cạnh đó, tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân cả giai đoạn 2016 - 2020 của khối DNNN là 10,46%; tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản bình quân cả giai đoạn 2016 - 2020 là 4,87%, cao hơn khối doanh nghiệp ngoài nhà nước (1,26%). Mặc dù chỉ chiếm tỷ lệ rất nhỏ (0,08%) nhưng DNNN đóng góp 28% tổng số thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước. Xét về hiệu quả sử dụng lao động, các DNNN thu hút khoảng 0,7 triệu lao động, chiếm khoảng 7,3% lao động của toàn bộ khu vực doanh nghiệp. Mức thu nhập bình quân tháng của một lao động tại các DNNN trong năm 2020 đạt khoảng 20 triệu đồng. Các DNNN của Việt Nam đang chiếm thị phần rất lớn trong một số lĩnh vực như năng lượng, viễn thông, ngân hàng... đóng góp hơn 29% GDP của đất nước.

Về cổ phần hóa DNNN, theo số liệu thống kê của Bộ Tài chính, lũy kế giai đoạn 2016-2020, đã có 180 DN được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án cổ phần hóa với tổng giá trị DN là gần 489,7 nghìn tỷ đồng, trong đó giá trị vốn nhà nước là gần 233,8 nghìn tỷ đồng.

Thực tế trong thời gian qua, một số DNNN đã tiên phong, dẫn đầu, mở đường trong nhiều lĩnh vực sản xuất, kinh doanh mới,

tạo lối đi cho cộng đồng doanh nghiệp cùng đồng hành. Ví dụ như Tập đoàn Dầu khí tiên phong xây dựng các công trình dầu khí ở ngoài khơi; Tập đoàn Điện lực đi đầu xây dựng các công trình thủy điện lớn, Viettel "mở đường" trong lĩnh vực sản xuất, áp dụng công nghệ cao, công nghiệp quốc phòng...

Dù đã đạt được những kết quả quan trọng, tuy nhiên, hoạt động và đóng góp của khối DNNN trong thời gian qua vẫn chưa tương xứng với tiềm năng, nhất là nguồn lực đang nắm giữ và thị trường đang chi phối. Các tập đoàn, tổng công ty về cơ bản chưa thực hiện được vai trò dẫn dắt, tạo động lực đối với nền kinh tế. Năng lực cạnh tranh, ứng dụng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo của các DNNN quy mô lớn vẫn còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu là lực lượng nòng cốt của kinh tế Nhà nước. Bên cạnh đó, việc thực hiện các dự án đầu tư mới của DNNN trong thời gian qua không được thúc đẩy. Việc tái cơ cấu toàn diện DNNN mới chủ yếu tập trung sắp xếp, cổ phần hóa, thoái vốn để có cơ cấu hợp lý hơn, mà chưa chú trọng thực hiện các định hướng, giải pháp đột phá về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, nguồn nhân lực chất lượng cao và một chiến lược kinh doanh dài hạn có tính khả thi cao. Đáng chú ý, một số DNNN còn thiếu tầm nhìn chiến lược để phát triển doanh nghiệp, nhất là tham gia vào các chuỗi giá trị toàn cầu và vươn ra quốc tế. Trong sự bùng nổ của cách mạng công nghiệp 4.0 thì khối DNNN chưa vận dụng tốt thành quả của cuộc cách mạng này và chưa đạt nhiều kết quả trong đổi mới sáng tạo.

Số liệu của Bộ Tài chính còn cho thấy, giai đoạn 2016-2020,

trong 180 doanh nghiệp đã cổ phần hóa mới chỉ có 39/128 doanh nghiệp cổ phần hóa thuộc danh mục cổ phần hóa theo công văn số 991/TTg-ĐMDN và Quyết định số 26/2019/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ (đạt 30% kế hoạch). Tổng giá trị phần vốn nhà nước khi cổ phần hoá bán được là trên 22,7 nghìn tỷ đồng (đạt 23% kế hoạch dự kiến bán, tương đương 11% giá trị phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp). Điều này thể hiện tiến trình cổ phần hoá chậm, kết quả cổ phần hóa, thoái vốn, cơ cấu lại DNNN chưa đạt được kế hoạch đề ra. Bên cạnh đó, việc rà soát, sửa đổi, bổ sung danh mục và kế hoạch cổ phần hóa, thoái vốn chậm, chưa bảo đảm tính kịp thời, còn hình thức, thiếu khả thi, chưa sát với thực tế. Một số đơn vị đăng ký danh sách thực hiện cổ phần hóa, thoái vốn nhiều nhưng không triển khai đúng theo kế hoạch.

Qua kết quả phân tích, những tồn tại, hạn chế được nhận định là do 5 nguyên nhân cơ bản như: Vẫn còn bất cập trong hệ thống pháp luật về DNNN; Chưa thật sự phân cấp, trao quyền tự chủ cho DNNN trong đầu tư kinh doanh, quản trị và quản lý điều hành; Các quy định về tiền lương và chế độ đãi ngộ khác cho người quản lý DNNN chưa phù hợp với thực tiễn hoạt động của doanh nghiệp; công tác quản lý nhà nước đối với DNNN còn chưa được rõ ràng.

Tháo gỡ điểm nghẽn để DNNN phát huy vai trò theo chất lượng nền kinh tế

Để "cổ xe" DNNN lăn bánh, chuyển động nhanh và đẩy sức sống, Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương vẫn sẽ luôn đồng hành, tập trung tháo gỡ những "nút thắt" về thể chế, cơ chế chính sách, có những quyết sách

quan trọng, căn cơ để “cởi trói”, tạo động lực mạnh mẽ để khơi thông nguồn lực sẵn có.

Tại Hội nghị trực tuyến toàn quốc để phát triển doanh nghiệp nhà nước vừa qua, Thủ tướng yêu cầu trong thời gian tới cần tạo môi trường, không gian và hệ sinh thái doanh nghiệp phù hợp với thực tiễn từ việc đổi mới tư duy giữa quản lý chặt chẽ với phát triển hài hòa, hợp lý, thông qua cơ chế, chính sách, sự quan tâm, chia sẻ, trân trọng, cương quyết và nhất quán. Giao nhiệm vụ cụ thể, Thủ tướng yêu cầu Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương phải có cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ cụ thể và phối hợp chặt chẽ với doanh nghiệp để thực hiện nhiệm vụ; huy động nguồn lực của DNNN vào phát triển kinh tế, đặc biệt trong giai đoạn phục hồi kinh tế. Cần coi trọng công tác giám sát, kiểm tra, phòng ngừa tham nhũng, tiêu cực.

Nhằm “xốc lại” tinh thần tái cơ cấu trong DNNN, ngày 17/3/2022, Quyết định số 360/QĐ-TTg phê duyệt Đề án “Cơ cấu lại DNNN, trọng tâm là tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước giai đoạn 2021-2025” đã được ban hành. Đề án nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và năng lực cạnh tranh của DNNN trên nền tảng công nghệ hiện đại, năng lực đổi mới sáng tạo, quản trị theo chuẩn mực quốc tế, làm tốt vai trò dẫn dắt phát triển các doanh nghiệp thuộc thành phần kinh tế khác nhằm huy động, phân bổ, sử dụng hiệu quả các nguồn lực xã hội; quản lý chặt chẽ, bảo toàn và phát triển vốn, tài sản nhà nước tại doanh nghiệp. Cơ bản hoàn thành sắp xếp lại khối DNNN, chủ yếu tập trung trong những lĩnh vực then chốt, thiết yếu, địa bàn quan trọng về quốc phòng, an ninh; lĩnh vực

mà doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác không đầu tư. Đồng thời, cơ cấu lại có trọng tâm, trọng điểm, tập trung vào các doanh nghiệp yếu kém, thua lỗ; xử lý cơ bản dự án, công trình chậm tiến độ, đầu tư kém hiệu quả, thua lỗ kéo dài của các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước, DNNN. Cổ phần hóa DNNN và thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp bảo đảm thực chất, hiệu quả, khả thi, công khai, minh bạch, đúng pháp luật, không làm mất thương hiệu, bản sắc doanh nghiệp; đánh giá, xác định đầy đủ các nguồn lực vốn, đất đai, thương hiệu. Củng cố, phát triển một số tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước có quy mô lớn, có thương hiệu tốt, hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả, có khả năng cạnh tranh khu vực và quốc tế...

Đề án “Cơ cấu lại DNNN, trọng tâm là tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước giai đoạn 2021-2025” đặt mục tiêu, đến năm 2025, phải cơ bản hoàn thành việc sắp xếp lại, chuyển đổi sở hữu khối DNNN. Bảo đảm nguồn thu từ cơ cấu lại doanh nghiệp nộp ngân sách nhà nước trong giai đoạn 2021-2025 ít nhất 248.000 tỷ đồng. Trong đó, ngân sách Trung ương là 200.000 tỷ đồng, ngân sách địa phương là 48.000 tỷ đồng, theo Nghị quyết

số 23/2021/QH15 của Quốc hội về kế hoạch tài chính 5 năm quốc gia và kế hoạch vay, trả nợ công 5 năm giai đoạn 2021-2025. Xử lý cơ bản xong những yếu kém, thất thoát, những dự án, công trình chậm tiến độ, đầu tư kém hiệu quả, thua lỗ kéo dài của các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước, DNNN.

Để đạt được các mục tiêu trên, Đề án sẽ triển khai các nhiệm vụ, giải pháp như tiếp tục cơ cấu lại DNNN; hoàn thiện thể chế, chính sách; nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống quản trị, năng lực, phẩm chất của đội ngũ cán bộ quản lý; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với DNNN; nâng cao vai trò lãnh đạo, giám sát của tổ chức đảng tại DNNN.

Đề án “Cơ cấu lại DNNN, trọng tâm là tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước giai đoạn 2021-2025” là bước đi đầu tiên thể hiện sự đồng hành, quyết tâm của Chính phủ giúp DNNN không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động và năng lực cạnh tranh, năng lực đổi mới sáng tạo, quản trị theo chuẩn mực quốc tế, thực hiện tốt sứ mệnh dẫn dắt nền kinh tế cả nước hội nhập cùng kinh tế thế giới đang có sự xoay chuyển ngày một mạnh mẽ./.



Thúc đẩy sự phát triển NGÀNH LOGISTICS Ở VIỆT NAM

ThS. Huỳnh Văn Khải

Trường Đại học Công nghệ Đông Á

Logistics là ngành đóng vai trò hỗ trợ, kết nối và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và là ngành dịch vụ có nhiều tiềm năng đem lại giá trị gia tăng cao. Tuy nhiên, sự phát triển của ngành logistics ở nước ta hiện nay cũng còn nhiều hạn chế, cần phải có những giải pháp đồng bộ để khắc phục trong thời gian tới.

Thực trạng phát triển ngành Logistics của Việt Nam **Kết quả đạt được**

Để phục vụ sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước nói chung, của ngành logistics nói riêng, giai đoạn 2016 - 2020, hệ thống hạ tầng giao thông của Việt Nam đã được đầu tư phát triển nhanh, phát huy hiệu quả cao; nhiều công trình lớn, hiện đại đã được đưa vào khai thác. Việc tập trung đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông có trọng tâm, trọng điểm đã góp phần tái cơ cấu hợp lý lĩnh vực vận tải, bảo đảm kết nối hài hòa các phương thức vận tải, phát huy thế mạnh của từng phương thức, làm giảm chi phí vận tải, nâng cao hiệu quả, chất lượng dịch vụ vận tải, qua đó nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế.

Theo Ban Chỉ đạo 35 Bộ Công Thương, nhìn chung, hạ tầng giao thông đã có sự phát triển đồng bộ.

Cụ thể, về đường bộ: Kết cấu hạ tầng đường bộ có nhiều đột phá so với các lĩnh vực khác, đảm nhận vai trò chủ yếu trong kết nối vùng miền và quốc tế, đã hoàn thành đầu tư xây dựng giai đoạn 2011 - 2020 khoảng 1.074 km đường bộ cao tốc, đưa tổng chiều dài cao tốc đang khai thác lên 1.163 km. Mạng lưới quốc lộ đạt 24.598 km, các tuyến quốc lộ chính yếu được đưa vào cấp kỹ thuật, thay thế cầu yếu và đồng bộ tải trọng, tỷ lệ mặt đường bê tông nhựa được nâng lên 64%.

Về đường bộ cao tốc, khu vực phía Bắc đã hoàn thành các tuyến hướng tâm tới Thủ đô Hà Nội; tuyến đường cao tốc ven biển nối Hải Phòng - Hạ Long - Vân Đồn. Khu vực phía Nam đã hoàn thành 2 tuyến cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây nối Đông Nam bộ và phía Bắc, Thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương nối với các tỉnh đồng bằng

sông Cửu Long; đang triển khai 2 tuyến Bến Lức - Long Thành, Trung Lương - Mỹ Thuận. Khu vực miền Trung đã hoàn thành 2 tuyến Đà Nẵng - Quảng Ngãi, Liên Khương - Đà Lạt.

Về đường sắt, đã có nhiều nỗ lực duy trì tình trạng kết cấu hạ tầng để nâng cao an toàn và rút ngắn thời gian chạy tàu. Thực tế, phân bổ nguồn lực đầu tư cho kết cấu hạ tầng đường sắt còn hạn chế tuy nhiên bước đầu hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt đã được quan tâm đầu tư, từng bước được cải tạo, nâng cấp. Hiện tại đang triển khai 04 dự án cải tạo, nâng cấp các công trình đường sắt trên tuyến đường sắt Bắc - Nam.

Về đường thủy nội địa, năng lực kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa đã được nâng cao nhờ việc tập trung đầu tư nâng cấp cải tạo một số tuyến tại khu vực Đồng bằng Bắc Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long, cùng với việc đưa vào

sử dụng một số công trình chỉnh trị cửa sông, kênh lớn, hiện đại và một số cảng đầu mối container kết hợp cảng cạn ở phía Nam và phía Bắc. Tuy nhiên, việc khai thác đường sông để đưa hàng đến và đi từ cảng biển cần được quan tâm hơn nữa.

Về đường biển, hệ thống cảng biển được đầu tư đồng bộ với năng lực thông qua khoảng 570 triệu tấn/năm. Hai cảng cửa ngõ quốc tế Cái Mép và Lạch Huyện đã có khả năng tiếp nhận được tàu tải trọng lớn từ 130.000 tấn đến 200.000 DWT đi thẳng bờ Tây nước Mỹ, Canada và Châu Âu; cảng chuyên dùng tiếp nhận được tàu từ 100.000 tấn đến 320.000 tấn; từng bước phát triển hệ thống cảng cạn hỗ trợ hiệu quả cho việc khai thác cảng biển, phát triển dịch vụ logistics.

Về đường hàng không, các cảng hàng không quan trọng đã được nâng cấp gồm Nội Bài, Tân Sơn Nhất, Đà Nẵng và xây dựng mới gồm Phú Quốc, Vân Đồn, nâng tổng công suất mạng cảng hàng không đạt khoảng 90 triệu hành khách/năm. Công nghệ điều hành bay hiện đại đảm bảo an toàn, tăng hiệu quả khai thác hạ tầng cảng hàng không.

Về trung tâm logistics, theo báo cáo sơ bộ của 45/63 tỉnh, thành phố, cả nước có tổng số 69 trung tâm logistics có quy mô lớn và vừa, phân bố tập trung ở một số khu công nghiệp. Các trung tâm logistics hạng I, hạng II, các trung tâm logistics chuyên dụng theo quy hoạch tại Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 03 tháng 7 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển hệ thống trung tâm logistics trên địa bàn cả nước đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 đang được các tỉnh, thành phố tập trung triển khai, kêu gọi đầu tư xây dựng (Hà Nội, Hải Phòng, Vĩnh Phúc, Hà Tĩnh, Thừa Thiên - Huế, Đà Nẵng, Đắk Nông, Tây Ninh, Sóc Trăng, Thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ).

Năm 2020 tiếp tục có sự chuyển đổi từ trung tâm logistics truyền thống sang trung tâm logistics thế hệ mới, áp dụng công nghệ 4.0. Với sự gia tăng mạnh của số lượng các doanh nghiệp thương mại điện tử, cùng với nhu cầu thuê mặt bằng phục vụ lưu giữ, phân loại hàng hóa, hoàn tất đơn hàng... nhiều doanh nghiệp đã nắm bắt xu thế, xây dựng và đầu tư hệ thống kho, trung tâm logistics theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại

với chất lượng cao. Trong đó, hai mô hình trung tâm logistics điển hình về ứng dụng công nghệ là: trung tâm logistics và cảng cạn quốc tế ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và kết nối công nghệ 4.0; và trung tâm logistics phục vụ nông nghiệp.

Đáng chú ý, trong năm chủ tịch ASEAN 2020, Việt Nam cùng Singapore đã khởi động Mạng lưới logistics thông tin ASEAN với dự án đầu tiên là Trung tâm logistics ICD Vĩnh Phúc sẽ là điểm trung chuyển hàng hóa nội địa, hàng hóa xuất nhập khẩu và những mặt hàng khác theo tuyến Hành lang kinh tế Hà Nội - Lào Cai và từ Trung Quốc qua cửa khẩu Lào Cai.

Nhờ đó, ngành logistics Việt Nam đã có sự phát triển mạnh mẽ trong những năm qua. Theo báo cáo của Bộ Công Thương (2021) tại Diễn đàn Logistics Việt Nam 2021, hiện nay, ngành dịch vụ logistics Việt Nam đã có những bước phát triển khá nhanh. Chỉ số năng lực hoạt động logistics đạt 3,34 điểm so với 3,27 điểm năm 2018. Việt Nam cũng là nước được xếp hạng trong top 10 Chỉ số Logistics thị trường mới nổi với tốc độ tăng trưởng tương đối cao, đạt khoảng 14-16%/năm.

Theo Hiệp hội Doanh nghiệp dịch vụ logistics Việt Nam (VLA), hiện nay Hiệp hội có 515 Hội viên với hơn 80% hội viên là doanh nghiệp nhỏ và vừa, một số hội viên như: Transimex, Gemadept, Sotrans, Tân Cảng Sài Gòn là những doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ logistics lớn, cung cấp dịch vụ 3PL, đủ sức cạnh tranh với các doanh nghiệp nước ngoài đang hoạt động tại Việt Nam và có chi nhánh hoặc đại diện ở thị trường ngoài nước; 46/63 doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ logistics của Việt Nam đã được Cơ quan quản lý



hoạt động hàng hải của Mỹ (FMC) cấp phép và có Bond cung cấp dịch vụ vận chuyển hàng hóa bằng đường biển đi và đến Mỹ, phục vụ đặc lực cho việc phát triển thương mại giữa Việt Nam và Hoa Kỳ. Việt Nam đứng đầu trong các nước ASEAN về số lượng doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ logistics được FMC cấp phép, sau đó là Singapore 53, Malaysia 15, Philippine 13 và Indonesia 12.

Một số hạn chế, khó khăn

Bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn tồn tại những điểm yếu cố hữu của ngành logistics Việt Nam. Đó là, chi phí logistics của Việt Nam vẫn còn ở mức cao, ước chiếm hơn 20% GDP.

Bên cạnh đó, việc đẩy mạnh liên kết giữa các doanh nghiệp logistics với nhau, giữa doanh nghiệp logistics và doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu còn yếu, chưa hình thành thành được mạng lưới các doanh nghiệp logistics Việt Nam có quy mô lớn, có năng lực dẫn dắt thị trường, thúc đẩy ngành logistics phát triển...

Thêm vào đó, quá trình chuyển đổi số trong ngành logistic còn chậm, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển; chất lượng nguồn nhân lực ngành logistics còn yếu và thiếu, mới chỉ đáp ứng khoảng 10% nhu cầu của thị trường, chưa theo kịp sự phát triển của logistics thế giới.

Ngoài ra, sự chuẩn bị về kiến thức, kỹ năng, thái độ cũng như trạng thái tâm lý của nhân lực logistics Việt Nam để sẵn sàng đón nhận làn sóng di chuyển lao động giữa các nước ASEAN cũng như tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới còn chưa cao.

Trong khi đó, quy mô và tiềm lực về tài chính của các doanh nghiệp logistics Việt Nam còn yếu, năng lực cạnh tranh còn thấp,

việc tiến ra thị trường nước ngoài chưa đáng kể; nguồn nhân lực làm dịch vụ logistics thiếu cả về số lượng, chất lượng và tính chuyên nghiệp...

Nguyên nhân khiến ngành logistics Việt Nam phát triển chưa xứng tầm, đó là do sự thiếu hụt nguồn nhân lực logistics. Việc đào tạo chuyên sâu về logistics chưa được quan tâm đúng mức; quy mô đào tạo chưa đáp ứng được nhu cầu nhân lực logistics của doanh nghiệp.

Cùng với đó, các quy định của pháp luật liên quan đến hoạt động dịch vụ logistics chưa đầy đủ, đồng bộ; Hầu hết các doanh nghiệp logistics có quy mô nhỏ cả về lao động, tài chính, kinh nghiệm hoạt động, chưa vươn ra được thị trường logistics quốc tế. Đặc biệt, việc chuyển đổi số trong các khâu của logistics còn hạn chế, chưa bắt kịp xu thế quốc tế, từ đó làm giảm khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp.

Một số giải pháp trong thời gian tới

Thứ nhất, tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng công tác thể chế, nhất là việc thể chế hóa kịp thời các quan điểm, đường lối của Đảng về kinh tế đối ngoại để hoàn thiện các cơ chế chính sách và quy định pháp luật về logistics...

Thứ hai, đẩy mạnh chuyển đổi số và tăng cường ứng dụng những thành tựu của Cuộc cách mạng Công nghệ lần thứ Tư trong lĩnh vực logistics nhằm thúc đẩy tự động hóa tối đa các quy trình hoạt động, giúp hạn chế rủi ro, nâng cao hiệu suất và cải thiện đáng kể hiệu quả hoạt động của chuỗi cung ứng trong điều kiện nhân lực hạn chế và thị trường có nhiều biến động.

Thứ ba, triển khai các giải pháp nhằm phát triển đồng bộ hệ thống

kết cấu hạ tầng giao thông, cảng biển, kho bãi; kết nối các phương thức vận tải; xúc tiến thành lập các khu thương mại tự do, tạo điều kiện cho các địa phương có lợi thế phát triển thành các trung tâm dịch vụ logistics lớn...

Thứ tư, tập trung phát triển nguồn nhân lực logistics, nhất là nhân lực chất lượng cao, chuyên nghiệp theo các chuẩn mực quốc gia, khu vực và thế giới, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của hội nhập kinh tế quốc tế.

Thứ năm, tập trung triển khai thực hiện đồng bộ và hiệu quả các giải pháp về giảm chi phí, nâng cao hiệu quả logistics đã được đề ra tại các Quyết định 200/QĐ-TTg và Quyết định 221/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động logistics theo hướng giảm thiểu thủ tục kiểm tra tại khâu nhập khẩu, tăng cường hậu kiểm và minh bạch trong vấn đề thủ tục hải quan nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho ngành logistics Việt Nam phát triển.

Thứ sáu, cần tăng vốn đầu tư phát triển hạ tầng cơ sở giao thông và logistics cùng với phát triển chuỗi cung ứng toàn cầu, hệ sinh thái thương mại điện tử; thúc đẩy công nghệ, hình thành và phát triển dịch vụ logistics sáng tạo./.

Tài liệu tham khảo

Ban Chỉ đạo 35 Bộ Công Thương (2021). *Hoạt động Logistics đóng góp quan trọng cho tăng trưởng xuất khẩu*

Bộ Công Thương (2021). *Báo cáo về sự phát triển ngành logistics, tại Diễn đàn Logistics Việt Nam 2021, ngày 14/12/2021*

Tổng cục Thống kê (2019). *Niên giám Thống kê, Nxb Thống kê*

Hiệp hội Doanh nghiệp dịch vụ logistics Việt Nam (VLA) (2021). *Báo cáo về Doanh nghiệp dịch vụ logistics Việt Nam*

THANH TOÁN THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ BÀI HỌC TỪ NHỮNG RỦI RO

ThS. Phạm Thị Thanh Lê

Khoa Kinh tế Tài chính - Đại học Nông Lâm Bắc Giang

Tăng trưởng vượt bậc của thương mại quốc tế trong nhiều năm trở lại đây đã kéo theo sự đa dạng hóa các hình thức thanh toán quốc tế phù hợp với các giao dịch xuất nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam với các quốc gia có giao thương trên thế giới. Tuy nhiên, trong các giao dịch vẫn luôn tiềm ẩn những rủi ro nhất định có thể gây thiệt hại đến tài chính và uy tín của cả bên bán và bên mua. Vì vậy, doanh nghiệp cần liên tục trang bị kiến thức, chuẩn bị sẵn phương án đối phó và tỉnh táo, đề cao cảnh giác trong các thương vụ quốc tế.

Tính đến hết năm 2020, Việt Nam có 30 đối tác chiến lược và đối tác chiến lược toàn diện, có quan hệ ngoại giao với 189/193 nước, có quan hệ kinh tế với 160 nước và 70 vùng lãnh thổ. Với 17 Hiệp định thương mại tự do (FTA), Việt Nam đang bước qua cánh cửa lớn, đa chiều để định hướng hoàn thiện khung khổ thể chế phát triển kinh tế thị trường và hội nhập toàn cầu ngày càng sâu rộng, đầy đủ và hiệu quả hơn, đồng thời phát triển thương mại xuất nhập khẩu lên tầm cao mới với trị giá ngày càng cao.

Theo Tổng cục Thống kê, tổng trị giá kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa năm 2021 của Việt Nam đạt 668,54 tỷ USD, trong đó kim ngạch xuất khẩu đạt 336,31 tỷ USD, kim ngạch nhập khẩu đạt 332,23 tỷ USD. 3 tháng đầu năm 2022, hoạt động xuất, nhập khẩu hàng hóa có sự phục hồi mạnh mẽ từ sau những ảnh hưởng của đại dịch với tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa đạt 176,35 tỷ USD, tăng 14,4% so với cùng kỳ năm trước, trong đó xuất khẩu tăng 12,9%,

nhập khẩu tăng 15,9%. Trị giá của các giao dịch thương mại quốc tế ngày càng tăng cao kéo theo nhu cầu đa dạng hóa và tiện lợi hóa các hình thức thanh toán cho các giao dịch xuất - nhập khẩu.

Hiện nay, có nhiều hình thức thanh toán trong thương mại quốc tế như: Phương thức chuyển tiền bằng điện (T/T), phương thức tín dụng chứng từ, phương thức ghi sổ, phương thức nhờ thu hộ, bảo lãnh và tín dụng dự phòng... với các điều kiện cam kết về: Tiền tệ, địa điểm, phương thức thanh toán quốc tế, thời gian... Hai hình thức thanh toán phổ biến thời gian qua được các doanh nghiệp xuất nhập khẩu sử dụng là phương thức thanh toán tín dụng thư và phương thức thanh toán thu hộ kèm chứng từ. Trước đây, đa số các đơn hàng xuất khẩu của Việt Nam sử dụng phương thức thanh toán bằng tín dụng thư (Letter of Credit - L/C). Với phương thức này, thanh toán được thực hiện thông qua ngân hàng của cả người mua và người bán. Sau khi xác nhận các điều khoản và điều kiện thương mại,

người mua yêu cầu ngân hàng của mình thanh toán số tiền đã thỏa thuận của cả 2 bên cho ngân hàng của người bán. Sau đó, ngân hàng của người mua sẽ gửi L/C làm bằng chứng về số tiền đủ và hợp pháp cho ngân hàng của người bán. Và thanh toán chỉ được chuyển sau khi cả 2 bên đáp ứng tất cả các điều kiện đã nêu và lô hàng được vận chuyển. Đây được cho là một trong những phương thức thanh toán quốc tế an toàn nhất cho nhà xuất nhập khẩu, vì có sự hỗ trợ của các tổ chức tài chính đã thành lập như ngân hàng làm trung gian và có mức độ cam kết nhất định của 2 bên. Phương thức L/C cũng cân bằng được lợi ích của cả đôi bên và giải quyết được mâu thuẫn không tín nhiệm nhau của bên mua và bên bán.

Gần đây, doanh nghiệp Việt Nam có xu hướng chuyển sang sử dụng phương thức thanh toán thu hộ kèm chứng từ (Documents against Payment - D/P). Phương thức này cũng khá phổ biến trong thương mại quốc tế và được doanh nghiệp ở nhiều quốc gia

sử dụng do tính linh hoạt và chi phí thấp hơn nhiều so với phương thức L/C. Theo đó, người bán nộp các chứng từ mà người mua cần, chẳng hạn như vận đơn cần thiết cho việc chuyển quyền sở hữu hàng hóa cho ngân hàng của họ. Sau đó, ngân hàng của người bán sẽ gửi các chứng từ này đến ngân hàng của người mua cùng với hướng dẫn thanh toán. Các tài liệu chỉ được phát hành để đổi lấy khoản thanh toán, khoản tiền này sẽ được chuyển ngay lập tức hoặc vào một ngày cụ thể trong tương lai. Về cơ bản chính là dùng bộ chứng từ để đổi lấy hàng hóa và người bán đang giao trách nhiệm thu tiền thanh toán cho ngân hàng của mình.

Tuy nhiên, bất kỳ phương thức thanh toán hàng hóa thương mại quốc tế nào cũng luôn tiềm ẩn mức độ rủi ro nhất định. Thống kê của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ từ năm 2013-2016, đã có khoảng 22 nghìn vụ lừa đảo, gây thiệt hại trên 3 tỷ USD. Các vụ lừa đảo thương mại này diễn ra ở 79 quốc gia và tội phạm tham gia chủ yếu đến từ các tổ chức tại Đông Âu, châu Á, châu Phi và Trung Đông, Mỹ, Hà Lan, Italia... Từ con số vừa nêu có thể thấy, thương mại quốc tế đã và đang đối diện với nguy cơ bị lừa đảo trong hoạt động thương mại quốc tế và thanh toán điện tử, khi cơ sở pháp lý bị giới hạn bởi rào cản biên giới của mỗi quốc gia và vùng lãnh thổ. Điều này có thể gây ra khá nhiều rủi ro cho doanh nghiệp ở cả bên bán và bên mua.

Trong những năm gần đây, các cơ quan chức năng trong nước và thương vụ nước ngoài liên tục cảnh báo về hiện tượng lừa đảo trong giao dịch thương mại quốc tế mà không ít doanh nghiệp Việt Nam đã từng mắc phải. Đặc biệt, trong bối cảnh các thị trường

đang bị tác động nặng nề bởi đại dịch Covid-19, tình trạng lừa đảo trong giao dịch thương mại quốc tế càng có xu hướng tăng lên với thủ đoạn tinh vi, khó phát hiện. Nhất là đối với nhiều doanh nghiệp xuất nhập khẩu của Việt Nam do chưa nắm vững các kiến thức và hiểu biết pháp lý về thanh toán thương mại quốc tế. Các rủi ro trong thanh toán thương mại quốc tế cũng khá đa dạng với các điển hình như: Rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản, rủi ro hoạt động, rủi ro pháp lý, rủi ro tỷ giá hối đoái...

Theo Bộ công Thương, các thủ đoạn lừa đảo trong giao thương đã trở nên tinh vi hơn với đa dạng thủ tục như: Giao hàng không trả tiền; làm giả giấy tờ, thậm chí là giấy tờ ngân hàng để lấy hàng, cài người lấy chứng từ xuất khẩu; sử dụng hacker xâm nhập địa chỉ email của 2 bên doanh nghiệp đang có giao dịch, theo dõi tiến trình đàm phán, khi bên mua chuẩn bị chuyển tiền mua hàng hóa thì "hack" email hoặc tạo tài khoản email giả mạo để gửi thông tin tài khoản, khi bên mua chuyển tiền vào tài khoản lừa đảo, đối tượng sẽ ngay lập tức rút tiền và biến mất.

Các doanh nghiệp này còn lợi dụng sự bất cẩn, thiếu chuyên nghiệp của các doanh nghiệp trong nước, như không yêu cầu tổ chức giám định có uy tín kiểm tra hàng trước khi giao hàng, không thẩm định các thông tin về doanh nghiệp đối tác, không có người của phía Việt Nam sang để làm việc... để chuyển hàng không giá trị, không đúng hợp đồng, hoặc thông báo hàng hỏng, kém chất lượng để ép giá, trừ nợ hoặc đòi bồi thường... Ngoài ra, do mong muốn bán được hàng nên doanh nghiệp thường dành cho đối tác một số lợi thế trong các điều khoản hợp đồng, đặc biệt là điều khoản



về thanh toán. Thêm vào đó, rủi ro lớn nhất doanh nghiệp Việt Nam thường mắc phải là điều khoản hợp đồng không chặt chẽ, doanh nghiệp khá chủ quan, doanh nghiệp chưa nghiên cứu kỹ đối tác khi đặt quan hệ làm ăn và tìm đối tác qua Internet nhưng chưa có khâu kiểm tra, xác thực nguồn thông tin về đối tác nước ngoài.

Khi xảy ra rủi ro trong thanh toán, phần lớn thiệt hại thường ở phía người bán hay chính là các doanh nghiệp xuất khẩu. Năm 2020, Trung tâm Xúc tiến Thương mại Việt Nam tại New York (Mỹ) đã phát đi cảnh báo về việc một số doanh nghiệp Việt Nam bị thiệt hại trong việc thực hiện hợp đồng thương mại với đối tác tại thị trường này, chủ yếu do bị lừa hoặc đối tác phá sản, không có khả năng thanh toán. Đầu tháng 3/2022, đã xảy ra vụ việc lừa đảo lớn nhất trong lịch sử ngành Điều và cũng là lần đầu tiên trong lịch sử 30 năm giao dịch quốc tế có nhiều doanh nghiệp cùng bị cú lừa lớn như vậy. Theo đó, các doanh nghiệp



điều Việt Nam đã ký hợp đồng với một số khách hàng Ý thông qua 1 công ty môi giới để xuất khẩu hạt điều sang Ý với phương thức thanh toán D/P – thanh toán nhờ thu kèm chứng từ gốc. Tuy nhiên, bộ chứng từ gốc của các doanh nghiệp Việt Nam gửi đi đã bị thất lạc và doanh nghiệp có nguy cơ mất trắng số hàng mà chưa nhận được thanh toán. Với khối lượng 100 container hàng, tổng giá trị thiệt hại đã có thể lên đến gần 1 nghìn tỷ đồng nếu như doanh nghiệp không sớm phát hiện ra các dấu hiệu của một vụ lừa đảo và kịp thời ngăn chặn.

Từ những rủi ro trong thanh toán các thương vụ quốc tế, các doanh nghiệp cần rút ra bài học để tránh vướng phải những tình huống tương tự, giảm thiểu những rủi ro trong thương mại quốc tế nói chung và thanh toán quốc tế nói riêng. Quan trọng nhất là tránh gây thiệt hại lớn về kinh tế và ảnh hưởng đến uy tín, thương hiệu của mình, doanh nghiệp cần tìm hiểu kỹ đối tác trước khi giao dịch.

Một số giải pháp đặt ra cho các doanh nghiệp xuất nhập khẩu Việt Nam nhằm tránh những rủi ro trong thương mại và thanh toán quốc tế được khuyến cáo gồm có:

Đối với việc tìm kiếm đối tác: Cần kiểm tra kỹ thông tin đối tác, nhất là những đối tác giao dịch lần đầu, yêu cầu cấp các giấy tờ liên quan như: Giấy phép kinh doanh, ID của chủ doanh nghiệp. Luôn nâng cao cảnh giác với những doanh nghiệp mới quen biết hoặc chưa có giao dịch làm ăn với nhau, đặc biệt lưu ý kiểm tra độ tin cậy khi có đơn hàng trả giá quá cao hoặc quá thấp so với mặt bằng chung. Trao đổi trực tiếp với đối tác hoặc thông qua bạn hàng, hiệp hội, công ty tư vấn, thương vụ, đại sứ quán để sàng lọc đối tác có uy tín. Cần tìm hiểu thị trường, kiểm tra đánh giá, xếp hạng rủi ro tín dụng, kinh doanh của các đối tác nước ngoài thông qua các nguồn tin công khai, từ các đơn vị chuyên cung cấp dịch vụ thẩm tra tín dụng, qua Hiệp hội tại các nước nhập khẩu, cơ quan ngoại giao, Thương vụ tại nước nhập khẩu nhằm xác minh độ tin cậy của đối tác, nhất là với các đối tác không tiếp xúc trực tiếp hoặc tìm kiếm trên internet. Việc liên hệ với đối tác cần được tiến hành qua các kênh chính thức của doanh nghiệp như email, fax chính thức.

Với khâu lựa chọn phương thức thanh toán: Doanh nghiệp phải cân nhắc kỹ trước khi lựa chọn phương thức thanh toán phù hợp và mua bảo hiểm tỷ giá để phòng trường hợp tỷ giá biến động phức tạp và khó dự báo. Lưu ý tìm hiểu nguyên tắc, thông lệ quốc tế để nắm rõ vai trò, trách nhiệm của các bên liên quan, qua đó xem xét lựa chọn các phương thức và điều kiện thanh toán hợp lý, đảm bảo

lợi ích cho doanh nghiệp. Nắm rõ các điều khoản trong hợp đồng và nghiên cứu bổ sung các điều khoản thanh toán chặt chẽ. Nên đề nghị đối tác sử dụng L/C không hủy ngang mở tại các ngân hàng uy tín quốc tế, đồng thời hạn chế cho khách hàng trả chậm. Khi đối tác mở L/C, cần đề nghị ngân hàng Việt Nam kiểm tra tính xác thực của L/C trước khi giao chứng từ. Đối với thanh toán D/P, doanh nghiệp Việt Nam cần đưa ra các mức % đặt cọc để bảo đảm an toàn cho các đơn hàng (tốt nhất là 50% trở lên) và có các điều kiện phù hợp đi kèm. Doanh nghiệp cũng cần nhắc việc sử dụng các dịch vụ của ngân hàng nhằm tăng khả năng thu hồi công nợ thông qua ngân hàng cung cấp dịch vụ, cũng như hỗ trợ doanh nghiệp tìm hiểu đánh giá các thông tin về đối tác nhập khẩu, đơn vị phát hành thư tín dụng.

Với doanh nghiệp Việt: Bên cạnh việc đề cao cảnh giác và thực hiện cẩn trọng từng khâu trong giao dịch với các đối tác, bản thân doanh nghiệp cũng cần chú trọng nâng cao chất lượng chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ, kiến thức pháp luật về thương mại quốc tế của đội ngũ nhân lực làm công tác ngoại thương, phát triển thị trường của doanh nghiệp mình. Việc gặp rủi ro trong thanh toán thương mại quốc tế là điều không mong muốn nhưng hàng năm vẫn có rất nhiều doanh nghiệp Việt Nam vướng phải, vì vậy, việc tự thân doanh nghiệp trang bị cho mình kiến thức, nâng cao cảnh giác, linh hoạt xử lý tình huống, rút kinh nghiệm từ những thương vụ gặp rủi ro ít nhiều sẽ giúp doanh nghiệp tự tin phát triển sản phẩm, tránh được những thiệt hại không mong muốn, góp phần tăng trưởng thương mại Việt Nam./



Giảm thuế giá trị gia tăng Liều thuốc kích cầu hỗ trợ kinh tế phục hồi

ThS. Vũ Thị Khánh Minh

Học viện Ngân hàng - Phân viện Phú Yên

Ngày 01/02/2022, chính sách giảm thuế giá trị gia tăng từ 10% xuống 8% theo Nghị định 15/2022/NĐ-CP được triển khai áp dụng và đã nhận được sự phản hồi tích cực của người dân và xã hội. Nhiều ý kiến cho rằng, trong bối cảnh dịch bệnh kéo dài, việc giảm thuế giá trị gia tăng góp phần giảm giá thành sản phẩm, từ đó kích thích sản xuất, tạo công ăn việc làm cho người lao động, góp phần kích cầu tiêu dùng, hỗ trợ phục hồi kinh tế.

Tác động lan tỏa lớn, hỗ trợ kinh tế phục hồi

Mới đây, Chính phủ đã ban hành Nghị định 15/2022/NĐ-CP quy định chính sách miễn, giảm thuế theo Nghị quyết 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội. Theo đó, từ ngày 01/02/2022,

các nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng (GTGT) 10% được giảm xuống còn 8%, trừ một số nhóm hàng hóa, dịch vụ: Viễn thông, công nghệ thông tin, hoạt động tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm, kinh doanh bất động sản, kim loại, sản phẩm từ kim loại đúc sẵn, sản phẩm khai khoáng

(không kể khai thác than), than cốc, dầu mỏ tinh chế, sản phẩm hóa chất, sản phẩm hàng hóa và dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

Các chuyên gia nhìn nhận, đây là một trong những chính sách có tác động rộng và có sức lan tỏa mạnh đến thị trường trong năm 2022. Thuế giá trị gia tăng phổ thông hiện nay là 10%, dù chỉ giảm 2% nhưng cũng có tác động đến toàn bộ giao dịch trên thị trường. Trước hết, thuế GTGT là thuế đánh vào hàng hóa, dịch vụ và người tiêu dùng cuối cùng phải trả khoản thuế này nên họ sẽ được hưởng lợi lớn nhất và trực tiếp nhất sau khi áp dụng mức thuế giảm 2%. Mặt khác, việc giảm thuế GTGT áp dụng đối với hầu hết các hàng hóa, dịch vụ phục vụ đời sống con người nên tất cả người dân đều được hưởng lợi từ chính sách giảm thuế GTGT này. Bên cạnh đó, tác động của đại dịch Covid-19 đã làm ảnh hưởng

đến thu nhập, việc làm của một bộ phận người tiêu dùng. Việc giảm thuế GTGT sẽ giúp họ tiết kiệm được 2% chi tiêu bình quân, nhất là chia sẻ khó khăn với người tiêu dùng có thu nhập thấp.

Đây cũng là điều kiện để khuyến khích người tiêu dùng tiếp tục tiêu thụ nhiều hàng hóa, dịch vụ hơn, góp phần thúc đẩy doanh nghiệp phục hồi sản xuất, mở rộng kinh doanh. Tuy nhiên, để người tiêu dùng thực sự được hưởng lợi từ việc giảm thuế GTGT thì cần phải có giải pháp đảm bảo hàng hóa, dịch vụ có mức giảm bằng với mức giảm thuế GTGT.

Đối với các doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh thì việc giảm thuế giá trị gia tăng cũng sẽ giúp doanh nghiệp giảm chi phí đầu vào; nhờ đó, có thể giảm bớt giá thành sản phẩm. Nhưng quan trọng hơn nhiều là nhờ việc giảm thuế, doanh nghiệp sẽ có cơ hội tiếp cận thị trường tốt hơn, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người tiêu dùng. Cùng với đó, doanh nghiệp sẽ có thêm cơ hội mở rộng quy mô, doanh thu, thị trường và khả năng tiêu thụ... Trong bối cảnh dịch bệnh liên tục và kéo dài suốt 2 năm qua, dù đã có không ít chính sách hỗ trợ, an sinh xã hội, bổ sung thu nhập cho người lao động... nhưng thực tế cho thấy, vẫn có hàng chục triệu người lao động bị giảm thời gian làm việc, giảm thu nhập; hàng triệu người mất việc làm. Vì thế, trong xu hướng này, nếu giá cả hàng hóa không tăng, mà còn giảm nhờ vào ưu đãi của chính sách thuế gia tăng sẽ tạo nên sức ảnh hưởng lớn và tác động tới đời sống của toàn xã hội.

Trong suốt hai năm qua, dưới tác động của dịch bệnh, tổng cầu tiêu dùng trong nước được thể hiện bằng chỉ số tổng mức bán lẻ và doanh thu hàng hóa dịch vụ

tiêu dùng toàn xã hội. Nếu trước dịch bệnh, mỗi năm tăng trưởng tổng cầu tiêu dùng cả nước trên dưới 10%, có những năm cao lên tới từ 12-13%, nhưng từ năm 2021, chỉ số này giảm tới gần 10%. Do đó, việc giảm thuế giá trị gia tăng sẽ giúp nền kinh tế có điều kiện và cơ hội để phục hồi lại tổng tiêu dùng trong nước nhờ đó thúc đẩy tăng trưởng kinh tế tốt hơn. Các chuyên gia kinh tế cho rằng, chính sách giảm thuế giá trị gia tăng khác hoàn toàn so với những chính sách miễn, giảm, thuế phí trước đây. Nếu như việc miễn, giảm thuế, phí chỉ tập trung vào các loại thuế trực thu như thuế thu nhập doanh nghiệp, áp dụng đối với các doanh nghiệp gặp khó khăn vì dịch Covid-19 thì chính sách mới giảm thẳng vào thuế gián thu là thuế giá trị gia tăng. Theo tính toán của các chuyên gia tài chính, mức giảm tới 2% tức là thu 5 đồng thuế giá trị gia tăng thì sẽ miễn 1 đồng, là con số không nhỏ và chắc chắn mọi đối tượng của nền kinh tế sẽ đều được hưởng lợi.

Theo tính toán của Bộ Tài chính, khi tiến hành giảm thuế giá trị gia tăng, ngân sách Nhà nước sẽ hụt thu khoảng 49.000 tỷ đồng. Số tiền này sẽ “nằm lại” trong túi của các hộ gia đình, các cá nhân và cả doanh nghiệp. Song lượng tiền ấy sẽ tiếp tục tiêu dùng và lưu thông

ra ngoài thị trường lên cấp số nhân, thậm chí có thể nhiều hơn. Việc giảm thuế giá trị gia tăng sẽ giúp kiểm chế, kiểm soát việc tăng chỉ số giá tiêu dùng khi tiêu dùng trong nước có triển vọng tốt hơn và phục hồi. Như vậy, việc giảm thuế 2% sẽ giúp đạt hai mục tiêu là hỗ trợ tăng trưởng kinh tế từ phía sản xuất kinh doanh, từ phía tiêu dùng và ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát.

Để chính sách đi vào cuộc sống nhanh và hiệu quả

Không thể phủ nhận rằng chính sách giảm thuế GTGT sẽ giúp đỡ các doanh nghiệp, người dân giảm bớt một phần khó khăn về kinh tế và đồng thời cũng tạo đà phục hồi trước ảnh hưởng của đại dịch Covid-19. Tuy nhiên, vẫn có ý kiến cho rằng, qua khảo sát còn rất nhiều người dân, doanh nghiệp chưa nắm được quy định này. Trong khi người dân mong mỗi được giảm thuế thì một số doanh nghiệp cho rằng, không phải họ không muốn làm mà vì họ không thể nắm rõ mặt hàng nào thuộc danh mục được giảm thuế, mặt hàng nào không; hoặc gặp khó trong khâu tra cứu, đối chiếu mã hàng hóa, dịch vụ để áp thuế giá trị gia tăng 8%. Doanh nghiệp cũng mong Bộ Tài chính sớm có thông tư hướng dẫn chi tiết để Nghị định đi vào cuộc sống.



Để đưa chính sách giảm thuế GTGT đi vào thực tiễn cuộc sống, tạo điều kiện cho doanh nghiệp, người dân được thụ hưởng chính sách miễn, giảm thuế và mang lại hiệu quả thiết thực cho nền kinh tế cần sự nỗ lực của các bộ, ngành, chính quyền các tỉnh và thành phố trực thuộc trung ương, cơ quan thuế và các doanh nghiệp.

Theo đó, các bộ, ngành, UBND các tỉnh và thành phố trực thuộc trung ương, cơ quan thuế phải tăng cường hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực thi chính sách, thực hiện các giải pháp ổn định cung cầu hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng được giảm thuế theo quy định để giữ bình ổn giá cả thị trường. Các cơ quan chức năng đẩy mạnh quán triệt, chỉ đạo các đơn vị thuộc và trực thuộc chủ động tuyên truyền, phổ biến cho người dân, doanh nghiệp nắm bắt đầy đủ, kịp thời nội dung của chính sách giảm thuế GTGT.

Để đảm bảo quyền lợi cho người tiêu dùng, tại các cửa hàng cung cấp hàng hóa, dịch vụ có xuất hóa đơn phải giảm thuế trực tiếp trên hóa đơn, tránh tình trạng mập mờ khiến người tiêu dùng không biết giá sản phẩm đã được giảm thuế GTGT hay chưa. Các doanh nghiệp, hộ kinh doanh phải chấp hành việc giảm giá sản phẩm tương ứng với mức giảm thuế GTGT. Có như thế chính sách mới thực sự mang lại hiệu quả cao.

Thực tế cho thấy, ngay khi Nghị định số 15/2022/NĐ-CP được ban hành, ngày 28/1/2022, Bộ Tài chính (Tổng cục Thuế) đã có Công điện số 01/CĐ-TCT yêu cầu các Cục Thuế chủ động tuyên truyền, phổ biến cho người nộp thuế trên địa bàn để kịp thời thực hiện Nghị định 15 quy định chi tiết thi hành chính sách miễn, giảm thuế theo Nghị quyết số 43/2022/NQ-QH15 của Quốc hội nhằm tháo gỡ khó khăn cho người nộp thuế trong giai đoạn hiện nay.

Sau khi kết thúc kỳ nghỉ lễ Tết Nguyên đán Nhâm Dần, Tổng cục Thuế đã ban hành Công điện số 02/CĐ-TCT ngày 09/02/2022 yêu cầu các đồng chí Cục trưởng Cục Thuế chỉ đạo các phòng, các chi cục thuế cần đẩy mạnh hơn nữa việc tuyên truyền, phổ biến cho người dân, doanh nghiệp trên địa bàn quản lý. Đồng thời, Tổng cục Thuế yêu cầu các Cục Thuế, Chi cục Thuế bám sát địa bàn, người nộp thuế để hướng dẫn, hỗ trợ, kiểm tra, giám sát việc thực hiện chủ trương, chính sách của Quốc hội, Chính phủ. Đặc biệt đối với các doanh nghiệp, tổ chức, hộ, cá nhân kinh doanh các nhóm hàng hóa, dịch vụ thuộc diện giảm thuế GTGT trên địa bàn, cơ quan thuế theo sát để hỗ trợ thực hiện đúng quy định về giảm 2% thuế suất thuế GTGT trong năm 2022 theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội và Nghị định số 15/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

Bộ Tài chính cũng thường xuyên tuyên truyền, giải thích Nghị định số 15/2022/NĐ-CP cho người nộp thuế qua website cũng như các kênh hỗ trợ khác nhau.

Có thể nói, với việc đẩy mạnh tuyên truyền dưới nhiều hình thức, có thư ngỏ hướng dẫn cụ thể đến từng doanh nghiệp, người nộp thuế, chính sách giảm thuế GTGT đã và đang đi vào cuộc sống. Đến nay, nhiều cơ sở kinh doanh đã nắm được và thực hiện nghiêm việc giảm thuế GTGT theo quy định; tình trạng lúng túng, hoặc vướng mắc khiến người nộp thuế phản ánh đến cơ quan thuế cũng đã giảm đáng kể.../.

Xuất khẩu gỗ năm 2021 vượt đích ngoạn mục

Năm 2021, ngành gỗ Việt Nam chịu nhiều tác động của dịch Covid-19, làm ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động chế biến và xuất khẩu gỗ. Trong quý III/2021, bức tranh ngành gỗ trở nên ảm đạm, nhiều doanh nghiệp phải đóng cửa hoặc thu hẹp quy mô sản xuất; người lao động không có việc làm, rồi công ty trở về quê; việc chậm trễ trong giao hàng cho đối tác, kim ngạch xuất khẩu lao dốc... khiến tại thời điểm này ngành gỗ gần như khó đạt được mục tiêu đã đặt ra.

Tuy nhiên, nhờ sự chỉ đạo kịp thời từ Chính phủ chuyển sang chiến lược thích ứng an toàn với dịch, cùng với sự nỗ lực của từng doanh nghiệp trong duy trì các hoạt động sản xuất, kinh doanh, trong quý IV/2021 ngành gỗ đã bứt phá và đạt kết quả ấn tượng trong năm 2021.

Theo Tổng cục Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – NNPTNT), năm 2021, 5/5 chỉ tiêu của ngành lâm nghiệp đều đạt và vượt mục tiêu đề ra. Đặc biệt, trị giá xuất khẩu gỗ và lâm sản đạt 15,87 tỉ USD, tăng 20% so với kế hoạch và tăng 20% so với năm 2020 (riêng gỗ và sản phẩm gỗ đạt 14,72 tỉ USD); xuất siêu cả năm ước đạt 12,94 tỉ USD, tăng 21,2% so với năm trước.

Với những kết quả đạt được, trị giá xuất khẩu gỗ và lâm sản chiếm trên 30% tổng trị giá xuất khẩu các mặt hàng nông, lâm, thủy sản; 4,7% trị giá xuất khẩu toàn quốc và là một trong những mặt hàng có trị giá xuất khẩu trên 10 tỉ USD. Trị giá xuất siêu gỗ và lâm sản chiếm lớn nhất trong sản phẩm nông, lâm, thủy sản (đạt 12,94 tỉ USD, tăng 21,2% so với cùng kỳ năm trước), đóng góp quan trọng vào trị giá xuất siêu của toàn ngành Nông nghiệp.

Bên cạnh đó, trị giá xuất khẩu gỗ, lâm sản sang các thị trường quốc tế cũng đạt mức tăng trưởng cao. Trị giá xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tới



ĐỀ NGÀNH CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN GỖ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG, HIỆU QUẢ

Thu Hường

Quyết định 327/QĐ-TTg, ngày 10/3/2022 về Đề án phát triển ngành công nghiệp chế biến gỗ bền vững, hiệu quả giai đoạn 2021 - 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trong đó Đề án đặt mục tiêu chung đến năm 2030, ngành công nghiệp chế biến gỗ trở thành một ngành kinh tế quan trọng; xây dựng, phát triển thương hiệu sản phẩm gỗ Việt Nam có uy tín trên thị trường trong nước và quốc tế; phấn đấu để Việt Nam nằm trong nhóm các nước hàng đầu thế giới về sản xuất, chế biến, xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ.

châu Mỹ đạt 9,3 tỷ USD, tăng 22,2% so với năm 2020, trong đó, riêng xuất sang Mỹ đạt 8,77 tỷ USD, tăng 22,4%, chiếm tới 59,24% tổng kim ngạch xuất khẩu, cao hơn mức tăng trưởng của toàn ngành. Tiếp theo là thị trường châu Á đạt 4,4 tỷ USD, tăng 16%; châu Âu đạt 910 triệu USD, tăng 18,6% so với năm 2020... Tốc độ tăng trưởng nhanh sang thị trường châu Mỹ, điển hình là thị trường Mỹ

đã góp phần thúc đẩy ngành gỗ của Việt Nam có kết quả ấn tượng trong năm 2021.

Có thể nói, dù trải qua một năm đầy khó khăn do dịch bệnh COVID-19, nhưng kim ngạch xuất khẩu năm 2021 của ngành chế biến và xuất khẩu gỗ Việt Nam vẫn đạt mức tăng trưởng vượt bậc, cán đích ngoạn mục. Tiếp nối đà tăng trưởng của năm 2021, 3 tháng đầu năm 2022, kim ngạch xuất khẩu

gỗ và sản phẩm gỗ đã đạt trên 4 tỷ USD, tăng 5,6% so với cùng kỳ năm 2021... Đây chính là động lực để ngành chế biến và xuất khẩu gỗ tiếp bước, theo đà để phát triển trong năm 2022, với mức dự kiến hơn 20% so với năm 2021.

Phát triển ngành công nghiệp chế biến gỗ bền vững, hiệu quả giai đoạn 2021 - 2030

Trên cơ sở những kết quả đạt được trong năm 2021, Đề án phát triển ngành công nghiệp chế biến gỗ bền vững, hiệu quả giai đoạn 2021-2030 đã được phê duyệt. Theo đó, Đề án đã đưa ra một số mục tiêu và nhiệm vụ cụ thể nhằm phát triển ngành công nghiệp chế biến gỗ bền vững, hiệu quả:

Giá trị xuất khẩu gỗ và lâm sản đạt 20 tỷ USD vào năm 2025

Mục tiêu cụ thể của Đề án là giá trị xuất khẩu gỗ và lâm sản đạt 20 tỷ USD vào năm 2025, trong đó kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ đạt trên 18,5 tỷ USD;

25 tỷ USD vào năm 2030, trong đó kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ đạt trên 20,4 tỷ USD.

Giá trị gỗ, sản phẩm gỗ tiêu thụ nội địa đạt 5 tỷ USD vào năm 2025, trên 6 tỷ USD vào năm 2030.

Đồng thời, ngành gỗ sẽ tiếp tục duy trì, mở rộng thị phần xuất khẩu, chủ động xúc tiến thương mại gỗ và sản phẩm gỗ tại các thị trường chính gồm: Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc, EU, Trung Quốc và mở rộng thị trường mới có nhiều tiềm năng, lợi thế từ các FTA.

Trên 80% cơ sở chế biến, bảo quản gỗ đạt trình độ và năng lực công nghệ sản xuất tiên tiến; 100% gỗ, sản phẩm gỗ xuất khẩu và tiêu dùng trong nước được sử dụng từ nguồn nguyên liệu gỗ hợp pháp, gỗ có chứng chỉ quản lý rừng bền vững.

Hình thành 5 khu lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao

Một trong các nhiệm vụ của Đề án là phát triển hạ tầng, mở rộng quy mô sản xuất. Cụ thể, hình thành 5 khu lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao, thu hút đầu tư của các doanh nghiệp chế biến gỗ và doanh nghiệp sản xuất vật liệu phụ trợ.

Phát triển, mở rộng các khu, cụm công nghiệp chế biến gỗ tại các địa phương có tiềm năng, lợi thế

phát triển. Thu hút đầu tư có chọn lọc, ưu tiên các dự án sản xuất các sản phẩm có giá trị gia tăng cao, công nghệ tiên tiến, tiết kiệm năng lượng, nguyên, nhiên, vật liệu, thân thiện với môi trường.

Đầu tư phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ; ưu tiên phát triển các nguyên liệu phụ trợ keo dán gỗ, các chất sơn phủ, trang trí bề mặt thân thiện với môi trường; ưu tiên phát triển dịch vụ logistics.

Xây dựng 01 Trung tâm triển lãm đồ gỗ quốc gia tầm cỡ quốc tế; khuyến khích phát triển các trung tâm nghiên cứu thiết kế mẫu mã sản phẩm gỗ phù hợp với nhu cầu, văn hóa, thị hiếu của người tiêu dùng.

Phát triển các nhóm sản phẩm gỗ có lợi thế cạnh tranh

Để phát triển bền vững, ngành gỗ cần phát triển các nhóm sản phẩm gỗ có lợi thế cạnh tranh, giá trị gia tăng, nhu cầu sử dụng cao, ổn định trên thị trường. Tập trung ưu tiên phát triển sản xuất, chế biến các nhóm sản phẩm chính sau: Nhóm sản phẩm đồ gỗ nội thất (sản phẩm bàn ghế, giường tủ, tủ bếp, bàn trang điểm, giá kệ sách; các loại ván sàn); nhóm sản phẩm đồ gỗ ngoài trời (ghế xích đu, cầu trượt, bàn ghế, ghế băng; dù che nắng);

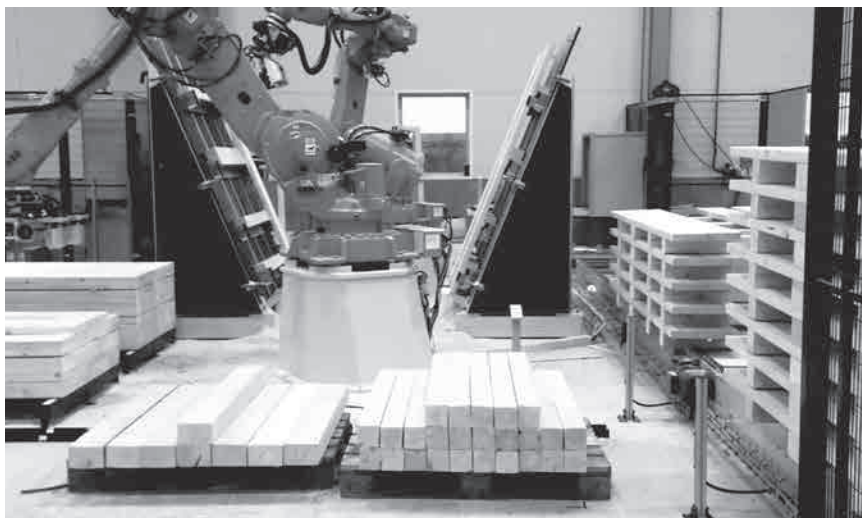
nhóm sản phẩm gỗ ván nhân tạo (ván ghép thanh; ván dán, ván dăm; ván MDF); nhóm sản phẩm gỗ kết hợp với các loại vật liệu khác làm tăng tính thẩm mỹ, độ bền chắc, tiết kiệm gỗ (song mây, tre, trúc; nhựa, kim loại, vải, da); nhóm sản phẩm đồ gỗ mỹ nghệ (bàn ghế, giường tủ; sản phẩm sơn mài, tranh gỗ, các loại tượng bằng gỗ; sản phẩm lưu niệm, mỹ nghệ trang trí kết hợp song, mây, tre, trúc, vật liệu khác); nhóm sản phẩm viên nén gỗ, dăm gỗ.

Tiếp tục duy trì, mở rộng thị phần xuất khẩu, chủ động xúc tiến thương mại gỗ và sản phẩm gỗ tại các thị trường chính gồm: Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc, EU, Trung Quốc và mở rộng thị trường mới có nhiều tiềm năng, lợi thế; thực hiện có hiệu quả các Hiệp định Thương mại tự do (FTA) giữa Việt Nam với các quốc gia trên thế giới.

Xây dựng và phát triển thương hiệu “Gỗ Việt”, khuyến khích doanh nghiệp chế biến gỗ sử dụng thương hiệu “Gỗ Việt”, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh, uy tín sản phẩm gỗ của Việt Nam trên thị trường trong nước và quốc tế.

Đẩy mạnh phát triển thương mại điện tử, xây dựng cơ sở dữ liệu, chuyển đổi số các hoạt động sản xuất, kinh doanh, quản trị doanh nghiệp và ứng dụng công nghệ thông tin để bán hàng Online hoặc qua các sàn thương mại điện tử.

Đề án đặt mục tiêu chung đến năm 2030, ngành công nghiệp chế biến gỗ trở thành một ngành kinh tế quan trọng; xây dựng, phát triển thương hiệu sản phẩm gỗ Việt Nam có uy tín trên thị trường trong nước và quốc tế; phấn đấu để Việt Nam nằm trong nhóm các nước hàng đầu thế giới về sản xuất, chế biến, xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ./.



NGÀNH TÔM VIỆT NAM NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA

Thu Hiền

Theo Tổng cục Thủy sản, diện tích nuôi tôm nước lợ của Việt Nam năm 2021 tương đương năm 2020 với 747 nghìn ha, trong đó diện tích nuôi tôm sú là 626 nghìn ha, diện tích nuôi tôm thẻ chân trắng là 121 nghìn ha. Sản lượng nuôi tôm nước lợ năm 2021 đạt 970 nghìn tấn, trong đó, sản lượng tôm sú đạt 265 nghìn tấn và tôm thẻ chân trắng là 665 nghìn tấn, còn lại là các loại tôm khác. Để đạt sản lượng nuôi tôm như trên, bình quân mỗi năm, ngành Tôm Việt Nam cần khoảng 130 tỷ con giống bao gồm: 100 tỷ con tôm thẻ chân trắng và 30 tỷ con tôm sú giống. Với 2.063 cơ sở sản xuất giống tôm nước lợ năm 2021, sản lượng đạt 114,5 tỷ con, tăng 11% so với cùng kỳ năm 2020, các cơ sở sản xuất tôm giống đã đáp ứng hoàn toàn nhu cầu con giống của các đơn vị chăn nuôi tôm nước lợ.

Tuy nhiên, vấn đề gốc rễ của bài toán con giống lại nằm ở tôm bố mẹ khi kết quả nghiên cứu, sản xuất tôm bố mẹ của Việt Nam đến nay vẫn còn nhiều hạn chế. Việt Nam mới chỉ tự đáp ứng được một phần nhỏ tôm bố mẹ (năm 2021, tổng số tôm bố mẹ sản xuất trong nước đạt khoảng 21 nghìn con tôm thẻ chân trắng và 20 nghìn con tôm sú); số lượng tôm bố mẹ phục vụ cho sản xuất tôm giống chủ yếu đến từ nguồn nhập khẩu và khai thác từ tự nhiên.

Quý I/2022, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam duy trì tăng trưởng tích cực so với cùng kỳ năm trước, trong đó xuất khẩu tôm vẫn giữ tỷ trọng cao nhất trong nhóm hàng ngành này. Tuy nhiên, dù xuất khẩu tôm của Việt Nam đứng thứ 3 thế giới, ngành tôm Việt Nam vẫn còn những tồn tại ở cả đầu vào và đầu ra, cần phương án khắc phục dài hạn để phát triển bền vững và giữ vững vị thế của mình.

Hàng năm, ngành Tôm Việt Nam phải nhập khẩu khoảng 200 nghìn con tôm bố mẹ, trong đó nhập khẩu từ Mỹ chiếm 53,5%, từ Thái Lan là trên 20%, còn lại là từ các nguồn

cung cấp khác. Điều đó dẫn đến sự bị động trong sản xuất tôm giống, nhất là trong bối cảnh dịch bệnh xảy ra trong hơn 2 năm qua cùng với các vấn đề của thế giới như xung đột chính trị, chiến tranh thương mại, tắc nghẽn giao vận quốc tế khiến cho việc nhập khẩu tôm bố mẹ gặp không ít khó khăn.

Theo kế hoạch năm 2022, ngành thủy sản đặt ra mục tiêu phát triển diện tích nuôi đạt 750 nghìn ha, trong đó tôm sú đạt 625 nghìn ha, tôm thẻ chân trắng đạt 125 nghìn ha; phấn đấu sản lượng tôm các loại đạt 980 nghìn tấn, đưa kim ngạch xuất khẩu lên trên 4 tỷ USD, tăng 2,56% so với năm 2021. Vì vậy, nhu cầu về con tôm bố mẹ để sản xuất đủ số lượng tôm giống sẽ cần khoảng 260-270 nghìn con, gồm: 200-210 nghìn tôm thẻ chân trắng bố mẹ, 60 nghìn tôm sú



bố mẹ để sản xuất khoảng 100-110 tỷ con tôm thẻ chân trắng giống và 30-40 tỷ con tôm sú giống. Điều này cũng đặt ra yêu cầu cao hơn cho ngành Tôm đối với vấn đề sản xuất và đáp ứng nhu cầu về con giống.

Không chỉ khó khăn về nguồn cung tôm bố mẹ, ngành sản xuất và chế biến tôm của Việt Nam còn đứng trước một số khó khăn, bất cập khác. Điển hình là vấn đề chất lượng con giống và kiểm soát dịch bệnh trong quá trình nuôi luôn là bài toán nan giải đối với người nông dân nuôi tôm. Trong nuôi trồng tôm, con giống là một trong những vấn đề then chốt cho vụ nuôi thành công. Con giống tốt, sạch bệnh, cho tỷ lệ sống cao, sức chống chịu với điều kiện môi trường tốt, tôm sinh trưởng nhanh giúp giảm chi phí sản xuất và mang lại hiệu quả kinh tế tối ưu cho người nuôi. Mặc dù vậy, tình trạng sản xuất tôm giống, đặc biệt là nuôi thả con giống kém chất lượng, không rõ nguồn gốc kéo dài trong nhiều năm qua vẫn luôn là vấn đề tồn tại một cách nhức nhối đối với ngành Tôm.

Bên cạnh đó, công tác quản lý chất lượng tôm giống ở một số địa phương vẫn còn yếu. Chất lượng con giống kém có thể là nguy cơ gây bùng phát dịch bệnh. Dù Tổng cục Thủy sản thường phối hợp với các địa phương liên tục tổ chức thanh tra, kiểm tra đột xuất theo kế hoạch nhưng vấn đề chất lượng, truy xuất nguồn gốc con giống vẫn chưa được giải quyết triệt để.

Ngoài các vấn đề về con giống, hoạt động sản xuất tôm của Việt Nam cũng như tại nhiều quốc gia khác chịu ảnh hưởng rất lớn từ yếu tố thời tiết, trong khi phần lớn diện tích nuôi trồng thủy sản của nước ta tập trung ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long, là vùng

được dự báo chịu ảnh hưởng nhiều nhất bởi biến đổi khí hậu có thể gây ra các vấn đề về hạn hán, xâm nhập mặn, dịch bệnh trên vật nuôi. Tổng cục Thủy sản đã đưa ra cảnh báo trong năm 2022, diện tích nuôi tôm bị thiệt hại sẽ có thể tăng mạnh và nguy cơ dịch bệnh là rất cao do người nuôi tôm bắt đầu tăng thả nuôi trước bối cảnh thời tiết tiếp tục có những diễn biến bất lợi. Bên cạnh đó, việc lạm dụng thuốc kháng sinh trong nuôi trồng thủy sản đã được chú trọng từ lâu nhưng vẫn chưa có giải pháp tháo gỡ triệt để.

Một yếu tố nữa đang là vấn đề kim hãm và đe dọa đến sức cạnh tranh của ngành Tôm Việt Nam đó chính là yếu tố giá thành sản xuất. Hiện giá thành sản xuất của Việt Nam vẫn cao hơn so với các quốc gia trong khu vực. Nguyên nhân chính là do giá thức ăn nuôi tôm chiếm khoảng trên 65% giá thành sản xuất nuôi tôm công nghiệp, chi phí con giống cao do phải nhập khẩu tôm bố mẹ, giá cước vận chuyển vật tư tăng cao, hạ tầng vùng nuôi chưa được đảm bảo. Đặc biệt, hệ thống thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản chủ yếu vẫn dùng chung với hệ thống thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp. Điều này dẫn đến việc nguồn nước dễ bị ô nhiễm do những chất thải trong quá trình sản xuất và sinh hoạt. Ngoài ra, hệ thống cấp, thoát nước không bảo đảm, các vùng nuôi thâm canh không có ao xử lý nước nên dễ xảy ra dịch bệnh. Cùng với đó, hiện công nghệ nuôi tôm quảng canh chưa phù hợp.

Ở đầu ra của sản phẩm, ngành Tôm cũng giống như nhiều ngành sản xuất chế biến khác gặp không ít khó khăn do diễn biến của dịch bệnh, xung đột kinh tế và chính trị gây đứt gãy, ảnh hưởng đến giao thương hàng hóa quốc tế.

Mỹ đang là thị trường xuất khẩu tôm lớn nhất của Việt Nam với trị giá xuất khẩu năm 2021 đạt trên 1 tỷ USD, tăng 20% so với năm 2020. Tuy nhiên, lạm phát và đứt gãy chuỗi cung ứng đã khiến doanh thu bán lẻ thủy sản tại Mỹ có dấu hiệu sụt giảm. Theo Bộ Công Thương, doanh thu thủy sản tươi sống và đông lạnh của Hoa Kỳ giảm 9,4% trong tháng 2/2022, xuống còn 576 triệu USD; doanh thu thủy sản tươi sống giảm 12,0%, xuống còn 521 triệu USD; doanh thu thủy sản có vỏ giảm 9,1%; cá giảm 3,7% và các loại hải sản bảo quản 4,8%. Theo khảo sát, gần 90% người tiêu dùng Hoa Kỳ tham gia khảo sát lo ngại về vấn đề lạm phát. Các áp lực lên nền kinh tế do tác động của cuộc xung đột ở Ucraina có thể sẽ làm trầm trọng thêm việc đứt gãy chuỗi cung ứng, làm tăng giá một số mặt hàng nhất định. Theo khảo sát của IRI, 41% người mua hàng đang tìm kiếm các khuyến mãi để tiết kiệm tiền, trong khi 39% muốn có các khuyến mãi khi mua hàng số lượng lớn hoặc “mua một, tặng một”. Tuy nhiên, 38% những người được khảo sát cho rằng họ sẽ tiết kiệm tiền bằng cách mua ít hơn. Điều này sẽ có ảnh hưởng tương đối lớn đối với các doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản, nhất là với ngành Tôm do Mỹ đang là thị phần xuất khẩu tôm lớn nhất của Việt Nam.

Cuộc xung đột Nga – Ucraina cũng đang gây ra nhiều khó khăn trực tiếp đối với hoạt động xuất khẩu thủy sản nói chung và xuất khẩu tôm của Việt Nam nói riêng. Nga vốn là thị trường tiềm năng với nhu cầu cao cùng với lợi thế về thuế quan từ Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Liên minh kinh tế Á - Âu (EAEU).

(Xem tiếp trang 43)



Phụ nữ Việt Nam Dấu ấn nổi bật giai đoạn 2017-2022 và những quyết tâm trong phong trào thi đua giai đoạn tiếp theo

Thu Hòa

Với nhiều đóng góp trong sự nghiệp phát triển của đất nước, vị trí và vai trò của phụ nữ Việt Nam đang ngày càng được khẳng định. Theo đó, không chỉ làm tròn bốn phận của người phụ nữ trong thời kỳ trước “Anh hùng, bất khuất, trung hậu, đảm đang”, mà ngày nay, dù ở bất kỳ hoàn cảnh và vị trí lao động, công tác nào, phụ nữ Việt Nam cũng luôn phát huy giá trị truyền thống và phẩm chất tốt đẹp, đoàn kết, thông minh, năng động, sáng tạo, nhân ái... đóng góp to lớn vào sự nghiệp đổi mới, hội nhập và phát triển đất nước.



Những dấu ấn nổi bật của phụ nữ Việt Nam giai đoạn 2017-2022

Báo cáo tại Đại hội đại biểu Phụ nữ toàn quốc lần thứ XIII (tháng 3/2022) của Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam cho thấy, 5 năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng, các tầng lớp phụ nữ trong cả nước đã đoàn kết, kiên cường, nỗ lực góp phần tạo nên những thành tựu to lớn trên các lĩnh vực của đời sống xã hội. Các mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới có những tiến bộ rõ nét, tạo điều kiện, cơ hội để phụ nữ khẳng định phẩm chất tốt đẹp, tiềm năng to lớn và vai trò quan trọng trong gia đình, xã hội.

Chiếm khoảng hơn 50% dân số và 46,5% lực lượng lao động xã hội, phụ nữ Việt Nam có mặt và chủ động tham gia trong mọi lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội, ở mọi vùng miền của Tổ quốc. Các tầng lớp phụ nữ đã phát huy

truyền thống đoàn kết, sáng tạo trong học tập, lao động và công tác; đạt nhiều thành tích xuất sắc trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng, đối ngoại...; đồng thời, là nhân tố đặc biệt quan trọng, xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc; góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; nâng cao vị thế và uy tín của nước ta trên trường quốc tế.

Một số dấu ấn nổi bật của phụ nữ Việt Nam giai đoạn 2017-2022 được kể tới như: Trong lĩnh vực chính trị, phụ nữ ngày càng ý thức được quyền và trách nhiệm công dân trong việc tham gia xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị. Hàng triệu phụ nữ đã đóng góp những ý kiến tâm huyết vào dự thảo văn kiện Đại hội Đảng bộ các cấp và Đại hội Đảng toàn quốc

lần thứ XIII; tham gia các cuộc tham vấn chính sách, đối thoại với người đứng đầu; hăng hái tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026. Tỷ lệ nữ tham gia công tác lãnh đạo, quản lý ngày càng tăng. Tỷ lệ nữ cấp ủy viên các cấp tăng so với nhiệm kỳ trước. Năm 2021, lần đầu tiên nước ta đã đạt tỷ lệ nữ tham gia Quốc hội trên 30%, cao hơn mức trung bình của thế giới và khu vực, đứng đầu trong Hội đồng Liên minh nghị viện Hiệp hội các nước Đông Nam Á. Tỷ lệ các bộ, cơ quan ngang bộ có lãnh đạo chủ chốt là nữ đạt 50%. Theo đánh giá của Diễn đàn Kinh tế thế giới, Việt Nam đã có bước tiến về tăng tỷ lệ phụ nữ tham chính; đứng thứ ba trong khu vực ASEAN và thứ 47 trong 187 quốc gia trên thế giới tham gia xếp hạng về bình đẳng giới trong tham chính.

Trong lĩnh vực kinh tế - xã hội, phụ nữ cũng đã thể hiện vai trò chủ lực trong phát triển nguồn nhân lực của đất nước. Nguồn nhân lực nữ nghiên cứu khoa học tăng lên đáng kể. Tỷ lệ doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ đạt 26,5%, xếp thứ 9/58 quốc gia, nền kinh tế được nghiên cứu; nhiều doanh nhân nữ có uy tín và xếp hạng cao trong khu vực và thế giới. Thông qua các chương trình, đề án của các cấp, các ngành, các tổ chức, hiệp hội, doanh nghiệp... phụ nữ đã được cung cấp kiến thức, thúc đẩy sự chủ động, sáng tạo, phát huy khả năng và năng lực của mình trong khởi sự kinh doanh.

Với đề án “Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017 - 2025” của Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, gần 73 nghìn phụ nữ đã khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh thành công với gần 164 nghìn tỉ đồng được các cấp Hội hỗ trợ; 87 nghìn doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh do nữ làm chủ được nâng cao năng lực về thương mại điện tử. Cùng với đó, các mô hình kinh tế do phụ nữ làm chủ ngày càng có tiềm năng, phù hợp với nhu cầu của cộng đồng và bắt kịp với sự chuyển động của kinh tế quốc gia lẫn khu vực. Nhiều chị em đã tiếp cận và làm chủ quy trình sản xuất, chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao, tạo ra các sản phẩm chủ lực, góp phần tăng kim ngạch xuất khẩu và đưa nông nghiệp thành “bệ đỡ” của nền kinh tế trong những năm gần đây.

Không chỉ tích cực đóng góp vào sự phát triển kinh tế-xã hội từ các hoạt động khởi nghiệp, các cấp Hội, đơn vị, tổ chức còn thông qua việc đổi mới công tác tuyên truyền, vận động, hỗ trợ phụ nữ phát triển toàn diện, xây dựng gia đình hạnh phúc, tính tự chủ của phụ nữ trong gia đình và xã hội cũng tiếp tục

được nâng cao. Hội viên, phụ nữ chính là những thành phần tích cực và quan trọng trong việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020, trọng tâm là cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch” (5 không gồm: Không đói nghèo, không có người thân vi phạm pháp luật và tệ nạn xã hội, không có bạo lực gia đình, không vi phạm chính sách dân số, không có trẻ suy dinh dưỡng và bỏ học. 3 sạch gồm: Sạch nhà, sạch bếp, sạch ngõ) với gần 13 triệu hộ gia đình đạt tiêu chí “5 không, 3 sạch”. Ngoài ra, các hoạt động của hội viên, phụ nữ tham gia vào công tác bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu cũng được thực hiện đa dạng, sáng tạo, tạo ra sự thay đổi trong ý thức, trách nhiệm đối với môi trường. Gần 17 nghìn công trình, phần việc giữ gìn, bảo vệ môi trường do các chi Hội/tổ phụ nữ đảm nhiệm đã làm thay đổi bộ mặt nông thôn, khẳng định vai trò của tổ chức Hội ở cơ sở.

Đặc biệt, 2 năm gần đây, trong cuộc chiến chống Covid - 19, phụ nữ Việt Nam đã góp mặt trên hầu hết các đội hình ở tuyến đầu: Bác sĩ, nhân viên y tế; các nhà khoa học nữ tham gia vào công trình nghiên cứu vắc xin; nữ cán bộ, chiến sĩ, lực lượng vũ trang tại các điểm kiểm soát, khu cách ly đến những hội viên, phụ nữ, cán bộ Hội phụ nữ cấp cơ sở tham gia các tổ y tế; tổ phòng, chống Covid tại cộng đồng... Nhiều chương trình thiết thực, ý nghĩa, mang đậm dấu ấn của tổ chức Hội và phụ nữ đã được triển khai thực hiện, góp phần nhân thêm niềm tin, lan tỏa hành động đẹp trong cộng đồng. Tiêu biểu là các chương trình “Mẹ đỡ đầu”, “Triệu phần quà san sẻ yêu thương”, “Đi chợ giúp dân”; Gian hàng 0 đồng”; “Bếp cơm mùa dịch”...

Phụ nữ cả nước với tấm lòng yêu thương, nhân ái đã phát huy cao độ tinh thần tương thân tương ái, đoàn kết, trách nhiệm, tích cực tham gia thực hiện mục tiêu kép: Vừa phòng, chống dịch bệnh vừa phát triển kinh tế.

Cùng với đó, trong tiến trình hội nhập toàn diện của đất nước, phụ nữ trong lực lượng vũ trang và lĩnh vực đối ngoại tiếp tục phát huy truyền thống yêu nước, góp phần không nhỏ vào công cuộc bảo vệ vững chắc chủ quyền, an ninh đất nước, khẳng định cơ đồ, tiềm lực, vị thế, uy tín của Việt Nam như một thành viên tích cực và có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế. Các nữ đại sứ, nữ cán bộ ngoại giao, nữ công an, nữ quân nhân tham gia hoạt động gìn giữ hòa bình Liên hợp quốc đã trở thành các “sứ giả” của hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển của nước ta trong hoạt động đối ngoại...

Cũng trong giai đoạn 2017-2022, nhiều phụ nữ Việt Nam được giao đảm nhiệm các vị trí chủ chốt trong các cơ quan Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam đã hoàn thành tốt nhiệm vụ của công tác hội, góp phần tham mưu đề xuất thành công một số Đề án của Chính phủ, cụ thể như: Đề án “Tuyên truyền, giáo dục, vận động, hỗ trợ phụ nữ tham gia giải quyết một số vấn đề xã hội liên quan đến phụ nữ giai đoạn 2017 - 2027” (Đề án 938); Đề án “Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017 - 2025” (Đề án 939) và Đề án “Bồi dưỡng cán bộ, công chức Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp và chi hội trưởng phụ nữ giai đoạn 2019 - 2025” (Đề án 1893); 03 chương trình mục tiêu quốc gia có liên quan đến Phụ nữ là: Cuộc vận động xây dựng “Gia đình 5 không 3 sạch” vào Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và Dự án 8 của Chương trình

mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Đây đều là những Đề án, chương trình quan trọng, có ý nghĩa tới sự phát triển, nâng cao năng lực cho phụ nữ và tạo điều kiện cho phụ nữ phát huy được tiềm lực, khả năng của mình trong tương lai...

Có thể thấy, phụ nữ Việt Nam các thế hệ nối tiếp ngày nay đã có sự đóng góp bền bỉ, tiếp tục phát huy truyền thống tốt đẹp, thực hiện tốt thiên chức người mẹ, người thầy đầu tiên của con người; là điểm tựa tinh thần, gắn kết yêu thương và chia sẻ trách nhiệm chăm lo xây dựng gia đình; trao truyền các giá trị văn hóa trong gia đình và cộng đồng, đóng vai trò quan trọng trong bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống dân tộc.

Tiếp tục khơi dậy tiềm năng sức sáng tạo, ý chí tự lực tự cường, tinh thần đoàn kết của phụ nữ trong giai đoạn tiếp theo

Để tiếp tục khơi dậy mạnh mẽ tiềm năng, sức sáng tạo, ý chí tự lực, tự cường, tinh thần đoàn kết của phụ nữ, Đại hội đại biểu Phụ nữ toàn quốc lần thứ XIII, nhiệm kỳ 2022- 2027 đã phát động cán bộ, hội viên, phụ nữ cả nước thực hiện Phong trào thi đua "Xây dựng người Phụ nữ Việt Nam thời đại mới" gắn với học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và Cuộc vận động "Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch"... đây cũng chính là sự cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ XIII của Đảng. Tại Đại hội, một số giải pháp chủ yếu nhằm hỗ trợ phụ nữ phát triển toàn diện, xây dựng gia đình Việt Nam no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh trong thời gian tới được xác định:

Xây dựng người phụ nữ Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển

bền vững, hội nhập quốc tế. Vận động phụ nữ phát huy tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc, kết hợp giữa giá trị truyền thống với giá trị thời đại; rèn luyện phẩm chất đạo đức "tự tin, tự trọng, trung hậu, đảm đang" gắn với đẩy mạnh học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; khuyến khích phụ nữ chủ động học tập, nâng cao năng lực, trình độ mọi mặt.

Phát huy tiềm năng, sức sáng tạo của phụ nữ, nhất là phụ nữ lãnh đạo, quản lý, trí thức, doanh nhân, phụ nữ tài năng trên các lĩnh vực... Kết nối, tư vấn, hỗ trợ giải quyết khó khăn và phát huy vai trò của một số nhóm phụ nữ đặc thù.

Đặc biệt, các đơn vị, tổ chức Hội về phụ nữ cần tích cực triển khai thực hiện tốt chương trình "Đồng hành cùng phụ nữ biên cương" giai đoạn 2021-2025; dự án "Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em" trong Chương trình mục tiêu quốc gia "Phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số, miền núi giai đoạn 2021-2030". Hỗ trợ phụ nữ hội nhập quốc tế theo hướng phát huy thế mạnh của các nhóm phụ nữ và tổ chức Hội.

Xây dựng gia đình Việt Nam ấm no, hạnh phúc, tiến bộ, văn minh; xây dựng môi trường an toàn cho phụ nữ, trẻ em. Triển khai cuộc vận động "Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch" với các tiêu chí cụ thể, phù hợp, gắn với giữ gìn, phát huy hệ giá trị văn hóa, giá trị của quốc gia - dân tộc, góp phần xây dựng gia đình Việt Nam ấm no, hạnh phúc, tiến bộ, văn minh.

Thực hiện tốt Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2030; các chương trình mục tiêu quốc gia, các đề án, hoạt động tuyên truyền, vận động, hỗ trợ phụ nữ xây dựng gia đình,

tham gia giải quyết một số vấn đề xã hội liên quan đến phụ nữ; vận động xã hội xây dựng cộng đồng an toàn cho phụ nữ, trẻ em.

Thí điểm và nhân rộng các mô hình bảo vệ, hỗ trợ phụ nữ và trẻ em; đẩy mạnh thực hiện cơ chế phối hợp liên ngành trong phát hiện, lên tiếng, bảo vệ, kiến nghị, giải quyết các vụ việc liên quan đến phụ nữ và trẻ em.

Tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức và kỹ năng cho phụ nữ phòng chống thiên tai, dịch bệnh, thích ứng với biến đổi khí hậu.

Hỗ trợ nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ. Vận động, hỗ trợ phụ nữ tiếp cận kinh tế số, sản xuất, kinh doanh theo chuỗi giá trị, góp phần thực hiện chương trình quốc gia "Mỗi xã một sản phẩm"; Hỗ trợ thành lập, nâng cao chất lượng hoạt động của hợp tác xã, tổ hợp tác do phụ nữ quản lý; Phát huy vai trò, thế mạnh của Hiệp hội, Hội, Câu lạc bộ nữ doanh nhân. Tiếp tục triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, Đề án, chương trình Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp; tập trung hỗ trợ phụ nữ phát huy nội lực, giúp nhau giảm nghèo bền vững; Nâng cao chất lượng các hoạt động tín dụng, tiết kiệm, tài chính vi mô. Mở rộng liên kết đào tạo nghề, tư vấn, giới thiệu việc làm theo nhu cầu của thị trường lao động...

Với sự nỗ lực, quyết tâm và thống nhất đồng lòng của các cấp ủy, chính quyền, địa phương, các ngành, các đơn vị, tổ chức chính trị-xã hội, hiệp hội... tin tưởng rằng phụ nữ Việt Nam sẽ tiếp tục được khơi dậy tiềm năng, sức sáng tạo, ý chí tự lực tự cường, tinh thần đoàn kết để đóng góp công sức vào sự nghiệp đổi mới hội nhập và phát triển của đất nước trong giai đoạn tiếp theo./

Tác động của dịch Covid-19 ĐẾN TÌNH HÌNH LAO ĐỘNG, VIỆC LÀM cả nước quý I năm 2022

Nỗ lực triển khai chương trình phục hồi và phát triển kinh tế-xã hội theo tinh thần của Nghị quyết 11/NQ-CP cùng với các chính sách nới lỏng giãn cách xã hội và hoàn thành tiêm vắc xin trong những tháng cuối năm 2021 và đầu năm 2022 đã tạo điều kiện cho thị trường lao động dần đạt được mức tăng trưởng của thời kỳ trước khi chưa xuất hiện đại dịch.

Tác động của dịch Covid-19 đến tình hình lao động, việc làm

Nỗ lực triển khai các hoạt động sản xuất, kinh doanh, đời sống xã hội, sớm khắc phục những khó khăn, thách thức, tận dụng cơ hội để đẩy nhanh quá trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước đã có hiệu quả rõ rệt đối với thị trường lao động Việt Nam. Số lao động bị ảnh hưởng tiêu cực bởi đại dịch Covid-19 đã giảm mạnh.

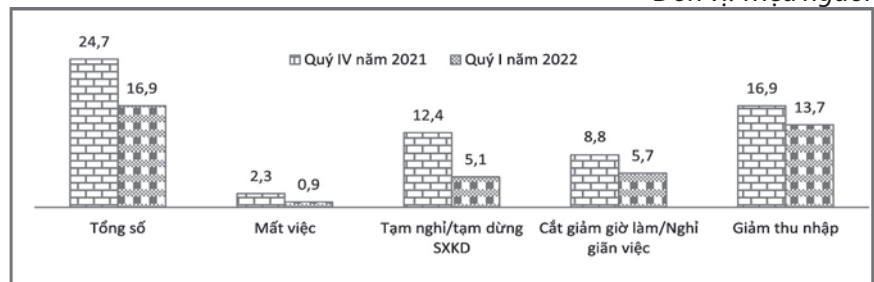
Trong quý I năm 2022, mặc dù cả nước vẫn còn hơn 16,9 triệu người từ 15 tuổi trở lên chịu tác động tiêu cực của đại dịch Covid-19 nhưng con số này đã giảm mạnh so với quý trước (giảm 7,8 triệu người). Đây là mức giảm mạnh nhất được ghi nhận kể từ khi đất nước chứng kiến sự bùng phát của đại dịch Covid-19.

Trong tổng số hơn 16,9 triệu người bị tác động tiêu cực bởi đại dịch, có 0,9 triệu người bị mất việc, chiếm 1,2%; 5,1 triệu người

phải tạm nghỉ/tạm ngừng sản xuất kinh doanh, chiếm 6,7%; 5,7 triệu người bị cắt giảm giờ làm hoặc buộc phải nghỉ giãn việc, nghỉ luân phiên, chiếm 7,6% và 13,7 triệu lao động bị giảm thu nhập, chiếm 18,3%. Đồng bằng sông Hồng và Đông Nam Bộ vẫn là hai vùng có tỷ lệ lao động bị ảnh hưởng nhiều hơn so với các vùng khác. Thành thị vẫn là khu vực có số lao động chịu thiệt hại nhiều hơn nông thôn. Có 25,8% lao động khu vực thành thị bị ảnh hưởng tiêu cực, trong khi đó tỷ lệ này ở nông thôn là 20,5%. Đa phần những người có công việc bị tác động xấu bởi đại dịch Covid-19 trong thời gian qua có độ tuổi khá trẻ, từ 25 đến 54 tuổi, chiếm 73,8%.

Hình 1: Số người từ 15 tuổi trở lên bị ảnh hưởng tiêu cực, quý IV năm 2021 và quý I năm 2022

Đơn vị: Triệu người



Trong quý I năm 2022, lực lượng lao động tiếp tục phục hồi ngay cả khi số ca nhiễm Covid-19 trong cả nước không ngừng gia tăng

Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên trong quý I năm 2022 là 51,2 triệu người, tăng hơn 0,4 triệu người so với quý trước và tăng 0,2 triệu người so với cùng kỳ năm trước. So với quý trước, lực lượng lao động ở cả hai khu vực nông thôn và thành thị đều tăng khoảng 0,2 triệu người, lực lượng lao động nam tăng nhiều hơn so với lực lượng lao động nữ (0,3 triệu lao động của nam so với gần 0,2 triệu lao động của nữ).

Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động quý I năm 2022 là 68,1%, tăng 0,4 điểm phần trăm so với quý trước. Đông Nam Bộ là vùng tăng mạnh nhất, với 2,1 điểm phần trăm; tiếp theo đó là Đồng bằng sông Cửu Long; với 0,9 điểm phần trăm.

Mặc dù số người từ 15 tuổi có việc làm trong Quý I năm 2022 vẫn còn thấp hơn cùng kỳ năm 2020, thời điểm đại dịch Covid-19 mới bắt đầu xuất hiện, nhưng đã tăng mạnh so với quý trước và cùng kỳ năm trước. Thị trường lao động đang dần có những khởi sắc đáng ghi nhận.

Quý I năm 2022, số người từ 15 tuổi trở lên có việc làm là 50,0 triệu người, tăng gần 1 triệu người so với quý trước và tăng 132,2 nghìn người so với cùng kỳ năm trước.

Trong 6 vùng kinh tế - xã hội, các khu vực Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long, Tây Nguyên là 3 vùng có nhiều khởi sắc nhất. Lao động

có việc làm của vùng Đông Nam Bộ là gần 10,1 triệu người, tăng 710,7 nghìn người so với quý trước và tăng 28,6 nghìn người so với cùng kỳ năm trước; khu vực Đồng bằng sông Cửu Long với 9,2 triệu lao động, tăng 369,8 nghìn người so với quý trước và tăng 9,2 nghìn người so với cùng kỳ năm trước; Tây Nguyên với gần 3,6 triệu lao động, tăng 94,1 nghìn người so với quý trước và tăng 203,3 nghìn người so với cùng kỳ năm trước.

Một số ngành thuộc khu vực dịch vụ đạt mức tăng trưởng khá, như ngành bán buôn bán lẻ, sửa chữa ô tô, xe máy, tăng gần 399,5 nghìn người (tăng 5,8%) so với quý trước; dịch vụ lưu trú và ăn uống, tăng 268,8 nghìn người (tăng 11,2%); vận tải kho bãi tăng 158,6 nghìn người (tăng 9,0%); giáo dục đào tạo, tăng 160,3 nghìn người (tăng 9,3%); hoạt động dịch vụ khác tăng 104,6 nghìn người (tăng 11,0%). Ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản không còn đóng vai trò là bệ đỡ của thị trường lao động nữa khi các ngành phi nông nghiệp phục hồi trở lại, trong quý I năm 2022 số lao động của ngành này là 13,9 triệu người, giảm 426,8 nghìn người so với quý trước (giảm gần 3%) và giảm 192,2 nghìn người so với cùng kỳ năm trước (giảm 1,4%).

Lao động có việc làm ghi nhận mức tăng ở cả khối doanh nghiệp và cơ sở xuất kinh doanh cá thể

Mặc dù trải qua một năm 2021 đầy khó khăn và thách thức dưới sự ảnh hưởng nặng nề của đại dịch Covid-19 nhưng do chủ động thực hiện các biện pháp thích ứng linh hoạt của Chính phủ trong những tháng cuối năm vừa qua nên thị trường lao động đã từng bước quay trở lại trạng thái bình thường, số lao động trong các cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể

và trong các doanh nghiệp tăng đáng kể trong quý IV năm 2021, tương ứng đạt 16,2 triệu người và 12,7 triệu người, tăng 1,3 triệu người và tăng 667,4 nghìn người so với quý III năm 2021. Tốc độ phục hồi của lao động trong các đơn vị sản xuất kinh doanh này tiếp tục được ghi nhận trong quý I năm 2022 với mức 16,8 triệu người và 13,3 triệu người, tương ứng tăng 533,4 nghìn người và tăng 521,5 nghìn người so với quý IV năm 2021 và tăng 1,8 triệu người và tăng 1,2 triệu người so với thời điểm đỉnh dịch năm trước (quý III năm 2021). Cơ sở kinh doanh cá thể là khu vực thu hút nhiều lao động quay trở lại làm việc nhiều nhất, số lao động tăng lên trong khu vực này chiếm tỷ trọng 55,4% số lao động tăng thêm trong kỳ.

So với quý trước, số người có việc làm tăng nhanh nhưng tăng chủ yếu ở lao động phi chính thức phi hộ nông, lâm nghiệp và thủy sản. Thị trường lao động phục hồi nhanh nhưng chưa thực sự bền vững¹.

Số người có việc làm phi chính thức chung (bao gồm cả lao động làm việc trong hộ nông nghiệp)² trong quý I năm 2022 là 33,4 triệu người, tăng 97,5 nghìn người so với quý trước và giảm

992,1 nghìn người so với cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ lao động có việc làm phi chính thức chung quý I năm 2022 là 66,7%, giảm 1,1 điểm phần trăm so với quý trước và giảm 2,1 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước.

Số người có việc làm phi chính thức phi hộ nông, lâm nghiệp và thủy sản là 21,4 triệu người, tăng 2,0 triệu người so với quý trước và tăng 695,4 nghìn người so với cùng kỳ năm trước. So với quý trước, tốc độ tăng lao động phi chính thức phi hộ nông, lâm nghiệp và thủy sản cao hơn so với tốc độ tăng của lao động chính thức gần 5 điểm phần trăm, điều này cho thấy thị trường lao động phục hồi chưa thực sự bền vững.

Tình trạng thiếu việc làm đã được cải thiện đáng kể, đặc biệt ở khu vực dịch vụ. Tỷ lệ thiếu việc làm giảm mạnh và đang dần trở lại trạng thái như đã quan sát được ở thời kỳ trước khi đại dịch xảy ra.

Các Nghị quyết của Chính phủ về hỗ trợ người lao động bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 đã phát huy tác dụng tích cực

Những chính sách này đã làm cho tình trạng thiếu việc làm của người lao động quý đầu năm 2022 được cải thiện, tiếp nối với thành quả phục hồi đã ghi nhận được ở quý IV năm 2021. Số người thiếu việc làm trong độ tuổi³ quý I năm 2022 là khoảng 1,3 triệu người, giảm 135,2 nghìn người so với quý trước và tăng 357,5 nghìn người so với cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ thiếu việc làm của lao động trong độ tuổi quý I năm 2022 là 3,01%, giảm 0,36 điểm phần trăm so với

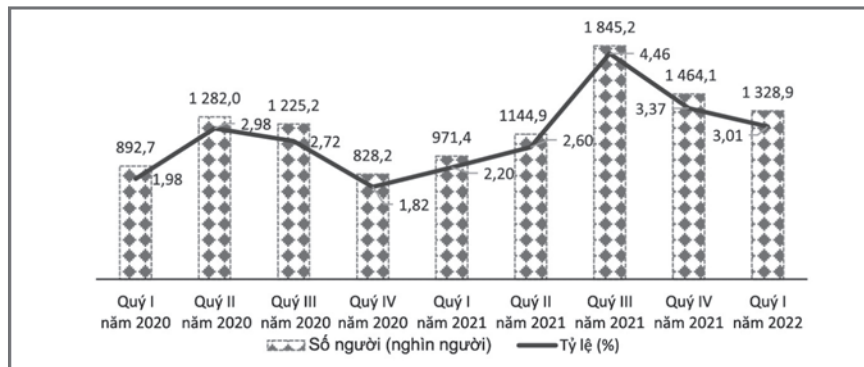
1. Từ Quý I năm 2022, theo khuyến nghị của Tổ chức Lao động quốc tế, Tổng cục Thống kê công bố cùng lúc 2 chỉ tiêu về lao động có việc làm phi chính thức. Đó là "tỷ lệ lao động có việc làm phi chính thức phi hộ nông lâm nghiệp và thủy sản" và "tỷ lệ lao động có việc làm phi chính thức chung" (bao gồm cả lao động làm việc trong khu vực hộ nông lâm nghiệp và thủy sản).

2. Lao động có việc làm phi chính thức chung (bao gồm cả lao động làm việc trong khu vực nông lâm nghiệp và thủy sản) là những người có việc làm và thuộc một trong các trường hợp sau: (i) lao động gia đình không được hưởng lương, hưởng công; (ii) người chủ của cơ sở, lao động tự làm trong khu vực phi chính thức (iii) người làm công hưởng lương không được ký hợp đồng lao động hoặc được ký hợp đồng có thời hạn nhưng không được cơ sở tuyển dụng đóng bảo hiểm xã hội theo hình thức bắt buộc; (iv) xã viên hợp tác xã không đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc; (v) lao động trong khu vực hộ nông nghiệp.

3. Theo quy định tại Bộ Luật Lao động năm 2019, trong độ tuổi lao động bao gồm: nam từ 15 đến 59 và nữ từ 15 đến 54 (từ năm 2020 trở về trước); nam từ 15 đến chưa đủ 60 tuổi 3 tháng và nữ từ 15 đến chưa đủ 55 tuổi 4 tháng (năm 2021); nam từ 15 đến chưa đủ 60 tuổi 6 tháng và nữ từ 15 đến chưa đủ 55 tuổi 8 tháng (năm 2022).

quý trước và tăng 0,81 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ thiếu việc làm của lao động trong độ tuổi ở khu vực thành thị thấp hơn so với khu vực nông thôn (tương ứng là 2,39% và 3,40%).

Hình 2: Số người và tỷ lệ thiếu việc làm trong độ tuổi lao động theo quý, giai đoạn 2020-2022



Mức độ khác biệt về tình trạng thiếu việc làm giữa các vùng kinh tế - xã hội cho thấy, tỷ lệ này cao nhất là ở vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung với 4,23%; tiếp đến là vùng Đồng bằng sông Cửu Long với 4,0%. Đặc biệt, Đông Nam Bộ đã chuyển mình từ vùng có tỷ lệ thiếu việc làm cao thứ hai ở quý trước sang vùng có tỷ lệ thấp nhất ở quý này (quý IV năm 2021: 4,61%; quý I năm 2022: 1,60%).

Thu nhập bình quân tháng của người lao động là 6,4 triệu đồng, tăng mạnh so với quý trước và được cải thiện hơn so với cùng kỳ năm trước

Thu nhập bình quân tháng của người lao động quý I là 6,4 triệu đồng, tăng 1 triệu đồng so với quý trước và tăng 110 nghìn đồng so với cùng kỳ năm trước. Thu nhập bình quân tháng của lao động nam cao gấp 1,36 lần thu nhập bình quân tháng của lao động nữ (7,3 triệu đồng so với 5,4 triệu đồng). Thu nhập bình quân của lao động ở khu vực thành thị cao gấp 1,43 lần khu vực nông thôn (7,9 triệu đồng so với 5,5 triệu đồng).

Thị trường lao động quý I đang dần sôi động trở lại ở nhiều ngành kinh tế, đời sống của người lao động được cải thiện hơn, thu nhập bình quân của người lao động có sự phục hồi mạnh mẽ. Nếu như quý III năm 2021, thị trường lao động đã trải qua những khó khăn chưa từng có trong nhiều năm trở lại đây, với mức thu nhập bình quân của người lao động là 5,2 triệu đồng, là mức sụt giảm nghiêm trọng; đến quý IV năm 2021 thu nhập bình quân của người lao động có dấu hiệu cải thiện hơn, tăng khoảng 139 nghìn đồng so với quý III/2021. Bước sang quý I năm nay, cùng với các chính sách kinh tế thích ứng linh hoạt, thu nhập của người lao động tăng mạnh so với quý trước, tăng 20,1% (tương ứng tăng khoảng 1 triệu đồng/người/tháng).

So với cùng kỳ năm trước, thu nhập bình quân của người lao động tăng khoảng gần 2%, tăng tương ứng khoảng 110 nghìn đồng và tăng 4% so với cùng kỳ năm 2020, tương ứng tăng 216 nghìn đồng/người/tháng.

Thu nhập bình quân tháng của lao động tăng mạnh tại vùng Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long, đặc biệt tại Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai

Thu nhập bình quân tháng của lao động vùng Đông Nam Bộ tăng cao nhất trong 6 vùng kinh tế - xã hội, với mức thu nhập bình quân

là 8,3 triệu đồng, tăng 36,8%, tương ứng tăng 2,2 triệu đồng so với quý trước. Trong đó, lao động tại Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương và Đồng Nai có mức thu nhập bình quân cao nhất cả nước, khoảng hơn 8 triệu đồng/người/tháng. Tại Thành phố Hồ Chí Minh, thu nhập bình quân của lao động là 8,9 triệu đồng/người, tăng 36,5%, tương ứng tăng 2,4 triệu đồng so với quý trước; thu nhập của người lao động tại Bình Dương là 8,6 triệu đồng/người/tháng, tăng 54,0%, tương ứng tăng 3,0 triệu đồng/người/tháng so với quý trước; lao động tại Đồng Nai có thu nhập bình quân là 8,5 triệu đồng, tăng 32,9%, tương ứng tăng 2,1 triệu đồng so với quý trước. Quý I năm nay cũng ghi nhận sự phục hồi mạnh thu nhập bình quân của lao động tại vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Trong quý IV năm 2021, lao động tại vùng này vẫn ghi nhận sự sụt giảm thu nhập, đời sống người lao động vẫn tiếp tục chịu nhiều khó khăn do tác động phức tạp và lan rộng của dịch Covid-19; tuy nhiên, sang quý I năm nay, thu nhập của lao động tại Đồng bằng sông Cửu Long có nhiều chuyển biến tích cực, với thu nhập bình quân của người lao động là 5,6 triệu đồng, tăng 27,8% so với quý trước.

Mặc dù trong quý I năm 2022 chứng kiến số ca nhiễm Covid-19 tăng cao tại nhiều tỉnh, thành phố phía Bắc, tuy vậy, thu nhập của người lao động tại vùng Đồng bằng sông Hồng vẫn có mức tăng trưởng khá, như Hà Nội, Bắc Ninh, Hải Phòng. Thu nhập bình quân của lao động tại Hà Nội là 8,5 triệu đồng, tăng 17,4%, tương ứng tăng 1,3 triệu đồng so với quý trước; lao động tại Bắc Ninh có thu nhập

bình quân là 8,2 triệu đồng, tăng 8,3% và thu nhập của lao động tại Hải Phòng là 7,8 triệu đồng/người/tháng, tăng 8,3% so với quý IV năm 2021.

So với quý trước, thu nhập của lao động làm việc trong các ngành kinh tế có sự tăng trưởng khá. Thu nhập bình quân tháng của lao động làm việc trong khu vực công nghiệp và xây dựng là 7,3 triệu đồng, đây là khu vực có tốc độ tăng thu nhập bình quân tăng cao nhất trong ba khu vực kinh tế, tăng 22,6% so với quý trước, tăng tương ứng hơn 1,3 triệu đồng; lao động làm việc trong ngành dịch vụ có thu nhập bình quân là 7,5 triệu đồng, tăng 20,5% so với quý trước, tăng tương ứng gần 1,3 triệu đồng. Lao động làm việc trong ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản có thu nhập bình quân là 3,7 triệu đồng, tăng 8,8% so với quý trước, tăng tương ứng khoảng 301 nghìn đồng.

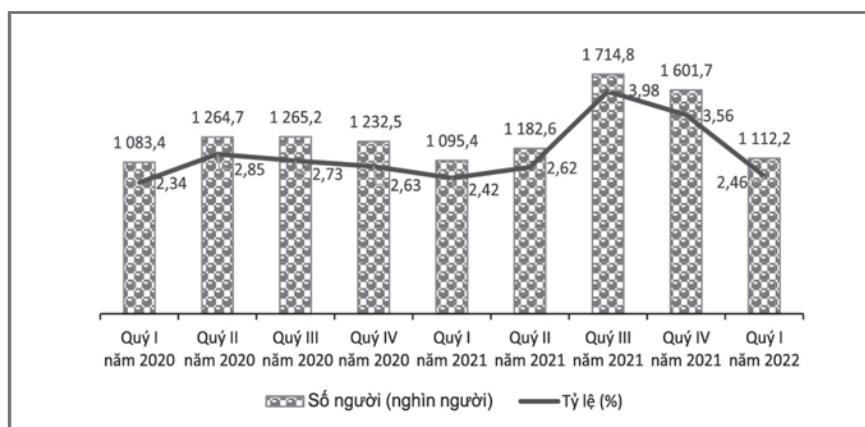
Thu nhập của người lao động quý I đã có nhiều khởi sắc ở nhiều ngành kinh tế chủ lực so với quý trước. Lao động làm việc trong ngành công nghiệp chế biến, chế tạo có mức thu nhập bình quân là 7,2 triệu đồng, tăng 24,2%, tương ứng tăng 1,4 triệu đồng; lao động làm việc trong ngành bán buôn bán lẻ có thu nhập bình quân là 7,5 triệu đồng, tăng 23,3%, tương ứng tăng 1,4 triệu đồng; lao động làm việc trong ngành tài chính ngân hàng và bảo hiểm có thu nhập bình quân là 10,8 triệu đồng, tăng 16,5%, tăng tương ứng là 1,5 triệu đồng; ngành kinh doanh bất động sản lao động có thu nhập bình quân là 10,7 triệu đồng, tăng 32,8%, tương ứng tăng 2,6 triệu đồng; lao động làm việc trong ngành

sản xuất, phân phối điện, khí đốt có thu nhập bình quân là 9,5 triệu đồng, tăng 8,4%, tương ứng tăng 736 nghìn đồng.

Sự quyết tâm của Chính phủ trong việc đẩy nhanh quá trình phục hồi và phát triển kinh tế-xã hội của đất nước ngay trong quý I năm 2022 đã giúp một bộ phận người lao động sớm quay trở lại thị trường lao động, cụ thể tỷ lệ thất nghiệp giảm so với quý trước.

Số người thất nghiệp trong độ tuổi lao động quý I năm 2022 là khoảng 1,1 triệu người, giảm 489,5 nghìn người so với quý trước và tăng 16,7 nghìn người so với cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động quý I năm 2022 là 2,46%, giảm 1,1 điểm phần trăm so với quý trước và tăng 0,04 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi của khu vực thành thị là 2,88%, giảm 2,21 điểm phần trăm so với quý trước và giảm 0,31 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước.

Hình 3: Số người và tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động theo quý, giai đoạn 2020-2022



Mặc dù Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long vẫn là hai vùng có tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi cao nhất, tương ứng là 3,03% và 2,89%, nhưng so với quý trước, tỷ lệ này ở hai vùng đều giảm, tương ứng giảm 2,69 điểm phần trăm và giảm 2,81 điểm phần trăm. Trong quý I năm 2022, tỷ lệ này ở Thành phố Hồ Chí Minh là 4,18%, cao gấp 1,9 lần so với Hà Nội (2,24%). Tuy vẫn còn cao hơn nhiều so với tỷ lệ thất nghiệp ở Hà Nội nhưng so với quý trước, tỷ lệ này ở Thành phố Hồ Chí Minh đã giảm 4,07 điểm phần trăm, trong khi ở Hà Nội chỉ giảm 0,21 điểm phần trăm.

Tỷ lệ thất nghiệp của thanh niên (15 đến 24 tuổi) ở mức cao nhưng đã giảm dần, đặc biệt tỷ lệ thanh niên không có việc làm, không tham gia học tập hoặc đào tạo cũng ghi nhận giảm so với quý trước

Trong quý I năm 2022, tỷ lệ thất nghiệp của thanh niên (15 đến 24 tuổi) là 7,93%, thấp hơn 0,85 điểm phần trăm so với quý trước và cao hơn 0,49 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ thất nghiệp thanh niên ở khu vực thành thị cao gấp 1,3 lần ở khu vực nông thôn, tương ứng là 9,30% và 7,20%.

Trong quý I năm 2022, cả nước có khoảng 1,7 triệu thanh niên 15-24 tuổi không có việc làm và không tham gia học tập, đào tạo (chiếm 13,3% tổng số thanh niên), giảm 166,0 nghìn người so với quý trước và giảm

291,4 nghìn người so với cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ thanh niên không có việc làm và không tham gia học tập, đào tạo ở khu vực nông thôn cao hơn khu vực thành thị, 15,3% so với 10,1% và ở nữ thanh niên cao hơn so với nam thanh niên, 15,1% so với 11,6%.

Tỷ lệ lao động không sử dụng hết tiềm năng tiếp tục đã giảm mạnh, tuy nhiên vẫn đang ở mức cao

Tỷ lệ lao động không sử dụng hết tiềm năng⁴ là chỉ tiêu tổng hợp cho biết mức độ “lệch pha” giữa cung và cầu lao động trên thị trường; phản ánh tình trạng dư cung về lao động. Trong điều kiện kinh tế phát triển bình thường, tỷ lệ lao động không sử dụng hết tiềm năng luôn tồn tại. Tỷ lệ này thường tăng cao khi thị trường chịu các cú sốc về kinh tế - xã hội.

Những năm trước, tỷ lệ lao động không sử dụng hết tiềm năng của Việt Nam thường dao động ở mức 4%. Từ thời điểm quý I năm 2020 đến quý III năm 2021, tỷ lệ này tăng rất nhanh và đạt mức cao kỷ lục là 10,4% vào quý III năm 2021. Khi các hoạt động kinh tế - xã hội được khôi phục gần như hoàn toàn, tỷ lệ lao động không sử dụng hết tiềm năng giảm nhanh từ 10,4% xuống còn 8,0% vào quý 4 năm 2021 và giảm tiếp xuống 6,1% vào quý I năm 2022.

Đa số lao động không sử dụng hết tiềm năng là những người từ 15-34 tuổi (48,4%) cao hơn

rất nhiều so với tỷ trọng lao động nhóm tuổi này chiếm trong lực lượng lao động, 34,7%. Điều này cho thấy Việt Nam vẫn còn một bộ phận không nhỏ lực lượng lao động tiềm năng chưa được khai thác, đặc biệt là nhóm lao động trẻ. Trong bối cảnh đại dịch Covid-19 vẫn tiếp tục diễn biến phức tạp, việc nghiên cứu các chính sách để tận dụng hết tiềm năng của nhóm lao động này càng trở nên cần thiết.

Số lao động làm công việc tự sản tự tiêu khu vực nông, lâm nghiệp, thủy sản có xu hướng giảm nhẹ

Số lao động làm công việc tự sản tự tiêu quý I năm 2022 là 4,8 triệu người (thấp hơn 0,1 triệu người so với quý trước nhưng vẫn cao hơn 1,1 triệu người so với cùng kỳ năm trước). Số lao động này chủ yếu biến động ở khu vực nông thôn.

Gần hai phần ba số người sản xuất sản phẩm tự sản tự tiêu quý I năm 2022 là nữ giới (chiếm 62,4%). Trong tổng số hơn 4,8 triệu người là lao động sản xuất tự sản tự tiêu, hơn 2,7 triệu người đang trong độ tuổi lao động (chiếm 55,8%).

Lao động tự sản tự tiêu chủ yếu thuộc độ tuổi từ 55 trở lên (chiếm 49,7%). Số liệu cũng cho thấy, trong số 4,8 triệu lao động tự sản tự tiêu, có đến gần 500 nghìn người cho biết họ hiện tại vẫn còn bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 (chiếm 9,8%).

Kết luận và kiến nghị

Nỗ lực triển khai chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội theo tinh thần của Nghị quyết 11/NQ-CP của các cấp, các ngành, các địa phương cùng với các chính sách nới lỏng giãn cách xã hội và hoàn thành tiêm vắc xin trong những tháng cuối năm 2021 và đầu năm 2022 đã tạo điều kiện cho thị trường lao động

dần phục hồi và đạt được mức tăng trưởng khá. Số lao động bị ảnh hưởng tiêu cực bởi đại dịch Covid-19 đã giảm mạnh, số người gia nhập lực lượng lao động tiếp tục tăng ngay cả khi số ca nhiễm Covid-19 trong cả nước vượt mức hàng chục nghìn ca mỗi ngày. Lao động có việc làm tăng mạnh. Tỷ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm đều giảm. Thu nhập của người lao động đã dần được cải thiện.

Mặc dù có nhiều khởi sắc nhưng thị trường lao động Việt Nam vẫn còn tiềm ẩn một số yếu tố thiếu bền vững. Số người có việc làm tăng nhanh nhưng tăng nhiều ở lao động phi chính thức phi hộ nông, lâm nghiệp và thủy sản. Tỷ lệ thất nghiệp và tỷ lệ lao động không sử dụng hết tiềm năng giảm nhưng vẫn còn ở mức cao. Lao động tự sản tự tiêu giảm nhưng vẫn chưa trở về trạng thái bình thường ban đầu khi chưa xảy ra đại dịch.

Trước tình hình đó, Tổng cục Thống kê đề xuất một số giải pháp sau:

- Tích cực triển khai đồng bộ các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, hỗ trợ doanh nghiệp và người lao động, đẩy nhanh Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế.

- Triển khai các chính sách để thu hút lao động tự sản tự tiêu, lao động không tham gia hoạt động kinh tế tham gia thị trường lao động, góp phần nâng cao năng suất lao động xã hội và cải thiện đời sống của người dân.

- Nghiên cứu xây dựng các chương trình chính sách đào tạo phù hợp, nâng cao chất lượng nguồn lao động, đảm bảo năng lực cạnh tranh của nền kinh tế.

Nguồn: Lược trích Báo cáo tác động của dịch Covid-19 đến tình hình lao động việc làm quý I/2022 của TCTK

4. Lao động có nhu cầu làm việc nhưng không được đáp ứng đủ công việc (hay còn gọi là lao động không sử dụng hết tiềm năng) bao gồm những người thất nghiệp, thiếu việc làm và một nhóm ngoài lực lượng lao động sẵn sàng làm việc nhưng không tìm việc hoặc có tìm việc nhưng chưa sẵn sàng làm việc ngay. Tỷ lệ lao động không sử dụng hết tiềm năng là tỷ số giữa lao động có nhu cầu làm việc nhưng không được đáp ứng đầy đủ công việc so với tổng số lao động có nhu cầu làm việc trong nền kinh tế.

TIN ĐỊA PHƯƠNG

Hà Nam: Tình hình sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh đã có nhiều khởi sắc

Trong quý I/2020, dịch Covid-19 diễn biến phức tạp trên địa bàn tỉnh với số ca nhiễm mới tăng nhanh, nhiều lao động phải nghỉ việc do nhiễm bệnh khiến các doanh nghiệp phải hoạt động trong tình trạng thiếu lao động. Bên cạnh đó, cước vận chuyển tăng, giá một số nguyên vật liệu đầu vào tăng cao cũng là thách thức lớn đối với doanh nghiệp. Tuy nhiên, tình hình sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh đã có nhiều khởi sắc so với quý trước, nhiều doanh nghiệp năm 2021 tạm ngừng hoạt động hoặc thu gọn sản xuất đến nay đã sản xuất trở lại, nhiều doanh nghiệp đã chủ động linh hoạt được nguồn nguyên liệu, ký kết được nhiều đơn hàng xuất khẩu mới, đẩy mạnh sản xuất phục vụ nhu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. Mặt khác, theo Nghị định số 15/2022/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 01/02/2022, thuế suất thuế giá trị gia tăng giảm 2%, áp dụng đối với các nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng thuế giá trị gia tăng 10%, góp phần tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp.

Tính chung quý I/2022, chỉ số IIP ước tăng 11,6% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, ngành khai khoáng giảm 8,1%, làm giảm 0,6 điểm phần trăm trong mức tăng chung; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 11,9%, đóng góp 12,17 điểm phần trăm; sản xuất và phân phối điện tăng 10,8%, đóng góp 0,03 điểm phần trăm; cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải tăng 0,8%, đóng góp 0,01 điểm phần trăm vào mức tăng chung.

Quý I, chỉ số sản xuất ngành công nghiệp khai khoáng giảm 1,4% so với quý trước và giảm 8,1% so với cùng kỳ do một số doanh nghiệp quy mô lớn giảm sản lượng, số khác hết hạn giấy phép khai thác. Ngành công nghiệp chế biến chế tạo trong quý vẫn giữ đà tăng trưởng ổn định, các ngành tăng khá so với cùng kỳ phải kể đến sản xuất trang phục, sản xuất cao su và plastic, sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác... Bên cạnh đó, một số ngành hàng giảm sản lượng sản xuất như ngành dệt, in, sản xuất kim loại, sản xuất máy móc...

Một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu trong quý I/2022 có mức tăng khá so với cùng kỳ: Quần áo vải may sẵn ước đạt 20,7 triệu sản phẩm, tăng 12,2%; xi măng và clinker ước đạt 5,8 triệu tấn,

tăng 24,1%; đồ chơi trẻ em ước đạt 41,6 triệu sản phẩm, tăng 29,6%; linh kiện điện tử ước đạt 24,4 triệu sản phẩm, tăng 9,5%.../.

Nguồn: CTK tỉnh Hà Nam

Vĩnh Phúc: Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) quý I ước tăng 7,89%

Quý I năm 2022, tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) ước tăng 7,89% so cùng kỳ năm trước, thấp hơn tốc độ tăng 8,78% của quý I năm 2021 nhưng cao hơn tốc độ tăng 6,38% của quý I năm 2020. So với các địa phương trong cả nước, tốc độ tăng trưởng GRDP quý I của Vĩnh Phúc đứng thứ 13/63 tỉnh, thành phố.

- Khu vực nông, lâm nghiệp, thủy sản: Ngành nông nghiệp tăng 1,10%, đóng góp 0,06 điểm phần trăm vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế. Trong nông nghiệp, ngành chăn nuôi tuy còn gặp khó khăn về giá thức ăn chăn nuôi tăng cao, giá bán một số sản phẩm thấp... song cơ bản vẫn phát triển ổn định và đạt mức tăng trưởng 3,44%, đóng góp 0,12 điểm phần trăm.

- Khu vực công nghiệp - xây dựng: Giá trị tăng thêm khu vực công nghiệp - xây dựng tăng 14,52%, đóng góp 7,19 điểm phần trăm vào tăng trưởng của tỉnh. Trong đó, công nghiệp tăng 15,7%, đóng góp 7,04 điểm phần trăm.

- Khu vực dịch vụ: Hoạt động kinh doanh thương mại trên địa bàn diễn ra sôi động vào thời điểm cuối tháng Một, khi người dân tập trung mua sắm những mặt hàng tiêu dùng phục vụ dịp Tết Nguyên đán cổ truyền. Tháng Hai và tháng Ba dịch bệnh Covid-19 bùng phát trên địa bàn với nhiều ca lây nhiễm trong cộng đồng nên người dân có xu hướng hạn chế tiêu dùng hơn trước nên hoạt động thương mại, dịch vụ trên địa bàn có phần trầm lắng hơn. Do vậy, khu vực dịch vụ đạt mức tăng trưởng thấp, tăng 1,17%, đóng góp 0,24 điểm phần trăm vào tăng trưởng GRDP chung của tỉnh.

- Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm: Thuế sản phẩm quý I năm 2022 ảnh hưởng bởi chính sách miễn giảm thuế theo Nghị quyết 43/2022/QH15 về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội năm 2022, trong đó có hướng dẫn giảm thuế GTGT từ 10% xuống 8% từ ngày 01/02/2022. Do đó, thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm quý I chỉ tăng 1,64% so với cùng kỳ năm 2021, đóng góp vào tăng trưởng chung của tỉnh là 0,40 điểm phần trăm./.

Nguồn: CTK tỉnh Vĩnh Phúc

Quảng Bình: Vốn đầu tư thực hiện tăng khá so cùng kỳ

Quảng Bình đang khẩn trương triển khai các công trình đầu tư xây dựng mới trong năm kế hoạch 2022 và tiếp tục đầu tư các công trình chuyển tiếp từ năm trước nên vốn đầu tư thực hiện quý I năm 2022 tăng khá so với cùng kỳ.

Trong quý I năm 2022, vốn đầu tư thuộc nguồn vốn NSNN trên địa bàn tỉnh do địa phương quản lý thực hiện là 1.018,1 tỷ đồng, tăng 68,8% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: Vốn NSNN cấp tỉnh 709,3 tỷ đồng, tăng 61,8%; vốn NSNN cấp huyện 181,3 tỷ đồng, tăng 82,2%; vốn NSNN cấp xã 127,5 tỷ đồng, tăng 95,0% so với cùng kỳ năm trước. Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước trong quý I năm 2022 tăng cao so với cùng kỳ năm trước do nhiều dự án lớn được triển khai thực hiện như: Dự án đường nối Quốc lộ 1A đến Quảng trường biển xã Ngư Thủy Bắc, huyện Lệ Thủy; Dự án phát triển môi trường, hạ tầng đô thị để ứng phó với biến đổi khí hậu thành phố Đồng Hới; hạ tầng tuyến đường chính từ trung tâm huyện Quảng Trạch kết nối với Tỉnh lộ 22; Dự án đường ven biển tỉnh Quảng Bình,...

Vốn đầu tư trên địa bàn tỉnh quý I năm 2022 thực hiện là 5.544,0 tỷ đồng, tăng 9,8% so với cùng kỳ, trong đó: Vốn đầu tư thuộc ngân sách Nhà nước 1.116,9 tỷ đồng, tăng 59,6%; vốn trái phiếu Chính phủ 12,2 tỷ đồng, giảm 90,3%; vốn tín dụng đầu tư theo kế hoạch Nhà nước 16,4 tỷ đồng, giảm 32,2%; vốn vay từ các nguồn khác 40,1 tỷ đồng, giảm 12,3%; vốn đầu tư của dân cư và tư nhân 4.325,9 tỷ đồng, tăng 35,1%; vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài 7,2 tỷ đồng, giảm 99,2% và vốn huy động khác 25,3 tỷ đồng, tăng 11,9% so với cùng kỳ năm trước./.

Nguồn: CTK tỉnh Quảng Bình

Hòa Bình: 130 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới trong quý I/2022

Trong quý I/2022, tỉnh Hòa Bình có 130 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng số vốn đăng ký khoảng 3.300 tỷ đồng (so với cùng kỳ năm trước, số lượng doanh nghiệp cấp mới bằng 100%, số vốn đăng ký tăng 2,5%); 35 doanh nghiệp đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện; cấp thay đổi, bổ sung nội dung giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho 230 lượt doanh nghiệp; 95 doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng hoạt động sản xuất kinh doanh; 10 doanh nghiệp giải thể tự nguyện.

Địa phương đã quyết định chủ trương đầu tư cho 17 dự án đầu tư trong nước với tổng số vốn đăng ký là trên 6,1 nghìn tỷ đồng; gấp 8,5 lần về số dự án và gấp 141 lần về vốn đăng ký so với cùng kỳ năm trước. Thực hiện điều chỉnh 07 dự án đầu tư. Lũy kế đến cuối quý I/2022, toàn tỉnh có tổng số 621 dự án; trong đó, có 39 dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài với tổng vốn đăng ký 590,8 triệu USD và 582 dự án trong nước với tổng vốn đầu tư đăng ký khoảng gần 133,9 nghìn tỷ đồng.

Các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh hiện có 104 dự án đầu tư còn hiệu lực; trong đó, có 27 dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài với tổng vốn đăng ký là 527,35 triệu USD và 77 dự án đầu tư trong nước với tổng vốn đăng ký là gần 11,1 nghìn tỷ đồng. Doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh quý I của các doanh nghiệp trong các KCN ước đạt 4,96 nghìn tỷ đồng, tăng 13% so với cùng kỳ năm trước, đạt 25,3% so với kế hoạch; giải quyết việc làm mới cho 100 lao động./.

Nguồn: CTK tỉnh Hòa Bình

Bà Rịa – Vũng Tàu: Hồi sinh ngành du lịch

Ngay thời điểm bước sang năm mới 2022, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã đón nhận tin vui khi TP. Vũng Tàu được nhận giải thưởng “Thành phố du lịch sạch ASEAN 2022”. Danh hiệu đã giúp ngành du lịch tỉnh có thêm sức hút để đón du khách quốc tế, đặc biệt các nước ASEAN với tiềm năng vô cùng lớn. Sau gần 2 năm hạn chế các đường bay quốc tế để phòng dịch, Việt Nam chính thức mở cửa, nối lại du lịch quốc tế từ ngày 15/3/2022. Điều này mở thêm cơ hội hồi phục nhanh cho toàn ngành, đồng thời góp phần nâng cao sức cạnh tranh của du lịch Việt nói chung và tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nói riêng.

Quý I năm 2022, tổng số lượt khách do các cơ sở lưu trú phục vụ ước tính 1,4 triệu lượt khách, tăng 25,19% so với cùng kỳ năm trước, trong đó lượt khách ngủ qua đêm ước 724,9 nghìn lượt, tăng 9,09%. Lượt khách du lịch theo tour ước 14,4 nghìn lượt, giảm 41,68%. Tổng số ngày khách lưu trú phục vụ ước gần 1,5 triệu ngày khách, tăng 29,63%; ngày khách du lịch theo tour ước tính 44,9 nghìn ngày, giảm 24,49%.

Tuy nhiên, tính riêng tháng 3 năm nay, doanh thu ngành du lịch vẫn còn giảm sâu so với cùng kỳ năm trước. Doanh thu du lịch tháng 3 ước là 4 tỷ đồng, tăng 7,58% so tháng trước và chỉ bằng 23,28% so với cùng kỳ năm trước; lũy kế quý I ước 9,7 tỷ đồng, chỉ bằng 20,51% so với cùng kỳ năm trước./.

Nguồn: CTK tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu



CUỘC ĐUA

PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO TRÊN TOÀN CẦU

Tiến Long

Việc đầu tư phát triển cho năng lượng tái tạo đang được xem là giải pháp và xu hướng tất yếu của nhiều quốc gia trên thế giới khi ảnh hưởng địa chính trị của dầu mỏ và khí đốt vẫn gây biến động lớn trên toàn cầu.

Năng lượng tái tạo ngày càng chiếm vị trí quan trọng

Phát triển năng lượng xanh, còn gọi là năng lượng tái tạo, đang dần chiếm vị trí quan trọng trong sự phát triển kinh tế bền vững ở các nước trên thế giới. Quá trình chuyển đổi sang năng lượng tái tạo là sự thay đổi về chính sách, cơ cấu, công nghệ từ sản xuất, tiêu thụ các nguồn năng lượng hóa thạch truyền thống (như than, dầu, khí tự nhiên) sang các nguồn năng lượng tái tạo, bền vững (như gió, mặt trời, nước, sinh khối, hydro, nhiên liệu sinh học...), góp phần giảm tác động của hiệu ứng nhà kính và biến đổi khí hậu gây ra.

EU là một trong những khu vực đi đầu trong việc đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu ngành năng lượng theo hướng xây dựng cơ sở hạ tầng phát triển nguồn năng lượng sạch. Việc đầu tư dài hạn vào năng lượng tái tạo có thể giúp ổn định giá năng lượng và giảm sự phụ thuộc của Liên minh châu Âu (EU),

khi có tới 90% lượng khí đốt ở khu vực này được nhập khẩu. Từ cuối năm 2018, kế hoạch "Năng lượng sạch cho toàn châu Âu" ra đời. Theo đó, các thành viên EU dần chuyển đổi sang nền kinh tế có mức độ thải khí carbon thấp, an toàn sức khỏe cho người dân và góp phần tăng khả năng cạnh tranh cho nhiều ngành công nghiệp. Với quyết tâm mạnh mẽ trong việc chuyển đổi hướng đi ngành năng lượng, EU đặt mục tiêu sẽ tăng tỷ trọng nguồn năng lượng tái tạo và năng lượng sinh học lên 60% vào năm 2030, và tăng cường công suất điện gió ngoài khơi lên gấp 25 lần vào năm 2050, để đạt mục tiêu trung hòa khí thải các bon năm 2050.

Đức có những bước chuyển mình mạnh mẽ trong việc đưa năng lượng tái tạo trở thành mục tiêu phát triển hàng đầu để thay thế khí đốt. Cũng từ đầu những năm 2000, Đức định hướng chiến lược năng lượng nhằm vào các nguồn năng lượng tái tạo. Tham vọng

của Berlin là trở thành quốc gia đi đầu tại châu Âu trong lĩnh vực này, nhất là khẳng định vị thế thống trị trong ngành điện gió. Theo quy định trong Luật Năng lượng tái tạo (Luật EEG) của Đức, chậm nhất đến năm 2025, năng lượng tái tạo phải chiếm đến 40-45%; vào năm 2035, con số này là 55-60% trong cơ cấu năng lượng của quốc gia này. Nhờ sáng kiến khuyến khích đưa năng lượng tái tạo đến từng hộ gia đình thông qua các khoản trợ cấp của chính phủ, hàng triệu người dân Đức lắp pin mặt trời trên mái nhà. Thay cho 20 nhà máy điện đốt than, Đức sử dụng năng lượng được sản xuất từ hơn 1 triệu tấm thu năng lượng mặt trời đặt trên các tòa nhà và dọc theo các xa lộ, bổ sung 30 terawatt giờ (TWh) vào mạng lưới điện của nước này. Cho đến nay, khoảng 25% nguồn năng lượng của Đức được sản xuất từ các nguồn tái tạo như gió, mặt trời và năng lượng sinh khối, đạt tỷ lệ cao nhất trong các quốc gia công nghiệp hùng mạnh.

Làn sóng phát triển năng lượng tái tạo đã tạo ra một số phát minh công nghệ trong các lĩnh vực, từ thiết kế máy móc đến kỹ thuật điện - như một turbin gió vận hành ở Đức đang sản xuất được lượng điện gấp 6 lần so với năm 1990. Chính phủ Đức còn hỗ trợ việc cải tạo hệ thống năng lượng trong những công trình xây dựng cũ.

Tại Pháp, Bộ Môi trường tuyên bố ngừng trợ cấp cho việc lắp đặt các lò sưởi khí đốt dân dụng mới và tăng cường hỗ trợ sưởi ấm bằng năng lượng tái tạo, nhằm giảm sự phụ thuộc vào xuất khẩu nhiên liệu hóa thạch của Nga. Pháp muốn chấm dứt nhập khẩu khí đốt và dầu của Nga vào năm 2027. Để giảm nhu cầu khí đốt, Pháp sẽ đẩy nhanh việc thay thế các lò sưởi hiện nay sang hệ thống sưởi sử dụng máy bơm nhiệt và máy sưởi sinh khối, bao gồm cả các hệ thống hybrid. Từ ngày 15-4 cho đến hết năm 2022, Pháp tăng trợ cấp thêm 1.000 EUR (1.102 USD) cho hệ thống sưởi ấm trong khu dân cư.

Điện khí hóa hệ thống sưởi đang là kế hoạch chính trong các chính sách của EU nhằm giảm lượng khí thải của các tòa nhà ở châu Âu. Thông qua Cơ quan Môi trường và Năng lượng nhà nước ADEME, Pháp cũng sẽ cung cấp 150 triệu EUR (166 triệu USD) để giúp các công ty và thành phố chuyển đổi sang hệ thống sưởi sử dụng năng lượng tái tạo, đặc biệt là bằng cách chuyển mạng lưới nhiệt sang sinh khối.

Mỹ luôn phụ thuộc rất nhiều vào nhiên liệu hóa thạch như khí tự nhiên, dầu và than đá để sản xuất năng lượng. Tuy nhiên, xu hướng này hiện đang thay đổi nhanh chóng khi Mỹ đẩy mạnh thực hiện quy hoạch phát triển năng lượng sạch đến năm 2050. Chính phủ Mỹ đã đầu tư rất lớn cho việc phát triển cơ sở hạ tầng

các nhà máy sản xuất năng lượng tái tạo, cũng như các ngành công nghiệp sản xuất thay thế dần động cơ sử dụng năng lượng sạch.

Bang California (Mỹ) đã xây dựng 2 nhà máy điện mặt trời lớn nhất thế giới. Đó là Trang trại Quang điện Topaz (công suất 550MW) và Nhà máy Ivanpah (công suất 392MW). Thành phố Babcock Ranch ở bang Florida (Mỹ) đã trở thành một trong những thành phố bền vững và thân thiện với môi trường bậc nhất trên thế giới. Tại đây, 100% điện năng sử dụng đều từ năng lượng tái tạo và áp dụng theo công nghệ điện lưới thông minh.

Sự phát triển mạnh mẽ của ngành năng lượng tái tạo thay thế dần cho năng lượng sử dụng hóa thạch đang diễn ra ở quốc gia đi đầu nền kinh tế thế giới, càng cho thấy rõ hơn tầm quan trọng của việc phát triển kinh tế phải gắn liền với việc phát triển năng lượng bền vững, an toàn.

Từ một đất nước chủ yếu dựa vào nguồn nhiên liệu hóa thạch, Trung Quốc xem việc phát triển nguồn năng lượng tái tạo là nhiệm vụ trọng tâm. Điều đó được nhấn mạnh trong kế hoạch hiện đại hóa công nghiệp "Made in China 2025", mục tiêu đưa Trung Quốc trở thành quốc gia hàng đầu trong lĩnh vực năng lượng tái tạo. Trong tổng kết kế hoạch 5 năm từ 2016-2020, tổng đầu tư của Trung Quốc vào ngành công nghiệp này đã lên đến hơn 360 tỷ USD.

Chính phủ Trung Quốc tuyên bố sẽ tăng tỷ trọng của nhiên liệu tái tạo trong tiêu thụ năng lượng sơ cấp lên khoảng 25% vào năm 2030. Đây được coi là mục tiêu chính nằm trong cam kết của Trung Quốc cắt giảm lượng phát thải carbon trước năm 2030, và là một phần của chương trình cải tổ toàn diện năng lượng quốc gia,

nhằm cắt giảm dần các nhà máy sử dụng nhiên liệu hóa thạch gây ô nhiễm môi trường.

Hydro - Nguồn năng lượng nhiều tiềm năng

Ngoài các nguồn năng lượng tái tạo đang sử dụng trên thế giới (như gió, mặt trời, nước), hydro được coi là nguồn năng lượng nhiều tiềm năng. Đây là năng lượng vô tận khi có thể dễ dàng thu thập, không gây ô nhiễm. Hydro có thể được sản xuất như một sản phẩm phụ trong quá trình lọc hóa dầu, chiết xuất trực tiếp từ khí tự nhiên, hay thu thập trong quá trình điện phân tách hydro và oxy trong nước.

EU đã công bố chiến lược hydro, với kế hoạch đầu tư 75 tỷ EUR (83 tỷ USD) để xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế hydro, nỗ lực tăng tỷ trọng sử dụng nguyên liệu hydro từ 3% hiện nay lên 14% vào năm 2050. Nhật Bản tuyên bố chuyển đổi sang nền kinh tế hydro từ năm 2014. Thậm chí, các quốc gia Trung Đông, đặc biệt là Saudi Arabia, cũng sử dụng tiền thu được từ dầu mỏ để tái đầu tư vào năng lượng hydro, nhằm giữ vững vị trí dẫn đầu trên thị trường năng lượng toàn cầu trong kỷ nguyên hậu nhiên liệu hóa thạch.

Trong số đó, Hàn Quốc là quốc gia đang đặt tham vọng trở thành nhà xuất khẩu khí hydro hàng đầu trên thế giới. Đầu năm 2021, nước này trở thành quốc gia đầu tiên trên thế giới thông qua "Luật kinh tế hydro". Trước đó, Chính phủ Hàn Quốc công bố lộ trình xây dựng hệ sinh thái hydro. Đằng sau sự phát triển nhanh chóng trong các ngành liên quan đến hydro là sự ra đời của hệ thống cơ sở pháp lý và luật liên quan.

Cùng với xe điện, xe chạy bằng nhiên liệu hydro đang trở thành chủ đề nóng trong ngành công nghiệp ô tô tại Hàn Quốc.

Theo Công ty tư vấn nghiên cứu SNE Research, tính đến cuối quý III-2020, gã khổng lồ ô tô Hyundai của Hàn Quốc chiếm tới 73,8% thị phần xe điện chạy pin nhiên liệu hydro trên toàn cầu, dẫn đầu thế giới ở lĩnh vực này.

Australia đang có kế hoạch trở thành một trong ba nhà xuất khẩu hydro hàng đầu cho các thị trường châu Á vào năm 2030, và đặt ra mục tiêu giảm chi phí sản xuất hydro xuống dưới 2AUD (1,4USD)/kg. Mới đây, Công ty Công nghệ Hysata của Australia thông báo đã đạt được bước tiến đột phá trong việc nâng cao hiệu suất của các chất điện phân, giúp đẩy nhanh quá trình sản xuất khí hydro ở quy mô công nghiệp, đưa nguồn năng lượng mới này sớm cạnh tranh được với các loại nhiên liệu hóa thạch truyền thống. Công nghệ tế bào điện phân của Hysata đạt hiệu suất lên tới 95%, trong khi các công nghệ hiện nay chỉ cho phép điện phân đạt hiệu suất khoảng 75%. Những thành tựu thu được từ nghiên cứu của công ty đã củng cố cho mục tiêu mở rộng quy mô sản xuất hydro của Australia ở mức giá tương đương giá của xăng dầu vào năm 2025.

Theo chiến lược phát triển nguồn năng lượng mới hydro của Australia, đến năm 2050, công nghiệp hydro có khả năng tạo ra khoảng 7.600 việc làm và đóng góp thêm khoảng 11 tỷ AUD/năm (7,7 tỷ USD/năm) cho tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của nước này.

Theo nghiên cứu của Cơ quan Năng lượng quốc tế (IEA), đến năm 2025, năng lượng tái tạo sẽ trở thành nguồn sản xuất điện chính, cung cấp 1/3 lượng điện trên thế giới. Ước tính, công suất điện gió và quang điện sẽ vượt công suất của khí đốt vào năm 2023 và than đá vào năm 2024./

NGÀNH DU LỊCH ĐÔNG NAM Á NỖ LỰC PHỤC HỒI SAU BÃO ĐẠI DỊCH

Bích Ngọc

Sau 2 năm đóng băng do đại dịch Covid- 19, năm 2022, nhiều quốc gia khu vực Đông Nam Á đang cố gắng “vực dậy” ngành du lịch, song con đường phục hồi còn khá mong manh bởi không ít những rào cản đang hiện hữu.

Theo Hội đồng Thương mại và Du lịch Thế giới, các nền kinh tế Đông Nam Á là khu vực phụ thuộc nhiều vào du lịch. Năm 2019, thời gian trước khi đại dịch Covid-19 diễn ra, du lịch đóng góp khoảng 12% GDP khu vực. Thế nhưng, sự xuất hiện của đại dịch Covid-19 đã khiến cho ngành du lịch các quốc gia bị ảnh hưởng nặng nề với lượng khách quốc tế đến khu vực sụt giảm mạnh. Theo thống kê, so với năm 2019, lượng khách quốc tế đến Đông Nam Á giảm 82% năm 2020 và 98% vào năm 2021, trong khi du lịch nội địa tại nhiều quốc gia bị “kìm hãm” do những hạn chế đi lại và hoạt động kinh tế suy giảm. Sự ảm đạm này đã gây thiệt hại đáng kể cho kinh tế Đông Nam Á. Năm 2020, đóng góp của du lịch vào GDP khu vực giảm tới 53%. Thu từ khách du lịch quốc tế giảm 78%, nhiều hơn bất kỳ khu vực nào khác trên thế giới.

Trước tình hình trên, các quốc gia Đông Nam Á xúc tiến lộ trình mở cửa đường biên, đón khách quốc tế để vực dậy ngành du lịch và nhanh chóng bắt nhịp với cuộc đua phục hồi hậu Covid-19.

Thái Lan - một điểm đến hàng đầu Đông Nam Á được xem là quốc gia có những chính sách táo bạo để phá băng ngành công nghiệp không khói. Mặc dù trong bối cảnh làn sóng dịch bệnh lần thứ 3 đang diễn ra trầm trọng, song với mong muốn tìm ra biện pháp khôi phục ngành du lịch vốn đang bị ảnh hưởng nghiêm trọng, vào đầu tháng 7 năm ngoái, Chính phủ xứ sở Chùa Vàng đã cho triển khai mô hình thí điểm “Hộp cát Phuket”. Tham gia chương trình này, du khách quốc tế đã được tiêm đầy đủ vắc xin ngừa Covid-19 và đến từ các nước nằm trong danh sách có nguy cơ dịch tễ “thấp” hoặc “trung bình” không phải trải qua thời gian cách ly bắt buộc kéo dài 14 ngày trong khách sạn, mà có thể tự do đi lại trên hòn đảo nổi tiếng của quốc gia này



cùng chi phí để tiến hành ba lần xét nghiệm kiểm tra Covid-19. Sau thời gian đó, họ có thể tự do tới tham quan các nơi khác trên khắp cả nước. Chỉ trong 3 tháng triển khai thí điểm, mô hình này đã mang lại doanh thu gần 86 triệu USD và thu hút hơn 70.000 khách tới Thái Lan. Thành công của mô hình “Hộp cát Phuket” là cơ sở để Chính phủ Thái Lan mạnh dạn tiếp tục mở rộng phạm vi mở cửa đối với du khách từ hơn 60 quốc gia có nguy cơ dịch thấp từ 01/11 năm ngoái. Cùng với đó, đến đầu năm nay, Thái Lan đã nhanh chóng nối lại chương trình “Test & Go” (Xét nghiệm và Đi) – cơ chế du lịch không cần cách ly cho người nhập cảnh với một số biện pháp bổ sung. Theo đó, bắt đầu từ ngày 1/2, những du khách quốc tế đã hoàn thành đủ các mũi tiêm đều có thể đăng ký nhập cảnh vào nước này mà không cần phải cách ly. Tuy nhiên, trước khi được tự do di chuyển khắp Thái Lan, du khách sau khi được chấp thuận nhập cảnh vẫn sẽ phải ở một đêm trong khách sạn để chờ kết quả âm tính với xét nghiệm PCR và mua trước bảo hiểm sức khỏe với mức chi trả ít nhất 50.000 USD. Bên cạnh đó, Thái Lan cũng đang thúc đẩy hợp tác với các hãng hàng không, khai thác các chuyến bay quốc tế đến Việt Nam, Singapore, Malaysia và Campuchia để “hút” khách du lịch chặng ngắn. Vào ngày 1/3 mới đây, chính phủ Thái Lan cũng đã thông qua kế hoạch triển khai “bong bóng” du lịch đường không với Ấn Độ và Tổng cục du lịch Thái Lan đã ký một thỏa thuận với Thai Vietjet (TVJ) trong một năm vào ngày 02/3

để tạo nhu cầu ở Đông Nam Á, đặc biệt là Việt Nam và Campuchia. Với hàng loạt các chính sách trên, Thái Lan dự kiến sẽ đón ít nhất 8 triệu khách du lịch trong năm 2022, và tạo ra thu nhập khoảng 480 tỷ baht (khoảng 14,36 tỉ USD).

Trong khu vực, Campuchia có lẽ là quốc gia đầu tiên của khu vực nhanh chóng mở cửa hoàn toàn để đón khách du lịch quốc tế, sẵn sàng cho lối sống mới, với việc triển khai chiến lược “du lịch vắc xin”. Sau gần 2 năm gần như tê liệt vì tác động của dịch Covid-19, chính phủ Campuchia tiếp thêm sức sống cho ngành du lịch phục hồi với việc triển khai “cơ chế hộp cát” (mô hình thử nghiệm mở cửa du lịch) từ cuối tháng 11 năm ngoái, cho phép các tour du lịch miễn cách ly đối với những du khách quốc tế đã tiêm đủ liều vắc xin ngừa Covid-19, và họ được phép tới các địa điểm du lịch trọng điểm vùng duyên hải phía Nam là Sihanoukville, đảo Koh Rong và khu nghỉ dưỡng Dara Sakor Resort ở tỉnh Koh Kong. Đây là “gói du lịch an toàn miễn cách ly” được áp dụng cho những du khách đặt trước ít nhất 5 ngày nghỉ tại những địa điểm nói trên và có kết quả xét nghiệm Covid-19 âm tính. Kể từ tháng 1/2022, Campuchia mở rộng áp dụng “cơ chế hộp cát” sang tỉnh Siem Reap, nơi có quần thể Di sản văn hóa thế giới Angkor.

Dù đã “rục rịch” có kế hoạch đón du khách nước ngoài từ 19 quốc gia đủ điều kiện trở lại hòn đảo nghỉ mát Bali từ 14/10 năm ngoái song đến 4/2 vừa qua Indonesia mới chính thức mở rộng

cánh cửa cho hòn đảo này với tất cả quốc gia trên thế giới và coi đó như chương trình thí điểm sống chung với đại dịch. Để hút khách đến Bali, chính phủ Indonesia đã tiếp thị chương trình cách ly 5 ngày như một “kỳ nghỉ nháp”. Trong thời gian này, du khách có thể rời phòng tại một trong 5 khách sạn được phê duyệt trên đảo để tham gia vào các hoạt động cộng đồng, trong các khu vực dành riêng cho họ. Ngành du lịch Bali tin rằng đây là một trong những biện pháp tốt nhất để khôi phục lại nền kinh tế vốn đã bị tàn phá bởi đại dịch trong hai năm qua. Từ 14/3, Indonesia tiếp tục tiến hành thử nghiệm chương trình miễn cách ly du khách quốc tế đến Bali. Theo quy định mới, tuy không phải cách ly nhưng khách quốc tế đã tiêm đủ hai mũi vaccine vẫn tuân thủ một số yêu cầu như xuất trình bằng chứng thanh toán tiền phòng khách sạn; xét nghiệm PCR tại sân bay và ngày thứ 3 sau khi nhập cảnh. Nếu thử nghiệm thành công, Indonesia sẽ mở cửa toàn bộ đất nước và đón khách không cần cách ly từ tháng 4 tới đây.

Tại Philippine, để đánh dấu sự khởi đầu trong lộ trình phục hồi ngành du lịch, chính phủ nước này cũng quyết định mở cửa trở lại biên giới cho khách du lịch nước ngoài từ ngày 10/2 vừa qua và thực hiện dỡ bỏ các quy định cách ly, để khôi phục ngành du lịch đã bị ảnh hưởng trong đại dịch. Việc nới lỏng các hạn chế ở biên giới được áp dụng đối với khách nước ngoài đã được tiêm phòng vắc xin đầy đủ

từ 157 quốc gia và vùng lãnh thổ có thỏa thuận miễn thị thực với Philippines. Khách du lịch quốc tế đến Philippines chỉ phải xuất trình các giấy tờ như bằng chứng tiêm phòng vắc xin Covid-19 và kết quả xét nghiệm Covid-19 âm tính. Với việc áp dụng các quy trình an toàn và tiêu chuẩn sức khỏe, ngành du lịch Philippines đang tạo niềm tin an toàn và mang lại cho du khách những trải nghiệm thú vị tại các điểm đến hàng đầu như Manila, Boracay, Palawan, Cebu, Bohol và Siargao.

Trong nỗ lực hồi sinh ngành du lịch trong nước, bắt đầu từ tháng 3 năm nay, chính phủ Malaysia quyết định chuyển sang coi Covid-19 là bệnh đặc hữu và mở cửa trở lại biên giới cho du khách quốc tế từ đầu tháng 4 tới. Khi nhập cảnh vào Malaysia, những du khách đã tiêm chủng đầy đủ và có kết quả xét nghiệm PCR âm tính với Covid-19 trước khi khởi hành 2 ngày cùng xét nghiệm nhanh trong vòng 24 giờ trước khi đến sẽ không cần phải cách ly. Trước tiên, Malaysia áp dụng làn đi lại dành cho những du khách đi theo đường hàng không với các nước Thái Lan và Campuchia từ 15/3 năm nay. Việc nới lỏng quy định cách ly này được kỳ vọng hỗ trợ sự phục hồi ngành du lịch cũng như nền kinh tế của đất nước Malaysia sau những tác động tiêu cực của đại dịch Covid-19.

Là quốc gia có độ bao phủ tiêm chủng vắc xin Covid-19 khá rộng, tháng 9/2021, Singapore bắt đầu thiết lập "Làn đi lại vaccine" với 2 quốc gia đầu tiên Brunei và Đức. Đến nay, chương trình này được mở rộng ra 30 quốc gia/vùng lãnh thổ, trong đó có Việt Nam. Chương trình "Làn đi lại vaccine" đã thành công trong việc cho phép Singapore mở lại biên giới một cách an toàn, đồng thời

quản lý các rủi ro sức khỏe đối với người dân.

Tại Việt Nam, sau hơn 2 năm ngành du lịch phải chịu những tổn thất nặng nề từ cơn bão dịch bệnh, cuối tháng 11 năm ngoái, Việt Nam đã thí điểm đón khách quốc tế. Theo số liệu thống kê, sau 4 tháng thực hiện, cả nước đã đón được khoảng 9.000 khách quốc tế. Là 1 trong 10 nước có tỷ lệ tiêm vaccine phòng Covid-19 cao nhất thế giới, Việt Nam tự tin mở cửa lại hoàn toàn cho khách du lịch nước ngoài như trước khi có đại dịch Covid-19 kể từ ngày 15/3.

Bên cạnh nỗ lực của các quốc gia, giữa tháng 12/2021, Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) đã thành lập Quỹ Du lịch bền vững Đông Nam Á hỗ trợ kỹ thuật trị giá 1,7 triệu USD nhằm tăng tốc quá trình phục hồi du lịch khu vực sau đại dịch. Quỹ Du lịch bền vững Đông Nam Á sẽ giúp các quốc gia xác định và chuẩn bị những dự án du lịch bền vững về môi trường và xúc tác nguồn tài chính tư nhân để hỗ trợ các dự án đó vận hành tốt hơn. Quỹ sẽ hỗ trợ các ưu tiên chủ chốt liên quan đến du lịch được Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) và các chiến lược du lịch tiểu vùng ở Đông Nam Á đề ra...

Mặc dù các quốc gia Đông Nam Á đang nỗ lực mở cánh cửa cho ngành du lịch, song sự hồi sinh của ngành công nghiệp không khói này cũng đang phải đối mặt với nhiều thách thức. Trước hết là các quốc gia đang vấp phải những rào cản về tình trạng thiếu hụt lao động. Chủ tịch Hiệp hội Khách sạn Thái Lan cho biết, các khách sạn ở Phuket đang gặp khó khăn trong việc thuê kỹ sư, thợ điện và đầu bếp. Ngành nhà hàng của Singapore cũng đang thiếu hụt nhân lực từ 20-30%. Một cuộc khảo sát do Tổng cục Du lịch Việt Nam

thực hiện vào tháng 6/2021 cho thấy, gần 1/4 lao động có trình độ cao trong ngành du lịch đã rời sang ngành khác. Trong khi đó, tình hình nguồn nhân lực ngành du lịch tại các quốc gia khác cũng không khả quan hơn.

Hơn nữa, ngành du lịch các quốc gia đang phải đối mặt với các áp lực chi phí do các quy định bắt buộc về bảo hiểm du lịch và chi phí nhiên liệu máy bay tăng cao bởi giá nguyên liệu năng lượng thế giới không ngừng leo thang vì tình hình chiến sự căng thẳng giữa Nga và Ukraina.

Bên cạnh đó, các chính sách phức tạp về biên giới cùng với việc Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á không đưa ra được một khuôn khổ thống nhất trong khu vực để công nhận chứng chỉ vắc xin đã và đang cản trở sự phục hồi của ngành du lịch khu vực. Trong khi đó, ngành du lịch của các quốc gia Đông Nam Á đang rất lo ngại với việc quay trở lại bản đồ du lịch của châu Âu và Australia bởi không có bất kỳ hạn chế nào để nhập cảnh và đi lại. Thực tế là từ đầu năm đến nay, các chuyến du lịch mùa Hè đến châu Âu đang thu hút không ít khách du lịch tại một số quốc gia trong khu vực.

Quan trọng hơn là cơn bão dịch bệnh vẫn đang diễn ra "dai dẳng" với làn sóng lây nhiễm biến chủng mới Omicron đang ngày một tăng nhanh ở các quốc gia khu vực Đông Nam Á. Rõ ràng nỗi sợ hãi về virus vẫn còn tồn tại ở một số quốc gia và điều này đang tạo nên tâm lý bất ổn ở các du khách, khiến cho nhu cầu du lịch là không chắc chắn.

Hy vọng rằng ngành du lịch các quốc gia Đông Nam Á vững vàng vượt qua những thách thức trên và nhanh chóng lấy lại vị thế trên bản đồ du lịch thế giới./

SÁCH HAY THỐNG KÊ

BÁO CÁO CHỈ SỐ PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2016-2020



Báo cáo chỉ số phát triển con người Việt Nam giai đoạn 2016-2020 là ấn phẩm được Tổng cục Thống kê (TCTK) chủ trì, phối hợp với Cục Thống kê các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thống kê Bộ, ngành và sự hỗ trợ kỹ thuật từ Chương trình phát triển của Liên hợp quốc (UNDP) biên soạn và công bố.

Có thể thấy, chỉ số phát triển con người (HDI) là một trong những chỉ tiêu tổng hợp, đo lường sự phát triển kinh tế - xã hội của một quốc gia, vùng lãnh thổ hay một địa phương do UNDP khởi xướng từ năm 1990 và đang được nhiều quốc gia, vùng lãnh thổ và tổ chức quốc tế tính toán, công bố thường xuyên. Trong những năm gần đây, TCTK đã biên soạn, công bố HDI của cả nước trong Niên giám thống kê và một số sản phẩm thông tin thống kê khác. HDI do TCTK biên soạn, công bố được các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước và quốc tế tin cậy, sử dụng.

Nhằm tiếp tục phát huy kết quả đạt được, Báo cáo "Chỉ số phát triển con người Việt Nam giai đoạn 2016 - 2020" được biên soạn dựa trên cơ sở phương pháp tính HDI đang được các quốc gia, vùng

lãnh thổ và các tổ chức quốc tế thống nhất áp dụng, Báo cáo đã thu thập thông tin đầu vào để biên soạn HDI chung cả nước và 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương những năm 2016 - 2020. Báo cáo đi sâu phân tích HDI đã tính toán, tổng hợp được; góp phần phản ánh động thái và thực trạng kinh tế - xã hội của đất nước những năm vừa qua trên 3 tiêu chí quan hệ trực tiếp đến mỗi người dân; đó là: Sức khỏe, giáo dục và thu nhập.

Ấn phẩm "Báo cáo phát triển con người của Việt Nam giai đoạn 2016 - 2020" bao gồm cả phương pháp tính và kết quả tính. Với kết cấu nội dung gồm hai phần chính:

Phần thứ nhất: Chỉ số phát triển con người của Việt Nam giai đoạn 2016-2020 với các nội dung: (i) Khái quát nội dung, phương pháp tính Chỉ số phát triển con người; (ii) Chỉ số phát triển con người của Việt Nam giai đoạn 2016-2020; (iii) Kết luận và kiến nghị.

Phần thứ hai: Hệ thống số liệu Chỉ số phát triển con người của Việt Nam giai đoạn 2016-2020; bao gồm 17 biểu tổng hợp HDI và các chỉ tiêu liên quan của cả nước và 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương giai đoạn 2016-2020.

Báo cáo cho biết, từ các kết quả tính toán và phân tích HDI cả nước những năm 2016 - 2020 cho thấy, nhờ đạt được sự gia tăng liên tục qua các năm, Việt Nam đã từ Nhóm các nước có HDI trung bình năm 2018 và những năm trước đó, gia nhập Nhóm đạt mức cao trong những năm 2019 - 2020. HDI tăng từ 0,682 năm 2016 lên 0,687 năm 2017; 0,693 năm 2018; 0,703 năm 2019 và 0,706 năm 2020. Theo đó, thứ hạng của Việt Nam trong Danh sách các quốc gia, vùng lãnh thổ thế giới đã tăng từ vị trí 118 năm 2018 lên vị trí 117 năm 2019 và có thể còn tiếp tục cải thiện trong năm 2020, khi UNDP cập nhật Bảng xếp hạng.

Đáng chú ý là, với mức độ khác nhau, tăng trưởng HDI đều có sự đóng góp của cả 3 Chỉ số thành phần cấu thành do các Chỉ số này cũng đạt được tốc độ tăng. Chỉ số sức khỏe tăng từ 0,822 năm 2016 lên 0,826 năm 2020; Chỉ số giáo dục tăng từ 0,618 lên 0,640; Chỉ số thu nhập tăng từ 0,624 lên 0,664. Tất cả 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đều có HDI năm 2020 cao hơn năm 2016. Theo tiêu chuẩn phân nhóm HDI của UNDP, năm 2020 đã có 24 địa phương được xếp vào nhóm có

HDI đạt mức cao. Như vậy, các địa phương đã có đóng góp quan trọng vào tăng trưởng HDI chung của cả nước.

Bên cạnh kết quả đạt được, thực trạng HDI của Việt Nam giai đoạn 2016 - 2020 bộc lộ một số vấn đề cần xử lý, khắc phục. Mức độ tăng và tốc độ tăng HDI của cả nước và hầu hết các địa phương đều thấp. Năm 2020, HDI cả nước đạt 0,706, chỉ tăng 0,024 so với năm 2016 với tốc độ tăng bình quân mỗi năm 0,9%. HDI của một số địa phương, trong đó có các thành phố lớn, các trung tâm công nghiệp, dịch vụ có dấu hiệu chững lại. Sự đóng góp của các Chỉ số thành phần vào cấu thành HDI đều thấp, đặc biệt là Chỉ số giáo dục. Những năm 2016 - 2020, HDI của Việt Nam mới đạt mức bình quân của khu vực, xếp thứ 7/11 quốc gia Đông Nam Á. HDI giữa các địa phương có sự chênh lệch lớn và khoảng cách chênh lệch chậm được thu hẹp.

Báo cáo cũng đã đề cập tới một số kiến nghị, bao gồm: (i) HDI là thước đo tổng hợp, đánh giá toàn diện kết quả phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Do vậy, HDI phải được xác định là một trong những chỉ tiêu chủ yếu trong chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cả nước cũng như của từng địa phương. Đồng thời đòi hỏi có một hệ thống các giải pháp đồng bộ và triển khai thực hiện quyết liệt, hiệu quả; đặc biệt là các giải pháp tăng cường dịch vụ y tế, giáo dục vì các lĩnh vực này liên quan trực tiếp đến phát triển con người. (ii) Trong thời gian tới, TCTK sẽ tăng cường biên soạn và công bố Chỉ số phát triển con người (HDI) và Báo cáo phát triển con người (HDR) của cả nước và 63 địa phương. Ngoài nỗ lực của TCTK, rất cần sự phối hợp chặt chẽ của các Bộ, ngành, địa phương trong việc thu thập, tổng hợp đầy đủ thông tin đầu vào biên soạn HDI và HDR. (iii) Báo cáo phát triển con người của Việt Nam giai đoạn 2016 - 2020 có một số khác biệt về số liệu HDI của Việt Nam so với HDR hằng năm của UNDP; chủ yếu do các tổ chức quốc tế cung cấp số liệu đầu vào cho UNDP chưa cập nhật số liệu chính thức hoặc số liệu điều chỉnh của TCTK. Tuy nhiên, khác biệt không lớn và chỉ xảy ra trong năm 2016 - 2017./.

Gia Linh (Tổng hợp)

Ngành tôm Việt Nam...

(Tiếp theo trang 26)

Các sản phẩm tôm chính xuất khẩu sang thị trường này gồm có: Tôm chân trắng tươi bỏ đầu, lột vỏ bỏ đuôi tẩm bột đông lạnh, tôm chân trắng tươi bỏ đầu... Bộ Công Thương cũng cho biết, nhiều lô hàng đã xuất đi Nga nhưng chưa chắc chắn về khả năng thông quan và hầu hết doanh nghiệp xuất khẩu tôm sang Nga hiện đang gặp khó khăn về khâu thanh toán qua ngân hàng do tác động từ việc ngắt kết nối hệ thống thanh toán quốc tế (SWIFT). Việc các hãng tàu lớn đã tuyên bố không vận chuyển đi và đến Nga cũng dẫn đến đứt gãy chuỗi cung ứng, chi phí vận chuyển tăng cao, gây nhiều khó khăn cho doanh nghiệp.

Không chỉ ảnh hưởng từ thị trường nước Nga, xuất khẩu thủy sản Việt Nam nói chung và xuất khẩu tôm nói riêng dự báo sẽ còn gặp nhiều khó khăn trong năm 2022 do tác động đến từ tình hình chung của thế giới và các thị trường quốc tế khác. Mặc dù xuất khẩu thủy sản quý I/2022 đạt kết quả cao nhất so với quý I hàng năm từ trước tới nay, báo hiệu một năm xuất khẩu thủy sản có nhiều triển vọng tăng trưởng tốt. Tuy nhiên, trong thời gian tới, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam có khả năng sẽ tăng trưởng chậm lại do nhu cầu tiêu dùng thủy sản toàn cầu có thể sẽ chững lại với tác động của lạm phát và tình trạng khó khăn trong hoạt động vận chuyển. Từ đầu năm 2022, giá cước vận tải biển đi các chặng Hoa Kỳ, châu Âu tiếp tục ở mức cao gây áp lực lên giá thủy sản. Thêm vào đó, dịch Covid-19 trên toàn cầu dẫn được kiểm soát, hoạt động nuôi trồng thủy sản dần phục hồi, nguồn cung tăng lên sẽ tạo áp lực cạnh tranh trên thị trường, giá thủy sản có khả năng giảm trong thời gian tới.

Năm 2022, ngành Tôm Việt Nam đặt ra kỳ vọng xuất khẩu vượt mốc 4 tỷ USD, tăng 10-12% so với năm trước, trong đó, tăng trưởng do yếu tố giá đóng góp khoảng 7-10% và tăng trưởng do sản lượng tăng đóng góp 2-5%. Để đạt được điều đó, ngành Tôm cần triển khai mạnh mẽ hơn nữa các giải pháp giải quyết các tồn tại về bao tiêu sản phẩm cả đầu vào và đầu ra, chi phí sản xuất, môi trường, dịch bệnh và xúc tiến mạnh thương mại quốc tế, giữ vững thị trường vốn có và không ngừng tìm kiếm, mở rộng thị trường quốc tế. Có như thế, Việt Nam mới có thể kỳ vọng hoàn thành mục tiêu xuất khẩu tôm đạt 10 tỷ USD vào năm 2025./.



HẢI PHÒNG XÂY DỰNG HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐỒNG BỘ HIỆN ĐẠI TẠO ĐỘNG LỰC ĐỂ PHÁT TRIỂN ĐỘT PHÁ

Những năm gần đây, hạ tầng giao thông của thành phố Hải Phòng đã có sự thay đổi mạnh mẽ với hàng chục công trình giao thông được đầu tư xây dựng với số vốn hàng nghìn tỷ đồng. Các công trình này đã tạo một diện mạo mới, có vai trò đặc biệt trong việc tháo gỡ “nút thắt” giao thông, tạo nền tảng cho sự phát triển của thành phố Hải Phòng trong tương lai.

Ước tính trong giai đoạn từ năm 2016-2020, thành phố Hải Phòng đã huy động tổng nguồn lực tới gần 44 nghìn tỷ đồng để đầu tư cho phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, gấp hơn 1,8 lần giai đoạn 2011 - 2015. Nhờ đó, hạ tầng giao thông của thành phố Hải Phòng được đầu tư phát triển mạnh, có bước phát triển đột phá theo hướng hiện đại và đồng bộ. Điểm nổi bật nhất trong giai đoạn 2015 – 2020 là thành phố Hải Phòng đã đầu tư hàng loạt các tuyến đường, cây cầu kết nối với các địa phương, các vùng ngoại thành với nội đô, tạo điều kiện thuận tiện cho việc lưu thông hàng hóa, chống ùn tắc giao thông và đáp ứng nhu cầu đi lại ngày càng tăng của nhân dân. Trong đó, có nhiều công trình giao thông tạo điểm nhấn đô thị với kiểu dáng mỹ thuật hiện đại như: Nút giao Nam Cầu Bính; cầu Hoàng Văn Thụ; cầu vượt nút giao đường Lê Hồng Phong với đường Nguyễn Bình Khiêm; cầu vượt nút giao đường Hồ Sen – Cầu Rào 2 với đường Nguyễn Văn Linh ...

Đặc biệt, với trách nhiệm là động lực phát triển của vùng Bắc Bộ và cả nước, ngay sau khi Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 45 về xây dựng và phát triển Tp. Hải Phòng đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2045, thành phố Hải Phòng đã khởi xướng nhiều nội dung quan trọng nhằm gia tăng



Công trình cầu vượt Nguyễn Văn Linh nút giao thông Ngã 3 Cầu Rào 2

giá trị của liên kết vùng. Trong đó có nhiều nội dung hợp tác về phát triển hạ tầng giao thông với các tỉnh Quảng Ninh, Thái Bình, Hải Dương và được cụ thể hóa bằng các dự án như: Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường bộ ven biển đoạn qua thành phố Hải Phòng và 9 km trên địa bàn tỉnh Thái Bình; Dự án cầu sông Hóa nối huyện Vĩnh Bảo của thành phố Hải Phòng với huyện Thái Thụy của tỉnh Thái Bình; Dự án cầu Quang Thanh nối huyện An Lão với huyện Thanh Hà của tỉnh Hải Dương; Dự án cầu Dinh nối huyện Thủy Nguyên với thị xã Kinh Môn của tỉnh Hải Dương; Dự án xây dựng cầu Lại Xuân và cầu Bến Rừng để kết nối với tỉnh Quảng Ninh ...

Bên cạnh đó, tại khu vực nông thôn, thực hiện Chương trình mục

tiêu Quốc gia về xây dựng Nông thôn mới, trong giai đoạn 2025-2020, nhờ cơ chế sáng tạo hỗ trợ xi măng để nhân dân xây dựng đường thôn xóm, đường nội đồng, Thành phố Hải Phòng đã huy động được một nguồn lực lớn từ sự đóng góp tự nguyện của người dân và đã hoàn thành 5 nghìn km đường giao thông nông thôn, qua đó tạo mạng lưới giao thông kết nối liên hoàn và đồng bộ từ nông thôn đến thành thị.

Cùng với giao thông đường bộ, hệ thống cảng biển, đường sông và hàng không cũng không ngừng được hiện đại hóa. Thành phố đã hoàn thành hai bến khởi động cảng container quốc tế tại Lạch Huyện để đón tàu có tải trọng đến 16 vạn tấn làm hàng, qua đó mở ra các tuyến vận tải biển trực tiếp



xuyên Thái Bình Dương tới Ca-na-đa và Bờ Tây nước Mỹ mà không phải trung chuyển qua các cảng biển nước khác. Sân bay Cát Bi được đầu tư xây dựng, nâng cấp thành Cảng hàng không quốc tế cấp 4E, bảo đảm khai thác được máy bay hiện đại cỡ lớn và hiện đang khai thác nhiều đường bay quốc tế và trong nước. Cùng với đó, các tuyến hành lang đường thủy số 1: Việt Trì - Hà Nội - Phả Lại - Hải Phòng - Quảng Ninh; số 2: Quảng Ninh - Hải Phòng - Thái Bình - Nam Định - Ninh Bình đang được cải tạo. Các tuyến đường thủy nội địa từ Hải Phòng đi các cảng: Mạo Khê, Diên Công (Quảng Ninh), Cống Cầu, Phả Lại (Hải Dương) cũng đang được phát triển; tuyến đường sắt khổ rộng Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng cũng đang được nghiên cứu xây dựng.

Nhờ hạ tầng giao thông triển đột phá đã tạo động lực thúc đẩy kinh tế - xã hội của thành phố Hải Phòng phát triển mạnh mẽ. Hải Phòng đã và đang có sức hấp dẫn thu hút các nhà đầu tư lớn trong và ngoài nước như LG, Aeon, Vingroup, SunGroup, Geleximco... với các dự án quy mô lớn tầm cỡ quốc gia và khu vực trong lĩnh vực công nghiệp, đô thị, thương mại, du lịch, nông nghiệp, y tế, giáo dục...

Năm 2021, mặc dù ảnh hưởng từ đại dịch Covid-19, nhưng tăng trưởng kinh tế (GRDP) của Hải Phòng vẫn ở mức cao, ước đạt 12,38%, nằm trong nhóm dẫn đầu các địa phương trên cả nước. Tổng thu ngân sách ước đạt hơn 90 nghìn tỷ đồng, vượt dự toán. Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tăng 18,5%; kim ngạch xuất khẩu đạt 25,11 tỷ USD, tăng 23,19%. Thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) ước đạt 3,13 tỷ USD, tăng 91,44% so với cùng kỳ, vượt kế hoạch đề ra, nằm trong nhóm các địa phương dẫn đầu cả nước.

Để hiện thực hóa mục tiêu trở thành thành phố công nghiệp phát triển hiện đại, văn minh, bền vững tầm cỡ khu vực châu Á và thế giới, Hải Phòng xác định cần phải tiếp tục chú trọng đầu tư phát triển hạ tầng giao thông, khai thác tối đa lợi thế về vị trí địa kinh tế để phát triển. Do đó, trong giai đoạn 2010-2025, Hải Phòng lấy phát triển kết cấu hạ tầng giao thông là một trong những nội dung quan trọng nằm trong 3 giải pháp đột phá để phát triển. Trên tinh thần đó, Hải Phòng tiếp tục thu hút các nguồn lực để phát triển hạ tầng giao thông, ngoài vốn ngân sách, Thành phố ưu tiên áp dụng các hình thức đầu tư như PPP, ODA... Đặc biệt, Hải Phòng định hướng phát triển

hạ tầng giao thông theo hướng hiện đại. Trong đó với giao thông đối nội, Thành phố tập trung đầu tư xây dựng các nút giao thông khác mức, xây dựng hệ thống cầu vượt, đường vành đai 2, vành đai 3; nghiên cứu xây dựng hệ thống giao thông ngầm, đường sắt đô thị, buýt nhanh ... để tăng cường kết nối với các khu công nghiệp, khu đô thị và du lịch. Với giao thông đối ngoại, Hải Phòng cùng Bộ Giao thông Vận tải và các địa phương trong khu vực tập trung mạnh mẽ cho các công trình hạ tầng giao thông có tính chất kết nối vùng, khu vực như: Xây dựng tuyến cao tốc ven biển đoạn qua thành phố, nâng cấp các tuyến quốc lộ; mở rộng cảng hàng không quốc tế Cát Bi, đồng thời nghiên cứu xây dựng cảng Nam Đồ Sơn, cảng hàng không Tiên Lãng, đường sắt cao tốc Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng ...

Vừa qua, tại kỳ họp thứ 2, Quốc hội khóa XV, Quốc hội đã thông qua Nghị quyết về một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển 4 tỉnh, thành phố, trong đó có thành phố Hải Phòng. Điều đó sẽ mở ra cơ hội mới, là nền tảng, là động lực quan trọng cho sự phát triển của thành phố Hải Phòng trong thời gian tới. Tạo điều kiện để Thành phố phát triển kết cấu hạ tầng giao thông đồng bộ, hiện đại, qua đó phát huy đầy đủ lợi thế của địa phương có cả 5 loại hình vận tải, thu hút các dự án đầu tư lớn trong các lĩnh vực cảng biển, logistics, công nghiệp công nghệ cao, công nghệ sạch, thương mại, dịch vụ, du lịch, góp phần đưa Hải Phòng trở thành trung tâm kinh tế lớn của cả nước, một thương cảng sầm uất của khu vực và trở thành trung tâm công nghiệp, thương mại, dịch vụ của cả nước./.

Thành Nam



Bến container Tân Vũ được trang thiết bị xếp dỡ tiên tiến hiện đại bậc nhất khu vực bán đảo Đình Vũ - Hải Phòng



HẢI PHÒNG PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC PHỤC VỤ CHO THU HÚT ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI



Lễ trao Giấy chứng nhận đầu tư dự án khu phi thuế quan - Logistics và công nghiệp Lạch Huyện, TP. Hải Phòng

Nhu cầu lao động ngày càng lớn

Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của Hải Phòng đến năm 2025 và tầm nhìn tới năm 2030 đặt ra mục tiêu sẽ lấp đầy 90% diện tích 12 khu công nghiệp. Đồng thời, mở rộng thêm 15 khu công nghiệp với tổng diện tích hơn 6.400 ha, thu hút vốn FDI đạt từ 12,5 tới 15 tỷ USD. Tương ứng với quy mô đó, ước tính Hải Phòng cần có số lượng lao động lên tới 300 nghìn người. Trong đó, nhu cầu lao động phổ thông khoảng 50%, công nhân kỹ thuật và người lao động đã qua đào tạo khoảng 40%, lao động quản lý có trình độ bậc trung bao gồm các thợ bậc cao, cử nhân, cao đẳng nghề, kỹ sư thực hành khoảng 7%, còn lại khoảng hơn 3% là lao động có trình độ cao như tiến sỹ, thạc sỹ, kỹ sư, cử nhân có kinh nghiệm.

Trong khi đó, những năm gần đây, nguồn nhân lực của thành phố Hải Phòng đang có xu hướng giảm, chất lượng nguồn nhân lực đứng trước nguy cơ không đáp ứng kịp với nhu cầu thực tế. Giai đoạn 2016 -2020, tỷ lệ lực lượng lao động so với dân số có xu hướng giảm dần, cụ thể năm 2016 là 57,45%; năm 2019 là 54,65%; năm 2020 là 52,49%.

Trước thực trạng đó, để giải bài toán nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ

cho quá trình phát triển, thành phố Hải Phòng đang thực hiện song song 02 nhiệm vụ chính đó là phát triển và nâng cao chất lượng nhân lực tại chỗ và tăng cường thu hút lao động ngoại tỉnh vào Thành phố.

Nâng cao chất lượng nhân lực tại chỗ thông qua hoạt động giáo dục nghề nghiệp

Đề nâng cao chất lượng nhân lực tại chỗ, Hải Phòng đã và đang triển khai đồng bộ nhiều giải pháp, trong đó có một số giải pháp nổi bật như: Hoàn thiện sắp xếp các cơ sở giáo dục nghề nghiệp (GDNN) công lập thuộc Thành phố quản lý, làm cơ sở tiếp tục hoàn thiện Dự án Quy hoạch mạng lưới cơ sở GDNN thành phố Hải Phòng đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Tiếp tục thực hiện đổi mới căn bản và toàn diện GDNN theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa XI; Tổ chức đào tạo, đào tạo lại cho người lao động, đồng thời đẩy mạnh tuyển sinh, đào tạo nhân rộng theo chương trình chuyển giao từ nước ngoài và chương trình chất lượng cao khác; Đẩy mạnh xã hội hóa GDNN và khuyến khích các nhà đầu tư nước ngoài đầu tư, thành lập cơ sở GDNN có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn Thành phố; Phối hợp thực hiện đạt mục tiêu phân luồng học sinh bậc học phổ thông vào học GDNN thông qua năng lực đào tạo nghề nghiệp, hiệu quả công tác truyền thông, tư vấn, tuyển sinh, đào tạo nghề nghiệp gắn với vị trí việc làm, đẩy mạnh hoạt động liên kết GDNN với doanh nghiệp; Tập trung đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

Hiện nay, trên địa bàn thành phố Hải Phòng có 55 cơ sở GDNN và 09 cơ sở hoạt động GDNN, trong đó có 34 đơn vị công lập và 21 đơn vị tư thực, trong đó có nhiều trường được lựa chọn đào tạo nghề trọng điểm cấp độ quốc tế, cấp độ khu vực ASEAN và cấp độ quốc gia. Để nâng cao chất lượng đào tạo nghề, thành phố Hải Phòng đã chỉ đạo, định hướng, hướng dẫn các cơ sở GDNN trên địa bàn tăng cường xây dựng các chương trình

đào tạo theo năng lực thực hành nghề dựa trên các tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia hoặc xác định chuẩn đầu ra theo ngành, nghề và vị trí việc làm ứng với từng trình độ đào tạo. Đối với định hướng phát triển các chương trình tiếp cận chuẩn khu vực ASEAN và quốc tế thì khi xây dựng chương trình đào tạo chuẩn quốc gia phải được tiếp cận, nghiên cứu và ứng dụng ở tất cả các khâu đào tạo bao gồm đánh giá trình độ đầu vào của người học, quá trình và đánh giá kết quả học để bảo đảm chuẩn đầu ra theo cam kết của nhà trường với người học, người sử dụng lao động.

Từ năm 2017 đến nay, đã có hơn 200 lượt chương trình, giáo trình đào tạo được các cơ sở GDNN tự chủ xây dựng theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực như: Tích hợp kiến thức, kỹ năng và phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo vào quá trình đào tạo; đảm bảo thời gian thực hành chiếm từ 70% trở lên. Đặc biệt, có nhiều cơ sở GDNN đã mạnh dạn xây dựng tăng thời lượng thực hành, thực tập tại doanh nghiệp, điển hình như các Trường Cao đẳng: Du lịch, Giao thông vận tải Trung ương II, Công nghiệp Hải Phòng, Hàng Hải I... đã xây dựng tới 40% thời gian thực hành tại doanh nghiệp; đã tổ chức đào tạo 15 chương trình đào tạo được chuyển giao từ Úc, Đức, Malaysia. Đến nay, đã có hơn 20 dự án đầu tư nước ngoài vào GDNN ở Hải Phòng. Các cơ sở GDNN luôn chủ động thực hiện, tiếp nhận sự hỗ trợ kỹ thuật từ các chuyên gia theo chương trình, dự án ODA, ADB và một số chuyên gia tình nguyện...

Cùng với đó, kết quả tuyển sinh và đào tạo của các cơ sở GDNN trên địa bàn Thành phố có chuyển biến tích cực. Giai đoạn 2017-2021, tổng số tuyển sinh đào tạo nghề nghiệp toàn thành phố Hải Phòng đạt gần 260 nghìn học sinh, sinh viên, học viên. Trong đó trình độ cao đẳng là 19,5 nghìn sinh viên; trình độ trung cấp trên 25,4 nghìn học sinh, sinh viên; trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng gần 213 nghìn học viên. Chất lượng



và hiệu quả đào tạo GDNN tiếp tục được nâng lên, có từ 80% - 85% số lao động qua đào tạo nghề trình độ cao đẳng được sử dụng đúng nghề; có một số nghề như: Hàn, Dịch vụ nhà hàng, Điều khiển tàu biển,... kỹ năng nghề của sinh viên đã đạt chuẩn quốc tế, qua đó bước đầu đáp ứng được nguồn nhân lực có tay nghề cao cho các doanh nghiệp và cho xuất khẩu lao động. Lực lượng lao động qua đào tạo nghề tham gia vào hầu hết các lĩnh vực và bước đầu có thể đảm nhận được các vị trí công việc phức tạp mà trước đây phải do chuyên gia nước ngoài thực hiện.

Bên cạnh đó, hoạt động đào tạo cho lao động nông thôn luôn được thành phố Hải Phòng quan tâm chỉ đạo triển khai, bố trí kinh phí thực hiện. Đến nay đã có hàng trăm nghìn lượt lao động nông thôn được đào tạo các trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng. Công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn góp phần chuyển một bộ phận lao động nông nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ. Một bộ phận lao động nông nghiệp đã đủ trình độ, năng lực vào làm việc ở các cơ sở công nghiệp, thủ công nghiệp, dịch vụ.

Phát triển nhà ở xã hội giá rẻ và nhà ở cho công nhân để thu hút lao động từ bên ngoài

Xác định lao động nhập cư là nguồn bổ sung quan trọng cho sự thiếu hụt về lao động của Thành phố, những năm qua, Hải Phòng đã có nhiều giải pháp để thu hút lực lượng lao động này. Nổi bật trong đó là việc thành phố Hải Phòng đang tập trung đẩy mạnh phát triển nhà ở xã hội giá rẻ bán cho công nhân, đồng thời thực hiện cơ chế giao đất cho doanh nghiệp xây dựng ký túc xá cho công nhân, qua đó thu hút, giữ chân người lao động, nhất là những người lao động có trình độ, chất lượng cao.

Được biết, từ nhiều năm trước, Hải Phòng đã phê duyệt triển khai 7 dự án xây dựng nhà ở cho công nhân do doanh nghiệp đầu tư từ nguồn vốn ngoài ngân sách, với tổng diện tích hơn 20,7ha, quy mô hơn 4.555 căn hộ. Hải Phòng dự kiến sẽ quy hoạch khoảng 20% diện tích đất trong các khu công nghiệp để xây dựng nhà ở xã hội phục vụ công nhân. Mới đây, Ban Quản lý Khu Kinh tế cùng lúc trao giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho 2 dự án xây dựng nhà ở công nhân của Công ty TNHH Pegatron Việt Nam và Công ty TNHH Universal Scientific Industrial Việt Nam.

Để thúc đẩy phát triển nhà ở công nhân, nhất là tại các khu công nghiệp, ngày 10/01/2022, Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng có Công văn số 185/ UBND-XD3 về một số giải pháp thúc đẩy phát triển nhà ở cho công nhân khu công nghiệp, trong đó có một nội dung quan trọng là: Khi lập, phê duyệt quy hoạch xây dựng khu công nghiệp, phải bố trí diện tích đất phù hợp trên địa bàn để xây dựng nhà công nhân, thiết chế của công đoàn đảm bảo đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội để phục vụ công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp đó.

Hải Phòng đang quyết tâm tạo đột phá trong xây dựng nhà ở công nhân, tạo lợi thế cạnh tranh, trong thu hút người lao động với các địa phương lân cận như Quảng Ninh, Hải Dương, Thái Bình... Đây cũng là giải pháp được cho là khá hiệu quả để khắc phục tình trạng thiếu hụt lao động của nhiều doanh nghiệp trong các khu công nghiệp của Hải Phòng./

Minh Châu

TRƯỜNG CAO ĐẲNG GIAO THÔNG VẬN TẢI TRUNG ƯƠNG II: PHÂN ĐẦU TRỞ THÀNH TRUNG TÂM ĐÀO TẠO CHẤT LƯỢNG CAO

Trường cao đẳng Giao thông vận tải Trung ương II tiền thân là Trường cơ khí đóng tàu được thành lập ngày 08/6/1965. Trải qua gần 60 năm xây dựng, qua các lần nâng cấp và thay đổi tên gọi Trường không ngừng được củng cố nâng cao về cả quy mô và chất lượng đào tạo. Từ đó đến nay, Trường đã đào tạo hàng chục nghìn lượt học viên, sinh viên góp phần cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng cho thành phố Hải Phòng nói riêng, ngành Giao thông vận tải và cả nước nói chung.

Trong giai đoạn hội nhập hiện nay, nhu cầu của người học và yêu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp có nhiều thay đổi. Về phía người học, một bộ phận không nhỏ học sinh và phụ huynh vẫn có tâm lý muốn học đại học tại đô thị lớn, trong khi về phía người sử dụng lao động, họ không chỉ đòi hỏi người lao động phải có tay nghề, chuyên môn tốt mà còn có tác phong công nghiệp, khả năng làm việc nhóm.... Do đó, để tồn tại và phát triển trong tình hình mới, Ban Giám hiệu nhà trường đã xác định nhiệm vụ then chốt nhất là nâng cao chất lượng đào tạo và thước đo chính xác nhất cho chất lượng chính là sự phản hồi, đánh giá của doanh nghiệp.

Được sự quan tâm của Bộ Giao thông vận tải, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp và thành phố Hải Phòng, cùng với sự lãnh đạo năng động, nhiệt huyết của tập thể lãnh đạo Nhà trường qua các thế hệ, hiện nay Trường đã có một hệ thống giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành sản xuất, khu làm việc được xây dựng khang trang đồng bộ. Thông qua "Đề án phát triển trường cao đẳng chất lượng cao đến năm 2025" theo Quyết định số 1363/QĐ-TTg ngày 11/10/2019 của Thủ tướng Chính phủ, Nhà trường được đầu tư các phòng học chuyên dùng cùng trang thiết bị thực hành hiện đại phục vụ tốt cho công tác đào tạo nghề, đặc biệt là với các nghề trọng điểm cấp độ quốc tế như: Công nghệ chế tạo vỏ tàu thủy, Điện tàu thủy, Hàn, Cắt gọt kim loại, Công nghệ ô tô và điện công nghiệp.



Chuyên gia nước ngoài đến thăm trường và kiểm tra lớp đào tạo chất lượng theo chương trình chuyển giao của CHLB Đức

Bên cạnh đó, Nhà trường luôn xác định chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, nhà giáo là yếu tố tiên quyết để nâng cao hiệu quả đào tạo. Do đó, nhiều năm qua, Trường có chính sách hỗ trợ khuyến khích các thầy, cô không ngừng nâng cao trình độ; cử hàng chục cán bộ, nhà giáo tham gia các lớp đào tạo về: tiếng Anh, bồi dưỡng kỹ năng nghề, bồi dưỡng công nghệ mới, nghiệp vụ quản lý cơ sở dạy nghề và các lớp đào tạo bồi dưỡng chuyên đề khác ở trong nước và nước ngoài. Mặt khác, đội ngũ giáo viên của trường thường xuyên được trau dồi kỹ năng nghề nghiệp giỏi các cấp từ cấp trường tới thành phố, bộ, quốc gia. Nhờ vậy, đội ngũ cán bộ và nhà giáo đều có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng (đều đạt chuẩn và trên chuẩn), có phẩm chất đạo đức tốt, có ý thức tự giác, nhiệt tình, đoàn kết và trách nhiệm trong việc thực hiện nhiệm vụ, công việc được phân công.

Trong quá trình học tập, Nhà trường thường xuyên tổ chức cho học sinh và sinh viên nhà trường thăm quan trải nghiệm thực tế tại các doanh nghiệp hoặc phối hợp với các doanh nghiệp tổ chức cho học sinh, sinh viên học sản xuất tại doanh nghiệp. Ngoài ra,

để nâng cao chất lượng đào tạo, Ban lãnh đạo Nhà trường thực hiện mô hình “dạy sản xuất” trong trường. Theo đó, các khoa phòng sẽ nhận các dự án, công trình của các doanh nghiệp và tiến hành tổ chức cho học sinh, sinh viên vừa học vừa tham gia làm việc cho dự án ngay tại trường. Đây là mô hình có hiệu quả cao trong đào tạo nghề không phải cơ sở giáo dục nghề nghiệp nào cũng thực hiện được.

Nhằm gắn đào tạo với nhu cầu sử dụng của xã hội, Nhà trường thành lập bộ phận làm nhiệm vụ kết nối với các doanh nghiệp trong và ngoài thành phố để nắm bắt nhu cầu vị trí việc làm, số lượng tuyển dụng; đề xuất ký các biên bản hợp tác với các doanh nghiệp cùng tham gia tuyển sinh (lấy việc tuyển sinh của Trường chính là tuyển dụng của doanh nghiệp). Từ đó, doanh nghiệp sẽ tham gia sâu vào trong nội dung đào tạo (bổ sung, tăng cường nội dung phù hợp với đơn vị của mình), sau này khi sinh viên tốt nghiệp, doanh nghiệp có được nguồn tuyển dụng chất lượng có thể làm việc được ngay. Hiện nay, Trường đã hợp tác với một số doanh nghiệp trong nước như: Công ty CP đóng tàu sông Cẩm, Công ty đóng tàu 189, Công ty CP công nghiệp tàu thủy Đồng Bắc,

Công ty TNHH MTV Đóng tàu Phà Rừng, Công ty TNHH LG Display Việt Nam, Công ty TNHH Van Der Leun Việt Nam, Công ty CP Viễn thông FPT,... và một số công ty của các nước Nhật Bản, Đức, Hà Lan, Hàn Quốc nhằm tạo điều kiện cho học sinh, sinh viên có cơ hội đi thực tập, lao động ở nước ngoài để nâng cao tay nghề.

Nhờ có sự chuẩn bị bài bản và tầm nhìn dài hạn, nên trong ba năm học gần đây, do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, kế hoạch đào tạo và phương pháp giảng dạy phải thay đổi (kết hợp trực tuyến và trực tiếp) nhưng chất lượng đào tạo của Nhà trường vẫn được giữ ổn định và từng bước nâng cao. Tỷ lệ tốt nghiệp của học sinh, sinh viên luôn đạt trên 97%, trong đó tỷ lệ khá giỏi đạt trên 55%. Đặc biệt, Nhà trường duy trì giảng dạy hai lớp đào tạo thí điểm cấp độ quốc tế (đó là 01 lớp nghề Điện tàu thủy và 01 lớp Công nghệ chế tạo vỏ tàu thủy) theo bộ chương trình đào tạo được chuyển giao từ CHLB Đức với cơ hội việc làm tốt, thu nhập cao. Quá trình đào tạo được các chuyên gia của Đức và Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp thường xuyên kiểm tra, giám sát và đánh giá cao.

Bên cạnh đó, năng lực, kỹ năng nghề học sinh, sinh viên nhà trường còn được khẳng định qua các Hội thi tay nghề các cấp với những kết quả đáng trân trọng, cụ thể trong ba năm qua, Hội thi tay nghề giỏi Thành phố đội tuyển học sinh, sinh viên Nhà trường đạt 27 giải trong đó 07 giải Nhất, 05 giải Nhì, 07 giải Ba và 08 giải Khuyến khích; Hội thi tay nghề ngành Giao thông vận tải đội tuyển học sinh, sinh viên Nhà trường đạt 38 giải trong đó 05 giải Nhất; 06 giải Nhì, 09 giải Ba, 18 giải Khuyến khích; Hội thi tay nghề Quốc gia đội tuyển học sinh, sinh viên Nhà trường đạt 14 giải Khuyến khích.

Trịnh Long



BAN QUẢN LÝ CÁC KKT HẢI PHÒNG: CHỦ ĐỘNG ĐỒNG HÀNH CÙNG CÁC DOANH NGHIỆP, NHÀ ĐẦU TƯ

Hai năm vừa qua, mặc dù gặp nhiều khó khăn nhưng tình hình thu hút đầu tư của TP. Hải Phòng đặc biệt, trong các KCN và KKT đạt nhiều kết quả khả quan. Chỉ tính riêng trong năm 2021, trong các KCN, KKT đã có 29 dự án FDI được cấp mới, 52 dự án FDI điều chỉnh tăng vốn và 02 lượt góp vốn mua cổ phần của các nhà đầu tư nước ngoài, tổng số vốn FDI thu hút là 5,149 tỷ USD, tăng 3,4 lần so với năm 2020.

Theo quy hoạch được phê duyệt đến năm 2025, trên địa bàn TP. Hải Phòng sẽ có thêm 15 KCN mới với diện tích khoảng 6.200 ha, dự kiến sẽ thu hút khoảng 15 tỷ USD vốn đầu tư. Hiện nay, có 6 KCN đang tập trung triển khai các thủ tục thành lập mới (tổng diện tích 2.758 ha) và 9 dự án đang hoàn thiện các quy trình, thủ tục để triển khai (tổng diện tích 3.466 ha).

Thông thoáng, minh bạch

Theo ông Bùi Ngọc Hải - Phó Trưởng ban Ban Quản lý KKT Hải Phòng, thời gian qua, hoạt động của các KCN và KKT Đình Vũ Cát Hải được Thành ủy, HĐND, UBND thành phố rất quan tâm. Trực tiếp các đồng chí lãnh đạo Thành ủy, UBND TP thường xuyên làm việc trao đổi với Ban quản lý KKT để nắm bắt khó khăn, chỉ đạo và hỗ trợ cho các doanh nghiệp, nhà đầu tư tháo gỡ khó khăn, giải quyết để xuất của họ trong quá trình triển khai đầu tư dự án tại các KCN và trong KKT Đình Vũ Cát Hải.

Không thể phủ nhận, Hải Phòng có sức hút rất lớn nhờ vào các cơ chế ưu đãi về thuế quan và hệ thống cơ sở hạ tầng. Đặc biệt, hạ tầng giao thông ngày càng hoàn thiện, tạo sự kết nối liên hoàn. Hải Phòng có đủ 5 loại hình giao thông vận tải: Đường thủy nội địa, đường biển, đường bộ, đường sắt và hàng không, trong đó hạ tầng cảng biển nước sâu và đường bộ cao tốc được đầu tư ngày càng hiện đại, trở thành lợi thế lớn của TP. Ngoài ra,

chất lượng nguồn điện được đảm bảo đáp ứng yêu cầu cho các nhà máy quy mô lớn hoạt động ổn định và liên tục. Tuy nhiên, khi các yếu tố này ngày càng trở nên "giống nhau" giữa các địa phương, điều tạo ra sự khác biệt chính là sự đồng hành với các chủ đầu tư của các cơ quan quản lý nhà nước địa phương, trong đó, cải cách TTHC được xem là khâu đột phá.

Cụ thể, Ban quản lý KKT Hải Phòng đã chủ động tham mưu để UBND TP giao Ban làm cơ quan đại diện tiếp nhận, giải quyết các thủ tục hành chính cho các doanh nghiệp trong các KCN và KKT Đình Vũ Cát Hải. Theo đó, các thủ tục hành chính quan trọng từ cấp giấy chứng nhận đầu tư, cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy phép xây dựng, phê duyệt quy hoạch chi tiết (1:500), cấp giấy phép sử dụng lao động, đánh giá tác động môi trường, quyết định giao đất đều được

thực hiện tại Ban quản lý KKT Hải Phòng. Ban chủ động rà soát, cải cách quy trình tiếp nhận, hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của doanh nghiệp theo hướng, văn bản giấy tờ nào bắt buộc phải lưu trữ theo quy định của pháp luật mới cần nộp lại, hạn chế tối đa việc yêu cầu doanh nghiệp phải nộp giấy tờ mà họ đã trình ở các lần trước đó. Nhờ vậy, Ban đã rút ngắn 10-20% thời gian giải quyết so với quy định cho mỗi TTHC, có trường hợp thủ tục được cắt giảm 50% thời gian giải quyết so với quy định; 18/26 thủ tục hành chính đạt các mức độ 3 và mức độ 4.

Thiết thực và hiệu quả

Trong hai năm vừa qua, do thực hiện các giải pháp chống dịch, Ban tập trung nâng cao hiệu quả hoạt động xúc tiến đầu tư tại chỗ thông qua các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp, hướng dẫn nhà đầu tư tìm hiểu về chính sách ưu đãi đầu tư vào KCN và KKT Đình Vũ Cát Hải; cập nhật và công khai hóa các thông tin kinh tế xã hội của thành phố, cơ chế chính sách, thủ tục đầu tư, chính sách hỗ trợ, ưu đãi doanh nghiệp,... trên Cổng thông tin điện tử nhằm tạo điều kiện cho nhà đầu tư tiếp cận dễ dàng, thuận lợi với các thông tin liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh.



Hạ tầng cảng biển hiện đại là lợi thế lớn để Hải Phòng thu hút đầu tư vào trong KKT Đình Vũ Cát Hải



Bên cạnh đó, Ban chuyển đổi sang tổ chức các hội nghị trực tuyến nhằm trực tiếp lắng nghe kiến nghị, khó khăn, vướng mắc của các doanh nghiệp, góp phần cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh. Nhờ đó, Ban đã hỗ trợ, tháo gỡ kịp thời khó khăn cho các nhà đầu tư trong các KCN, KKT, trong đó có các dự án lớn được tập trung hỗ trợ để đẩy nhanh tiến độ.

Để nâng cao mức độ cạnh tranh của TP. Hải Phòng trong thu hút lao động, Ban đang hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp đẩy nhanh tiến độ triển khai xây dựng các khu nhà ở công nhân, đảm bảo an sinh xã hội, quyền lợi cho người lao động. Cụ thể, Ban đã báo cáo UBND TP trình Ban Thường vụ Thành ủy xin ý kiến tập trung tháo gỡ các khó khăn để thực hiện về các dự án khu nhà ở công nhân của Công ty TNHH Regina Miracle International Việt Nam, Công ty USI, Công ty Pegatron Hải Phòng.

Nhờ vào sự đổi mới tích cực, tình hình đầu tư và hoạt động tại các KCN, KKT của Thành phố có nhiều khởi sắc. Năm 2021, Hải Phòng là điểm sáng về thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài với 29 dự án FDI cấp mới, 52 dự án FDI điều chỉnh tăng vốn, 2 lượt góp vốn mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài với tổng vốn thu hút đạt trên 5.149 triệu USD, tăng gần 3,4 lần so với cùng kỳ năm trước, đạt 206% so với kế hoạch. Lũy kế đến ngày 31/12/2021, các KCN và KKT đã thu hút 422 dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài với tổng vốn đầu tư gần 21.328,59 triệu USD. Về đầu tư trong nước (DDI), năm 2021, các KCN và KKT thu hút được 20 dự án cấp mới, 4 dự án điều chỉnh tăng vốn với tổng vốn thu hút đạt 135.547 tỷ đồng. Lũy kế đến ngày 31/12/2021, khu kinh tế, các khu công nghiệp thu hút 186 dự án đầu tư trong nước với tổng vốn đầu tư 281.327 tỷ đồng.

Điểm đặc biệt, lĩnh vực đầu tư phát triển khu, cụm công nghiệp đã đi đúng hướng và có sự dịch chuyển mạnh mẽ. Cụ thể, đã chuyển mạnh sang các ngành hàng mà Hải Phòng có lợi thế như công nghiệp điện tử máy tính, công nghiệp phụ trợ cho ngành hàng điện tử đang chiếm hơn 53%; lĩnh vực chế tạo ô tô xe máy, cơ khí máy móc thiết bị khoảng 10,8%; logistics và kinh doanh hạ tầng chiếm 9,9%. Như vậy, 3 lĩnh vực trên đã chiếm hơn 70% trong cơ cấu đầu tư vào khu công nghiệp và tỷ lệ này tiếp tục được dịch chuyển theo hướng tích cực hơn. Nhiều tên tuổi lớn đứng đầu trong các lĩnh vực sản xuất/chế tạo của mình như LG Display, BrigdeStone, GE, FujiXeror, Pegatrol đã và đang tiếp tục đầu tư vào các KCN, KKT Đình Vũ Cát Hải.

Trong năm 2021, giá trị sản xuất các doanh nghiệp trong các KCN và KKT Đình Vũ Cát Hải chiếm khoảng 70% giá trị sản xuất của TP; kim ngạch xuất khẩu trong KCN, KKT đạt 16,7 tỷ USD, bằng 80% kim ngạch xuất khẩu của TP; tổng số lao động đang làm việc tại khu kinh tế và các khu công nghiệp là 186.495 lao động, tăng 24,7% so với cùng kỳ năm trước; thu nhập bình quân của người lao động tại khu vực này đạt trung bình 11,5 triệu đồng/người/tháng./.

Trịnh Long

Hồng Thái là xã nằm gần trung tâm huyện An Dương, cách trung tâm thành phố Hải Phòng khoảng 10 km. Trên địa bàn Xã có nhiều tuyến giao thông quan trọng chạy qua, như: Tuyến đường trục đô thị nối từ Quốc lộ 10 đến quận Hải An; Đường tỉnh lộ 351 chạy từ phía Bắc đến phía Nam của Xã kết nối trung tâm huyện An Dương với quận Kiến An. Đặc biệt là hệ thống vận tải đường thủy nội địa theo sông Lạch Tray chạy qua phía Đông theo chiều từ Bắc đến Nam của Xã.

Với vị trí thuận lợi đó, Hồng Thái có cơ hội để đẩy nhanh quá trình đô thị hóa, đồng thời chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp, thương mại và dịch vụ, giảm tỷ trọng nông nghiệp. Đến nay, trên địa bàn xã Hồng Thái xuất hiện nhiều mô hình, cách làm mới mang lại hiệu quả kinh tế cao với các sản phẩm hoa cây cảnh như: hải đường, đào, quất cảnh, cây công trình, hoa các loại, đặc biệt là làng nghề hoa hồng cổ thôn Kiểu Trung đạt 560 triệu đồng /ha/năm. Đáng chú ý, lĩnh vực tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ có bước phát triển tăng trưởng khá, tạo việc làm, thu nhập cho các hộ gia đình.

Lĩnh vực văn hoá xã hội tiếp tục có những chuyển biến tích cực. Công tác xây dựng Đảng được tập trung lãnh đạo, chỉ đạo đạt nhiều kết quả tích cực, tổ chức Đảng và hệ thống chính trị từ xã đến thôn, xóm được kiện toàn củng cố, năng lực hiệu quả được nâng lên, đoàn kết nội bộ được tăng cường, giữ vững.

Thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng Nông thôn mới (NTM), giai đoạn 2015-2020, xã Hồng Thái đã làm mới được 14,5 km đường giao thông ngõ xóm, nội đồng. Xã đã huy động trên 16 tỷ đồng nhân dân đóng góp xây dựng các công trình NTM. Bên cạnh đó, được sự đầu tư của huyện và thành phố, xã Hồng Thái xây dựng được nhiều công trình trọng điểm như: tuyến đường nhựa liên thôn Kiểu Đông - Tiên Sa, dãy nhà 2 tầng 8 phòng học, khu phụ trợ trường Tiểu học, dãy nhà 2 tầng 10 phòng học và khu phụ trợ trường Mầm non. Năm 2017, xã được thành phố công nhận hoàn thành chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng NTM.

Với nền tảng đã có, giai đoạn 2020-2025, xã Hồng Thái xác định mục tiêu khai thác và phát huy tiềm năng, lợi thế của xã ven đô, huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, phấn đấu xây dựng địa phương có kinh tế phát triển



Hồng Thái trên lộ trình đô thị hóa

Những năm qua, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân xã Hồng Thái, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng đã khai thác tốt những lợi thế để phát triển kinh tế - xã hội, giúp cho đời sống nhân dân ngày một nâng cao, cơ sở hạ tầng được tăng cường đầu tư, bộ mặt nông thôn có nhiều đổi mới.

nhANH, BỀN VỮNG theo hướng công nghiệp hóa- hiện đại hóa, đô thị hoá. Theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố Hải Phòng nhiệm kỳ 2020-2025, mục tiêu đề ra là đến trước năm 2025, sẽ hoàn thành thủ tục pháp lý để chuyển đổi huyện An Dương thành đơn vị hành chính quận. Khi đó Hồng Thái sẽ là một trong những phường trung tâm của quận An Dương. Do đó, cùng với nhiệm vụ hoàn thiện các tiêu chí NTM kiểu mẫu theo Bộ tiêu chí xã NTM kiểu mẫu của thành phố, xã Hồng Thái định hướng phát triển theo 03 hướng chủ đạo là phát triển dịch vụ thương mại tổng hợp; phát triển nông nghiệp công nghệ cao và tập trung đẩy mạnh đô thị hóa.

Hồng Thái đang tập trung đẩy mạnh thực hiện chủ đề năm “Đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, kỷ luật, kỷ cương công vụ - Xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu – Công tác quản lý đất đai, trật tự xây dựng”. Với mục tiêu hướng tới là phát triển kinh tế theo mô hình nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sinh thái; tiếp tục tăng giá trị sản xuất nông nghiệp, thương mại và dịch vụ. Hồng Thái tạo mọi điều kiện để nhân dân sản xuất nông nghiệp phát triển theo mô hình trang trại, gia trại, phát triển mạnh đàn gia súc, gia cầm. Trong sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp,



Những ngôi nhà khang trang xuất hiện ngày càng nhiều ở Hồng Thái

thương mại dịch vụ, Xã tích cực huy động mọi nguồn lực của các thành phần kinh tế trong và ngoài địa phương, khuyến khích, đẩy mạnh phát triển ngành nghề như: mộc, cơ khí, vật liệu xây dựng, vận tải, hoạt động thương mại dịch vụ ở các cụm dân cư. Đồng thời tập trung nâng cao hiệu quả quản lý đất đai, giao thông thuỷ lợi, môi trường, xây dựng cơ bản...

Trong quý I năm 2022, trên tinh thần thích ứng linh hoạt, vừa kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19, vừa tập trung phát triển kinh tế - xã hội, xã Hồng Thái đã phát động nhân dân thực hiện tốt việc quy hoạch vùng và mở rộng diện tích trồng hoa cây cảnh. Thực hiện hiệu quả mục tiêu phát triển kinh tế theo hướng thương mại, dịch vụ

và tiểu thủ công nghiệp. Hồng Thái cũng đang tập trung thực hiện Kế hoạch tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với khắc phục những diện tích bỏ hoang và quy hoạch vùng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao. Trong đó tập trung phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa quy mô lớn gắn với dịch vụ du lịch nông thôn; Tăng cường thu hút đầu tư vào phát triển nông nghiệp để nâng cao chất lượng, giá trị và tăng sức cạnh tranh trên thị trường. Đặc biệt, với 12/19 tiêu chí đã đạt NTM kiểu mẫu, Hồng Thái tiếp tục tập trung nguồn lực để từng bước hoàn thiện 7 tiêu chí còn lại, phấn đấu hoàn thành xây dựng NTM kiểu mẫu theo đúng kế hoạch đã đề ra.

Minh Hùng

CON SỐ & SỰ KIỆN

Tạp chí của Tổng cục Thống kê ISSN 2734-9136. Số kỳ I - 5/2022 (621) Ra hàng tháng. Năm thứ 61

Tổng biên tập: NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG - Phó Tổng biên tập: BÙI BÍCH THỦY - NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LAN

Tòa soạn: 54 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội ĐT: (84-24) 37344920 - 37344970 - 37344971

Fax: 84-24-37344969 Email: consosukien@gso.gov.vn

Giấy phép xuất bản số 340/GP-BTTTT ngày 09/6/2021. Số lượng in: 1.200 bản

In tại Công ty TNHH In Tân Thăng Long

Ấn phẩm được phát hành qua ngành Bưu điện. Độc giả đặt mua tại các Bưu điện trong cả nước.

TRONG SỐ NÀY

HOẠT ĐỘNG TRONG NGÀNH

1. Hợp báo tình hình lao động việc làm cả nước quý I năm 2022

3. Hội thảo về việc sửa đổi Chương trình điều tra thống kê quốc gia

4. Hội thảo Dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn GDP và GRDP

5. Thủ tướng ban hành Khung đánh giá tình hình thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội

KINH TẾ - XÃ HỘI

6. Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - Vương quốc Anh và Bắc Ailen (UKVFTA) : Đòn bẩy trong thúc đẩy trao đổi thương mại và đầu tư song phương

Minh Thư

8. Hoạt động xuất khẩu những sự khởi đầu thuận lợi
TS Nguyễn Thị Thu Hương - ThS. Lê Thị Thùy Chinh

11. Tập trung tháo gỡ điểm nghẽn để doanh nghiệp nhà nước phát huy vai trò then chốt trong nền kinh tế
TS. Nguyễn Thị Phương Thảo

14. Thúc đẩy sự phát triển ngành logistics ở Việt Nam
ThS. Huỳnh Văn Khải

17. Thanh toán thương mại quốc tế - Bài học từ những rủi ro
ThS. Phạm Thị Thanh Lê

20. Giảm thuế giá trị gia tăng - Liều thuốc kích cầu hỗ trợ kinh tế phục hồi
ThS. Vũ Thị Khánh Minh

23. Để ngành công nghiệp chế biến gỗ phát triển bền vững, hiệu quả
Thu Hương

25. Ngành tôm Việt Nam - Những vấn đề đặt ra
Thu Hiền

27. Phụ nữ Việt Nam: Dấu ấn nổi bật giai đoạn 2017-2022 và những quyết tâm trong phong trào thi đua giai đoạn tiếp theo
Thu Hòa

30. Tác động của dịch Covid-19 đến tình hình lao động, việc làm cả nước quý I năm 2022

35. Tin địa phương

QUỐC TẾ

37. Cuộc đua phát triển năng lượng tái tạo trên toàn cầu
Tiến Long

39. Ngành du lịch Đông Nam Á: Nỗ lực phục hồi sau bão đại dịch
Bích Ngọc

SÁCH HAY THỐNG KÊ

42. Báo cáo chỉ số phát triển con người Việt Nam giai đoạn 2016-2020

HẢI PHÒNG - THU HÚT ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

44. Hải Phòng xây dựng hạ tầng giao thông đồng bộ hiện đại tạo động lực để phát triển đột phá
Thành Nam

46. Hải Phòng phát triển nguồn nhân lực phục vụ cho thu hút đầu tư và phát triển kinh tế - xã hội
Minh Châu

47. Trường cao đẳng Giao thông vận tải Trung ương II: Phấn đấu trở thành trung tâm đào tạo chất lượng cao

49. Ban quản lý các KKT Hải Phòng: Chủ động đồng hành cùng các doanh nghiệp, nhà đầu tư
Trịnh Long

50. Hồng Thái trên lộ trình đô thị hóa
Minh Hùng



NamDinhVu
INDUSTRIAL PARK

KCN NDV - NAM ĐÌNH VŨ

VỊ TRÍ VÀNG



TAM GIÁC KINH TẾ ĐÔNG BẮC BỘ

6

LỢI THẾ CẠNH TRANH

- **Hưởng ưu đãi thuế hấp dẫn nhất thị trường Việt Nam**
- **Vị trí đắc địa bậc nhất, hội tụ 5 loại hình giao thông**
- **4 phân khu chức năng hiện đại - đồng bộ - hoàn chỉnh**
- **Sở hữu Cảng Biển Quốc Tế Nam Đình Vũ**
- **Sở hữu Cảng dầu khí và Hàng lỏng**
- **Gói hỗ trợ thủ tục miễn phí xuyên suốt quá trình đầu tư**

20 năm

THÀNH LẬP TẬP ĐOÀN SAO ĐỎ



www.namdinhvu.com



Phường Đông Hải 2, Quận Hải An,
Hải Phòng, Việt Nam



(+84) 225 3 814301



(+84) 965 469 469

MANG PHẦN THỊNH ĐẾN VỚI KHÁCH HÀNG

